

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

TÀI LIỆU PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ	2
PHẦN 1: QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT	3
PHẦN 2. BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021	5
PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	16
PHẦN 4: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN NĂM 2021	25
PHẦN 5: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020	33
PHẦN 6: TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2021	34
PHẦN 7: BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG, THÙ LAO CỦA BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT.....	36
PHẦN 8: TỜ TRÌNH BỔ SUNG, SỬA ĐỔI CHI TIẾT NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CTCP PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU	39
PHẦN 9: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ	44
PHẦN 10: DỰ THẢO QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ	87
PHẦN 11: DỰ THẢO.....	127
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	127
PHẦN 12: DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	149
PHẦN 13: BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT.....	164
PHẦN 14. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	165

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ
PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Ngày 27 tháng 04 năm 2021

TT	Nội dung	Thời gian
1	Đón tiếp Đại biểu và quý cổ đông	8h00 - 8h30
2	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu	8h30 - 8h40
3	Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách cổ đông	8h40 - 8h45
4	Thông báo Quy chế làm việc của Đại hội, nội quy cuộc họp Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Thư ký Đại hội	8h45 - 8h55
5	Khai mạc cuộc họp Thông qua Chương trình nghị sự của Đại hội Bầu Ban Kiểm phiếu	8h55 - 9h05
6	Báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020 và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021	9h05 - 9h35
7	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, phương hướng hoạt động 2021	9h35 - 9h45
8	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020, kế hoạch hoạt động 2021 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021	09h45 - 09h55
9	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020; Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2020 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021	09h55 - 10h05
10	Báo cáo tiền lương, tiền thưởng, thù lao năm 2020 của Ban quản lý điều hành và Kế hoạch năm 2021 của HĐQT, BKS.	10h05 - 10h10
11	Trình bổ sung, sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh.	10h10 - 10h15
12	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; Quy chế quản trị nội bộ; Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của BKS.	10h15 - 10h30
13	Hội nghị thảo luận, giải đáp thắc mắc về nội dung các báo cáo, tờ trình	10h30-10h45
14	Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình	10h45-10h55
15	<i>Hội nghị giải lao</i>	10h55 - 11h10
16	Bầu cử thành viên HĐQT/Ban kiểm soát (<i>dự kiến, nếu có</i>) - Thông qua Quy chế Bầu cử - Trình bày tờ trình bầu cử - Thông qua danh sách ứng viên ĐHĐCĐ biểu quyết, bỏ phiếu bầu cử	11h10 - 11h30
17	Hội nghị thảo luận (tiếp tục)	11h30 - 11h45
18	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các báo cáo/tờ trình Công bố kết quả bầu cử	11h45 - 11h50
19	Thông qua dự thảo Biên bản và Nghị quyết đại hội	11h50-12h00
	Bế mạc Đại hội	12h00

PHẦN 1: QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ THẺ LỆ BIỂU QUYẾT

Để công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau được thực hiện theo đúng trình tự, quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, với mục tiêu đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Tất cả các cổ đông đến dự họp ăn mặc nghiêm túc, xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy mời họp và giấy tờ khác liên quan đến việc xác minh tư cách cổ đông dự họp tại bàn tiếp đón.
2. Ban tổ chức ưu tiên sắp xếp chỗ ngồi, phát tài liệu, in phiếu biểu quyết cho cổ đông có xác nhận tham dự họp và đến đúng giờ.
3. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
4. Không hút thuốc lá trong Hội trường.
5. Không nói chuyện riêng, không nói chuyện điện thoại trong cuộc họp. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

II. TRÌNH TỰ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

Ngay sau khi Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo kết quả kiểm tra và xác định số lượng cổ đông có mặt thỏa mãn điều kiện để tổ chức cuộc họp, thủ tục khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) được tiến hành ngay.

1. **Giới thiệu nội quy, thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký.**
2. **Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội phát biểu chào mừng quý vị cổ đông đến dự họp.**
3. **Thông qua Chương trình nghị sự, bầu Ban kiểm phiếu.**
ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
4. **Báo cáo trước Đại hội nội dung của phiên họp.**

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG TẠI CUỘC HỌP:

1. Nguyên tắc:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi cổ đông khi vào dự họp được cấp một Thẻ biểu quyết, một Phiếu bầu cử HĐQT, một phiếu bầu cử BKS, trong đó ghi các thông tin theo quy định (*có in mã vạch để phục vụ việc kiểm phiếu bằng công nghệ thông tin*).

2. Cách biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết các nội dung theo quy định bằng cách giơ thẻ biểu quyết.

Riêng về biểu quyết để bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát, cổ đông điền Phiếu bầu cử theo quy định và hướng dẫn tại Quy chế bầu cử HĐQT/BKS.

3. Kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên do Đoàn Chủ tịch đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu tiến hành công việc thu phiếu, kiểm phiếu với sự trợ giúp của tổ giúp việc.

Trong trường hợp cần thiết, Đoàn Chủ tịch sẽ mời đại diện quý vị cổ đông dự họp để tham gia giám sát quá trình thu phiếu và kiểm phiếu với Ban kiểm phiếu.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐOÀN:

1. Điều khiển cuộc họp theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được ĐHĐCĐ thông qua. Chủ tịch đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn các cổ đông thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của cuộc họp ĐHĐCĐ và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp.
3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình họp ĐHĐCĐ.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ:

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
2. Soạn thảo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết về nội dung đã được thông qua tại cuộc họp.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU:

1. Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết và quy chế bầu cử HĐQT/BKS.
2. Phát và thu phiếu bầu cử tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử.
3. Nhanh chóng thông báo cho Đoàn chủ tịch và Ban Thư ký kết quả Bầu cử.
4. Xem xét và báo cáo với ĐHĐCĐ quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử, biểu quyết.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA, CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Ngọc Nguyên

PHẦN 2. BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Khép lại năm 2020 đầy khó khăn thách thức khi kinh tế toàn cầu liên tục bị suy giảm nghiêm trọng do chịu tác động bởi đại dịch Covid-19, còn tại Việt Nam phải đối mặt với thách thức về biến đổi khí hậu, những tác động của hạn hán và xâm nhập mặn ở Tây Nam Bộ, mưa bão lũ lụt ở Miền Trung và Tây Nguyên khiến cho nhu cầu sử dụng phân bón của nông dân suy giảm mạnh, tồn kho hệ thống cao, giá nông sản giảm mạnh và giá dầu giảm kéo theo giá bán ure giảm trong nửa đầu năm 2020. Tuy nhiên nhờ việc sắp xếp bộ máy khoa học và tinh gọn, khả năng ứng biến nhanh, điều hành linh hoạt của đội ngũ Lãnh đạo và đặc biệt nỗ lực trong công tác sản xuất, bán hàng, thực hiện nhiều giải pháp tiết kiệm tiết giảm chi phí: nỗ lực trong công tác duy trì vận hành nhà máy ổn định ở công suất cao, đẩy mạnh triển khai chương trình tối ưu hóa, tiết kiệm năng lượng để giảm tiêu hao nguyên liệu cũng như đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu ure, cải tiến trong hoạt động... qua đó giúp công ty hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu tài chính, đạt được những con số ấn tượng, cụ thể:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2019	Năm 2020		Thực hiện	Tỷ lệ so sánh (%)	
				Kế hoạch				
				NQ 1161 ngày 25/06/20	NQ 2619 ngày 22/12/20 (*)			
A	B	C	I	2	3	4	5=4/3	6=4/1
I	Chỉ tiêu sản lượng							
1	Sản xuất các sản phẩm							
-	Ure quy đổi	Nghìn tấn	870,29	800,91	895,15	934,77	104%	107%
	<i>Trong đó: -Sản phẩm từ gốc ure</i>	<i>Nghìn tấn</i>	<i>29,85</i>	<i>45,00</i>	<i>35,00</i>	<i>35,51</i>	<i>101%</i>	<i>119%</i>
-	NPK	Nghìn tấn	-	160,00	15,00	-		
2	Tiêu thụ các sản phẩm							
-	Ure quy đổi	Nghìn tấn	844,43	738,24	902,57	1.008,44	112%	119%
-	NPK	Nghìn tấn	-	160,00	15,00	-		
-	Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	167,07	185,00	140,00	171,48	122%	103%
II	Chỉ tiêu tài chính hợp nhất							
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.218,47	7.956,49	6.952,91	7.700	111%	107%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	463,09	57,02	510,95	716,53	140%	155%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	427,72	51,91	479,25	662,45	138%	155%
4	Các khoản nộp NSNN (**)	Tỷ đồng	93,30	40,59	53,91	87,09	162%	93%
III	Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ							
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.209,16	7.823,09	6.819,52	7.664	112%	106%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	460,37	54,79	508,73	714,83	141%	155%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	425,83	50,43	477,76	661,56	138%	155%
4	Các khoản nộp NSNN (**)	Tỷ đồng	87,15	34,37	47,70	80,24	168%	92%

5	Tỷ suất LNTT/vốn CSHBQ	%	7%	0,9%	8,2%	11,6%	141%	154%
6	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	334,78	183,65	153,30	112,89	74%	34%

Ghi chú: (*) Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 thực hiện theo Nghị quyết 2619/NQ-PVCFC ngày 22/12/2020 của HĐQT. Các chỉ tiêu này được điều chỉnh thay thế các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính của Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được thông qua tại Nghị quyết phiên họp thường niên năm 2020 số 1161/NQ-PVCFC ngày 25/06/2020.

(**) Các khoản nộp NSNN: là tiền thuế phát sinh trong năm 2020, được thể hiện trên Báo cáo tài chính tại cột “Số phải nộp trong năm”.

Nhận xét:

- Về kết quả hoạt động của công ty Mẹ:
 - Lần đầu tiên trên hành trình 9 năm, Nhà máy cán mốc 934,77 nghìn tấn sản lượng urê quy đổi, đạt 104% kế hoạch, đạt 107% so với cùng kỳ năm 2019. Nhà máy vận hành liên tục an toàn, ổn định và hiệu quả ở 110% công suất thiết kế.
 - Sản lượng tiêu thụ urê quy đổi đạt 1.008,44 nghìn tấn, đạt 112% so với kế hoạch, đạt 119% so cùng kỳ năm 2019. PVCFC đã nỗ lực tìm kiếm thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu đi các nước như Myanmar, Thái Lan, Campuchia, Ấn Độ, Brazil. Tổng sản lượng xuất khẩu năm 2020 đạt hơn 300 nghìn tấn bằng 165% so với sản lượng xuất khẩu năm 2019, cao nhất các năm qua.
 - Tổng doanh thu đạt 7.664 tỷ đồng, đạt 112% so với kế hoạch, đạt 106% so cùng kỳ năm 2019.
 - Lợi nhuận trước thuế đạt 714,83 tỷ đồng, đạt 141% so với kế hoạch, đạt 155% so cùng kỳ năm 2019.
- Về kết quả hoạt động của Công ty con - Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC)

PPC đã nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu được Công ty mẹ giao: vượt kế hoạch chỉ tiêu sản lượng sản xuất bao bì, tăng 8% so với kế hoạch, tăng 10% so với năm 2019, cung cấp kịp thời bao bì cho PVCFC; doanh thu tăng 5% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế tăng 3% so với kế hoạch. Bên cạnh đó PPC luôn đảm bảo cung cấp kịp thời bao bì cho PVCFC đồng thời chủ động tìm kiếm thị trường bên ngoài cho hai dòng sản phẩm bao bì & phân bón. Riêng sản phẩm phân bón PPC chủ động giảm sản xuất để tiêu thụ hết sản lượng tồn kho, giảm chi phí lưu kho và đảm bảo duy trì được chất lượng sản phẩm.

2. Công tác quản lý vận hành sản xuất

- Sản lượng urê quy đổi năm 2020 là 934,77 nghìn tấn, cao kỷ lục kể từ khi nhà máy đưa vào vận hành. Ngày 13/09/2020, Công ty ghi nhận dấu mốc đạt sản lượng 7 triệu tấn sản phẩm urê có mặt trên thị trường. Nhà máy được nhà bản quyền Haldor Topsoe đánh giá xếp hạng trong Top 10 nhà máy có hiệu quả hoạt động tốt nhất thế giới.
- Sau bảo dưỡng tổng thể (BDTT), Nhà máy đã đưa vào hoạt động một số chương trình tối ưu hóa và tiết kiệm năng lượng như: hạng mục “Cải hoán trao đổi nhiệt” đã hoàn thành lắp đặt thiết bị, chạy thử và bàn giao đưa vào áp dụng đang thu thập số liệu đánh giá hiệu quả thực tế mang lại; hạng mục “Gia nhiệt Metan hóa” đã hoàn thành lắp đặt thiết bị, chạy thử và bàn giao đưa vào hoạt động giúp rút ngắn 5 giờ thời gian khởi động xường NH3. Ngoài ra các hạng mục “thu hồi hơi trung áp xường

urê”, “thu hồi khí H₂ trong dòng offgas”, “cải hoán cung cấp CO₂ thô” vẫn đang tiến hành mua sắm, lắp đặt tie-in point và sẽ đưa vào áp dụng trong giai đoạn tới.

- Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19: luôn được PVCFC quan tâm và ưu tiên hàng đầu, đặc biệt trong đợt BDTT, Công ty tăng cường hơn nữa công tác kiểm soát dịch như: Tổ chức khai báo trước nhân sự nhà thầu được huy động, kiểm tra khai báo y tế, kiểm soát thân nhiệt bằng camera tầm nhiệt, sắp xếp căn tin và giờ ăn hợp lý, cử đầu mối giám sát và họp ngay tại công trường tránh vào phòng máy lạnh. Trang bị đầy đủ vật tư y tế như: nước sát khuẩn, khẩu trang và tăng cường công tác tuyên truyền phòng chống Covid-19.

3. Công tác quản lý kinh doanh - tiếp thị truyền thông

- Mặc dù nhu cầu tiêu thụ sụt giảm tại hầu hết các khu vực do hạn mặn, thiếu nước... nhưng PVCFC vẫn giữ vững được thị phần tiêu thụ tại các thị trường mục tiêu. Đây mạnh xuất khẩu để xâm nhập và từng bước chiếm lĩnh thị phần tại các khu vực Châu Á khác như Thái Lan, Myanmar, Ấn Độ và Brazil...
- Không ngừng đầu tư, hoàn thiện tổ chức mạng lưới tiêu thụ và kênh phân phối thông qua việc rà soát, bổ sung thêm khách hàng tại các khu vực. Từng bước áp dụng hình thức đại lý thương mại hưởng hoa hồng vào công tác kinh doanh sản phẩm mới, NPK.
- Hoạt động kinh doanh thông suốt, hiệu quả và tránh được chông chéo khi công ty sử dụng DMS để kiểm soát hệ thống phân phối (HTPP) cấp 1, tăng cường tương tác với HTPP cấp 2, ghi nhận và nắm bắt kịp thời tình hình tiêu thụ, tồn kho thực tế. Đến nay trên hệ thống DMS công ty thu thập được khoảng 12.300 dữ liệu đại lý cấp 2 giúp thuận tiện trong việc triển khai các chính sách bán hàng; tư vấn, thông tin về thời tiết, giá cả, dịch bệnh... trong hoạt động nông nghiệp thông qua app 2nông cũng như giải quyết khiếu nại khách hàng qua hệ thống CRM. Hiện nay công ty đang triển khai Qrcode để truy xuất nguồn gốc sản phẩm, kết nối với DMS nhằm quản lý tốt hơn nữa hoạt động bán hàng.
- Triển khai các chương trình tiếp thị truyền thông lớn để hỗ trợ bà con sau khó khăn của hạn mặn, dịch bệnh và gia tăng lượng bán hàng trong mùa cao điểm như “Thần tài ra đồng-Nhà nông trúng lớn”, “Mua hàng ngay-thưởng liền tay”, “Mua càng nhiều-Thưởng càng lớn” & “Cùng Đạm Cà Mau xây dựng cửa hàng mẫu”. Các hoạt động tiếp thị hỗ trợ thau rải phân cho bà con khu vực ĐNB-TN, Miền Trung; lắp bảng biển hiệu, quảng cáo trên phương tiện vận tải của đại lý, gia tăng nhận diện tại điểm bán thông qua chương trình trưng bày “Tôi chọn Đạm Cà Mau”, hội thảo nông dân... tại các khu vực. Hiện nay PVCFC đang thu thập ý tưởng mở rộng cấu trúc thương hiệu khẳng định vai trò cung cấp bộ giải pháp dinh dưỡng cho cây trồng phù hợp với định hướng chiến lược dài hạn.
- Công tác chuẩn bị thị trường cho sản phẩm NPK Cà Mau vẫn được thực hiện song song gồm xây dựng và hoàn thiện hệ thống phân phối, chính sách bán hàng; quảng cáo, truyền thông trên tất cả các phương tiện (truyền hình, báo, đài, in trên bao bì urê, hội thảo giới thiệu sản phẩm...), hoàn thiện chiến lược marketing NPK Cà Mau giai đoạn 2020-2021 và tầm nhìn đến 2025. PVCFC đã chuẩn bị sẵn sàng các phương án để ra mắt ngay khi có sản phẩm NPK Cà Mau thương mại.

4. Hoạt động đầu tư xây dựng

- Dự án đầu tư sản xuất phân bón phức hợp từ urê nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm: Đến nay tiến độ dự án đạt 99% do ảnh hưởng bởi dịch bệnh nên nhà bản quyền không thể trực tiếp tham gia tại dự án mà chỉ phối hợp hướng dẫn từ xa. Hiện tại dự án đã tiến hành chạy thử tạo hạt ở chế độ tải thấp 50% và tiếp tục rà soát theo ý kiến của Nhà bản quyền, đánh giá các điểm sửa đổi sau quá trình chạy thử để điều chỉnh trước khi chạy lại. Tiếp đó cùng với Liên danh nhà thầu tạm nghiệm thu có điều kiện nếu như kết quả kiểm thử đạt yêu cầu, chờ khi dịch Covid-19 đi qua Nhà thầu và Nhà cung cấp được phép qua Việt Nam sẽ tiến hành nghiệm thu chính thức để đưa vào sử dụng.
- Dự án bổ sung nguồn điện từ lưới điện quốc gia cho NM Đạm Cà Mau: Đã đưa vào sử dụng từ ngày 25/01/2021.
- Các dự án nằm trong chiến lược đa dạng hóa nguồn nguyên, nhiên liệu cho sản xuất trong đó: “hạng mục cải hoán và cung cấp CO2 thô tại nhà máy Đạm Cà Mau” đã ký hợp đồng EPC và đang thực hiện hợp đồng; “Dự án đầu tư nhà máy khí hóa than” đã hoàn thành Báo cáo cơ hội đầu tư dự án và đang hoàn thiện thủ tục dừng công tác chuẩn bị đầu tư tại bước đánh giá cơ hội đầu tư dự án.
- Dự án “Nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh”: tiếp tục nghiên cứu, làm việc với đối tác về phương án hợp tác sản xuất phân bón trên thương hiệu Phân bón Cà Mau để kinh doanh thử nghiệm và thăm dò thị trường. Khi có kết quả thị trường và sản phẩm tốt sẽ đầu tư dự án bằng nhiều hình thức như góp vốn, hợp tác, đầu tư trực tiếp.

Đối với công tác đầu tư xây dựng, PVCFC luôn chủ động rà soát đánh giá kỹ tất cả dự án đầu tư, hạng mục mua sắm trước khi thực hiện đảm bảo thực sự cần thiết, tính hợp lý và theo thứ tự ưu tiên, tối ưu trong việc sử dụng nguồn vốn. Đối với các dự án đầu tư đang ghi đầu mục PVCFC vẫn tiếp tục nghiên cứu và lựa chọn thời điểm đầu tư phù hợp đem lại hiệu quả.

5. Các hoạt động quản lý khác

a. Công tác quản trị

PVCFC đã đặt trọng tâm về công tác quản trị doanh nghiệp để đủ sức cạnh tranh và phát triển bền vững ổn định, trong đó tập trung:

- Công tác sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn, giảm số đầu mối xử lý công việc từ 18 còn 13 đầu mối, tăng hiệu quả hoạt động, phù hợp với thực hiện mục tiêu chiến lược Công ty. Thành lập mới Ban kiểm toán nội bộ để thực hiện chức năng kiểm toán độc lập và tư vấn tối ưu hóa công tác quản trị theo yêu cầu của Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ và Luật Doanh nghiệp mới.
- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số và làm việc trực tuyến trong giai đoạn covid-19 nhằm giữ vững tăng trưởng trong sản xuất kinh doanh.
- Tập trung thực hiện các giải pháp để tiết giảm, tiết kiệm, triển khai các hoạt động thực sự cần thiết nhằm tiết giảm chi phí.
- Tăng cường ứng dụng mạnh mẽ hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho công tác quản trị, bán hàng, các hoạt động tiếp thị truyền thông nhằm tiết giảm chi phí hoạt động như ERP, BI, SAP, phần mềm QTRR, e-Office, ký điện tử, 2 Nông, DMS, nâng cao công tác báo cáo quản trị bằng việc bổ sung phân hệ Báo cáo quản trị và dòng tiền trên ERP...

- PVCFC cũng đã tổ chức Hội thảo chuyên đề “Chuyển đổi số - Từ chiến lược đến thực thi” với sự chia sẻ của Chuyên gia công nghệ cấp cao quốc tế. Hội thảo diễn ra tập trung, chuyên sâu với nhiều trăn trở của các cấp quản lý tại PVCFC với hành trình chuyển đổi số thực tiễn tại doanh nghiệp nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh trong bối cảnh thế giới đầy bất ổn.
- Tổ chức hội thảo Luật Doanh nghiệp năm 2020, hướng đến xây dựng Xây dựng và áp dụng mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại, tiên tiến theo thông lệ quản trị tốt nhất cho PVCFC; Tiếp cận và định hướng chuyển đổi hệ thống báo tài chính hiện tại sang chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS).
- Chủ động chuẩn bị các công việc cần thiết nâng cao giá trị sử dụng vốn, tài sản như xây dựng cơ sở dữ liệu Data Room; thông qua các nhà tư vấn nước ngoài để thu hút các nhà đầu tư chiến lược; đánh giá hệ thống quản trị; đánh giá về độ tin cậy và an toàn hệ thống công nghệ; đóng gói tài sản vô hình, sở hữu trí tuệ theo các chuẩn mực quốc tế.
- Cùng với công ty tư vấn tài chính quốc tế (IFC) rà soát và xây dựng hệ thống quản trị của PVCFC vận hành theo mô hình chuẩn quốc tế.

b. Công tác tổ chức quản lý, văn hóa doanh nghiệp

- Tiếp tục thực hiện đề án “Tái tạo văn hóa PVCFC”, trong đó trọng tâm triển khai trong năm 2020 là hoạt động rà soát và tích hợp 4 giá trị cốt lõi vào các chính sách, quy trình như trong tuyển dụng, khen thưởng, đánh giá xếp loại, vinh danh theo tiêu chí các giá trị cốt lõi.... Các hoạt động làm mới bản thân cũng được công ty chú trọng triển khai phù hợp với tình hình mới, đặc biệt các hoạt động về thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, quan tâm đến khía cạnh thể chất và tinh thần cho CBCNV đặc biệt trong tình hình dịch Covid-19 đang diễn ra phức tạp. Văn hóa bản sắc Đạm Cà Mau đã giúp CBCNV thích ứng tốt với tình hình mới, làm thay đổi nhiều trong cách làm việc, phối hợp, cũng như sinh hoạt hàng ngày. Với tôn chỉ “Luôn làm mới mỗi ngày” CBCNV sẽ thích ứng tốt và xây dựng văn hóa bản sắc Đạm Cà Mau ngày càng bền vững.

c. Công tác tái cấu trúc

- Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp: Sau khi phê duyệt điều chỉnh cơ cấu tổ chức (tại Nghị quyết số 2072/NQ-PVCFC ngày 29/11/2019), PVCFC đã xây dựng, ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức, bộ máy tổ chức Đảng bộ, các đoàn thể chính trị - xã hội Công ty đồng bộ với cơ cấu tổ chức Công ty theo hướng tinh gọn, hiện đại phù hợp mô hình quản trị tiên tiến..

d. Công tác nghiên cứu và phát triển

Trong năm 2020, hoạt động nghiên cứu tập trung 3 mảng chính là: nghiên cứu các sản phẩm mới phù hợp với chiến lược; hoạt động thí nghiệm, khảo nghiệm và hợp tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm, cụ thể:

- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới: Tiếp tục triển khai nghiên cứu bổ sung thêm các công thức NPK vi sinh chất lượng cao, urê bổ sung vi khuẩn hòa tan lân, vi sinh kháng mặn tích hợp tạo ra phân bón cho vùng đất nhiễm mặn để hoàn thiện đánh giá và lựa chọn 1 sản phẩm mới và ra mắt vào quý I/2021.

- Tiếp tục triển khai các thí nghiệm, khảo nghiệm phân bón tại các Trại, Khu thực nghiệm đánh giá hiệu quả các dòng phân bón trên các cây trồng mục tiêu và bước đầu tiếp nhận khảo nghiệm cho các đơn vị bên ngoài, tiến tới phát triển mảng dịch vụ khảo nghiệm, thí nghiệm.
- Đẩy mạnh hoạt động hợp tác nghiên cứu trong đó ký kết ghi nhớ hợp tác trong việc xây dựng Trung tâm đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp với Đại học Cần Thơ; tổ chức các hội thảo chia sẻ giữa PVCFC, Viện, Trường, tìm kiếm cơ hội hợp tác phát triển chuỗi giải pháp về dinh dưỡng cho cây trồng, cải tạo đất nhiễm mặn, giải pháp phòng trị bệnh cho rau, củ quả...

e. Công tác quản lý chi phí, tiết kiệm/ tiết giảm

- PVCFC thực hiện tốt công tác quản lý chi phí và giá thành sản phẩm thông qua việc giao kế hoạch chi phí chi tiết đến từng bộ phận để làm cơ sở kiểm soát, đánh giá việc thực hiện, sử dụng chi phí hợp lý.
- Trong năm 2020 PVCFC triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tiết kiệm tiết giảm chi phí như: triển khai nhiều dự án tối ưu hóa trong sản xuất, vận hành nhà máy ở công suất tối ưu, tự thực hiện một số việc cơ khí trong BDTT, rà soát kỹ các hạng mục đầu tư, mua sắm, giãn/hoãn các chi phí tiếp khách hội nghị, hội thảo, công tác trong và ngoài nước... qua đó giúp Công ty tiết kiệm/tiết giảm được 243,95 tỷ đồng đạt 200,47% so với kế hoạch. Trong đó: từ tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng là 152,92 tỷ đồng, tiết giảm trong công tác đầu tư, mua sắm TTB là 0,22 tỷ đồng, từ tiết giảm chi phí quản lý là 90,81 tỷ đồng.

f. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Trong năm 2020 đã thực hiện 4.542 lượt đào tạo đạt 171% so với kế hoạch, tập trung vào đào tạo nội bộ; Đào tạo nâng cao năng lực cho quản lý cấp cao, quản lý cấp trung trong công tác quản trị rủi ro, kiểm soát điều hành và tài chính; Đào tạo trực tuyến về các giải pháp công nghệ thông tin; Đào tạo thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn/nghiệp vụ; Đào tạo kỹ năng công tác và một số khóa đào tạo chuyên sâu.

g. Công tác nhân sự, tiền lương và chế độ chính sách

- Số lao động thực hiện năm 2020 là 991 người, tăng 4 người so với năm 2019, bằng 93% so với kế hoạch. Một mặt nhân sự tăng chủ yếu tập trung cho khối Kỹ thuật sản xuất, Trung tâm NCPT để chuẩn bị đưa phân xưởng NPK đi vào vận hành, nghiên cứu mở rộng thị trường và phát triển sản phẩm mới theo hướng đa dạng hóa, phát triển dịch vụ tư vấn liên quan đến nông nghiệp cao. Mặt khác nhân sự có bề dày kinh nghiệm và chuyên môn cao dịch chuyển công việc về những thành phố lớn như TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu,... và dự án lọc dầu Long Sơn.
- Công tác tiền lương: PVCFC thực hiện chi trả lương, thưởng, phúc lợi và các chế độ chính sách khác phù hợp quy định của pháp luật, của Tập đoàn và quy định của Công ty cho Người lao động đảm bảo đời sống cho CBCNV. Công đoàn PVCFC tham gia tập huấn nghiệp vụ công đoàn để cập nhật các điểm sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ và Hướng dẫn thi hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam (khóa XII) cũng như bảo vệ lợi ích của Người lao động.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Trách nhiệm của PVCFC với xã hội:
 - + Hoàn thành các công trình trường học tại Hà Tĩnh, Nam Định, Sóc Trăng, Cà Mau, Hậu Giang; trang thiết bị y tế và khu điều trị tại Thái Bình; tặng nhà đại đoàn kết tại huyện U Minh, huyện Trần Văn Thời, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, hỗ trợ bồn chứa nước cho người dân bị hạn mặn năm 2020 tại các tỉnh ĐBSCL, trao học bổng Đạm Cà Mau năm 2020 cho các em học sinh tiểu học và sinh viên các trường Đại học Cần Thơ, Đại học Dầu khí, Đại học Nông lâm Tp HCM, hỗ trợ đồng bào các tỉnh Miền Trung bị ảnh hưởng bão lũ gồm: Quảng Trị, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi.
 - + Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra và kéo dài, công tác đoàn thể cũng điều chỉnh thay đổi với tình hình thực tế, thay vì tổ chức các chương trình tập trung thì Công đoàn, Đoàn thanh niên hướng các hoạt động đi vào chiều sâu trong đó điển hình là: 4 cá nhân được Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tuyên dương “Người thợ trẻ giỏi” toàn quốc lần thứ XI năm 2020; 4 tập thể, 13 cá nhân đã được Tập đoàn tặng bằng khen cho các giải pháp đột phá trong công tác phòng chống Covid-19; các hoạt động khác như các chương trình đền ơn đáp nghĩa kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ, trao học bổng Đạm Cà Mau vào đầu năm học... vẫn thực hiện thường kỳ và các hoạt động chào mừng các sự kiện lớn: hội diễn văn nghệ chào mừng thành công Đại hội Đảng bộ công ty, gắn biển công trình sản xuất phân bón phức hợp từ urê nóng chảy để chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ Tập đoàn Dầu khí.
- Đánh giá của Ban TGD liên quan đến các chỉ tiêu môi trường
 - + Công tác an ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ: luôn được kiểm soát nghiêm ngặt, đảm bảo nhà máy vận hành an toàn, ổn định. Trong BDTT các hoạt động an toàn trên cao, không gian hạn chế, sinh lửa, sinh nhiệt... đều được giám sát 24/24 đảm bảo an toàn tuyệt đối, không phát sinh tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, sự cố môi trường trong suốt thời gian qua.
 - + Song song lắp đặt hệ thống máy móc đúng yêu cầu kỹ thuật đảm bảo an toàn lao động, thì Nhà máy Đạm Cà Mau lắp đặt các thiết bị xử lý thải, trạm quan trắc tự động và online giúp việc giám sát được chặt chẽ hơn. Tất cả các nguồn thải (nước thải, khí thải) đều được xử lý và đáp ứng tiêu chuẩn ISO14001:2015 trước khi xả thải ra môi trường. Chất thải rắn, chất thải nguy hại đều được thu gom và xử lý theo đúng quy định của Thông tư, Nghị định hiện hành.

PHẦN II: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2021 là cột mốc quan trọng đánh dấu sự kiện 10 năm hình thành và phát triển của Công ty, PVCFC đối diện với hàng loạt những khó khăn thách thức như: đại dịch Covid-19 vẫn còn đang diễn biến phức tạp, biến chủng mới đang lây lan rộng ra nhiều nước dẫn đến các ngành kinh tế chưa thể hồi phục, giá khí có xu hướng tăng trở lại; tình hình hạn hán, xâm nhập mặn vào mùa khô ở Tây Nam Bộ vẫn tiếp tục diễn biến khó lường; cạnh tranh khốc liệt giữa các nhà sản xuất phân bón trong nước và các nhà nhập khẩu. Mặc dù vậy tập thể PVCFC với tinh thần đoàn kết nhất trí, đổi mới sáng tạo, ý chí bền bỉ, nỗ lực vượt khó quyết tâm hoàn thành những nhiệm vụ trọng tâm của năm 2021 để trình ĐHĐCĐ như sau:

I. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

- Vận hành Nhà máy Đạm Cà Mau hiệu quả, an toàn, ổn định tối ưu công suất trong điều kiện thiếu khí. Triển khai nhanh đưa vào sử dụng các chương trình tối ưu hóa và tiết kiệm năng lượng nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Nghiên cứu đa dạng hóa nguồn nguyên, nhiên liệu cho sản xuất urê tăng tính linh hoạt, chủ động và bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Vận hành và khai thác hiệu quả phân xưởng NPK, đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường. Tập trung công tác phát triển thị trường, hệ thống phân phối và tăng độ nhận biết về NPK Cà Mau tại các thị trường mục tiêu, đặc biệt phát triển hiệu quả ở thị trường Tây Nam Bộ.
- Xây dựng mô hình kinh doanh mới để gia tăng giá trị, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh nghiên cứu và sớm đưa ra thị trường các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao, phù hợp với định hướng chiến lược và lợi thế cạnh tranh của công ty.
- Hoàn thành công tác quyết toán Dự án sản xuất phân bón phức hợp từ urê nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm theo quy định.
- Hoàn thiện Hệ thống quản trị theo Thông lệ quản trị công ty tốt nhất nhằm tăng sức cạnh tranh và giá trị thị trường của Đạm Cà Mau.
- Bám sát các cơ quan có thẩm quyền của Quốc hội để sửa đổi Luật 71 năm 2014 về việc đưa mặt hàng phân bón là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.
- Tiếp tục xây dựng văn hóa công ty tạo môi trường và động lực phát triển bền vững.

II. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2021 CỦA PVCFC

1. Chỉ tiêu sản lượng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
1	Sản lượng sản xuất		
1.1	Đạm Cà Mau (Urê)	Nghìn tấn	860,0
1.2	<i>Trong đó: Các sản phẩm phân bón từ gốc Urê</i>	<i>Nghìn tấn</i>	<i>42,0</i>
1.3	NPK	Nghìn tấn	155,0
2	Sản lượng kinh doanh		
2.1	Đạm Cà Mau (Urê)	Nghìn tấn	791,0
2.2	Các sản phẩm phân bón từ gốc Urê	Nghìn tấn	42,0
2.3	NPK	Nghìn tấn	155,0
2.4	Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	150,0

2. Kế hoạch tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
I	Chỉ tiêu tài chính (Công ty hợp nhất)		
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.839,0
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	210,0
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	197,4
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	56,9
II	Chỉ tiêu tài chính (Công ty mẹ)		
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	5.561,6
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.745,1
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	208,4

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	196,5
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn CSHCK	%	3,7%
6	Nộp NSNN	Tỷ đồng	51,3
7	Đầu tư XDCB và MS TTB		
7.1	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	115,1
-	Đầu tư XDCB và Mua sắm tài sản, trang thiết bị	Tỷ đồng	115,1
-	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	
7.2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	115,1
-	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	31,3
-	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	83,8

III. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DÀI HẠN

Công tác đầu tư năm 2021 tập trung hoàn thiện nghiệm thu “Dự án đầu tư sản xuất phân bón phức hợp từ urê nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm”, nghiên cứu cơ hội đối với các dự án tìm nguồn nguyên liệu, nhiên liệu thay thế khí, đa dạng hóa sản phẩm, bổ sung các công cụ phục vụ mục tiêu số hóa hoạt động cũng như mua sắm vật tư thiết bị đảm bảo nhà máy luôn được duy trì hoạt động an toàn, ổn định, cụ thể:

Stt	Hạng mục	Mục đích nghiên cứu đầu tư
1	Dự án tìm nguồn nguyên liệu thay thế	Thực hiện chiến lược về nghiên cứu, tìm kiếm nguồn nguyên liệu thay thế nguồn khí nguyên liệu hiện hữu của Nhà máy đạm Cà Mau, với mục tiêu giảm sức ép về nguồn khí, đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.
2	Hạng mục cải hoán và cung cấp CO2 thô	Thu hồi lượng khí CO2 từ dòng permeate gas và flash gas để tận dụng sản xuất urê, CO2 thô nhằm tối ưu chi phí sản xuất, gia tăng nguồn doanh thu và giảm thiểu ảnh hưởng của cơ chế giá khí đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.
3	Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh	Phân bón hữu cơ là xu hướng tất yếu theo định hướng phát triển của ngành nông nghiệp trong tương lai theo hướng phát triển bền vững cũng như gia tăng vị thế, thương hiệu, sức cạnh tranh của công ty.
4	Trung tâm đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp	Hoạt động theo mô hình trung tâm nông nghiệp công nghệ cao, nhằm nghiên cứu cải tiến các loại phân bón hiện hữu, nghiên cứu và thử nghiệm các dòng phân bón mới, khảo nghiệm và trình diễn phân bón trên các loại cây trồng và thực hiện các các loại dịch vụ liên quan.

IV. GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN

1. Về công tác quản trị Công ty

- Giao và kiểm soát kế hoạch mục tiêu, ngân sách theo từng ban, chi nhánh trong công ty. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát mọi mặt để kịp thời khắc phục các tồn tại nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đề ra.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động theo định hướng của các mũi chiến lược, tìm kiếm lựa chọn hướng đi giúp PVCFC phát triển bền vững.
- Tiếp tục hoàn thiện các công cụ quản trị hiện có, rà soát đánh giá ứng dụng nền tảng kỹ thuật số, công nghệ thông tin vào 80% hoạt động của công ty.
- Duy trì và phát triển văn hóa bản sắc Đạm Cà Mau.

2. Vận hành sản xuất

- Duy trì và đảm bảo nhà máy hoạt động sản xuất ổn định, an toàn, hiệu quả tối ưu công suất và năng lượng. Vận hành phân xưởng NPK đạt công suất tối đa vào thời điểm sớm nhất và đáp ứng nhu cầu kinh doanh.
- Tiếp tục ứng dụng các phần mềm điều khiển hỗ trợ trong quản lý công tác vận hành, bảo dưỡng Nhà máy, giúp tối ưu hóa hiệu suất thiết bị, chủ động bảo dưỡng và loại bỏ sự cố gây dừng máy chủ quan (SAP PM, TPM, CMMS, OTS, APC, IT Master Plant...).
- Triển khai các đề tài sáng kiến tối ưu hóa hoạt động cho nhà máy Đạm Cà Mau nhằm giảm dừng máy, tăng hiệu suất hoạt động và đảm bảo cho sự phát triển bền vững.
- Phát triển dịch vụ đào tạo chạy thử, vận hành, bảo dưỡng và quản lý chất lượng cho các nhà máy tương tự.

3. Kinh doanh và phát triển thị trường

- Chiếm lĩnh và duy trì các thị trường trọng yếu trong nước, Campuchia cho sản phẩm Urê, từng bước đưa sản phẩm NPK Cà Mau phát triển hiệu quả ở thị trường Tây Nam Bộ.
- Tìm hiểu và khảo sát nhu cầu thị trường, phối hợp bộ phận nghiên cứu phát triển đưa ra thị trường các sản phẩm mới có tính khác biệt để tạo lợi thế trên thị trường.
- Phát huy tối đa các công cụ quản trị bán hàng (DMS-CSS-DATA), các hoạt động tiếp thị truyền thông tương tác sâu rộng tới hệ thống phân phối các cấp.
- Đẩy mạnh truyền thông về những bất cập, thiệt hại của Nhà nước và doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước khi triển khai Luật thuế 71/2014/QH13 đối với mặt hàng phân bón.

4. Đầu tư Xây dựng cơ bản

- Nghiên cứu khả thi, đầu tư xây dựng các dự án đa dạng hóa sản phẩm, các dự án tối ưu hóa tiêu hao năng lượng năm 2021, giảm sự phụ thuộc vào nguồn cấp khí và gia tăng lợi nhuận cho công ty.
- Kiểm soát chặt chẽ tiến độ, kiểm soát tốt chi phí, chất lượng các dự án đầu tư. Rà soát, đánh giá lại hiệu quả đầu tư của dự án phù hợp với tình hình và các yếu tố thị trường trước khi phê duyệt.
- Hoàn thiện thủ tục và quyết toán xong dự án sản xuất phân bón phức hợp từ urê nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm.

5. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng chương trình đào tạo phát triển đội ngũ chuyên gia cho các lĩnh vực thế mạnh của công ty (dịch vụ vận hành, bảo dưỡng...).
- Chuẩn hóa chương trình đào tạo nội bộ: xây dựng Ma trận Đào tạo; thư viện điện tử;

hệ thống học trực tuyến (E-learning).

- Rà soát hoàn thiện mô tả chức danh công việc, khung năng lực theo mô hình tổ chức mới. Sắp xếp nhân sự phù hợp với từng vị trí phát huy tối đa năng lực công tác; xây dựng chính sách lương phù hợp với năng lực nhằm giữ chân nhân sự chủ chốt.
- Phát triển nguồn nhân lực trình độ cao phục vụ sản xuất kinh doanh, nâng lên tầm có những chuyên gia đầu ngành, tiến tới cung cấp dịch vụ nhân lực ra thị trường quốc tế.

6. Nghiên cứu khoa học công nghệ

- Nghiên cứu và triển khai các giải pháp để tăng nguồn nguyên, nhiên liệu thay thế khí cho sản xuất của PVCFC. Ưu tiên thực hiện các giải pháp chi phí đầu tư thấp, mang lại hiệu quả nhanh chóng và rõ rệt.
- Xây dựng chiến lược nghiên cứu phát triển dài hạn, tập trung chủ yếu vào nghiên cứu ứng dụng nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường, phù hợp với định hướng chiến lược và lợi thế cạnh tranh của công ty (phát triển dòng phân bón phức hợp NPK; sản phẩm hữu cơ vi sinh...).
- Phát triển các dịch vụ và tư vấn liên quan đến nông nghiệp, tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp an toàn.

7. Tài chính

- Triển khai công tác Thoái vốn, giảm tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVCFC đúng lộ trình và tuân thủ chặt chẽ theo các quy định Nhà nước.
- Đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển của Công ty.
- Liên kết với các tổ chức tín dụng triển khai các giải pháp tài chính nông nghiệp cho đại lý. Thu xếp vốn cho các dự án đảm bảo hiệu quả, quản lý và bảo toàn vốn cho Công ty.
- Bám sát các cơ quan Tập đoàn, Bộ, Ngành để giải trình về những bất cập khi triển khai Luật thuế 71/2014/QH13 đối với mặt hàng phân bón, kiến nghị lên Quốc hội sớm điều chỉnh đưa phân bón vào đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

8. Về môi trường, an toàn và sức khỏe

- Duy trì hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001 (EM.14000); tiêu chuẩn OHSAS 18001 cho Hệ thống quản lý An toàn Sức khỏe nghề nghiệp.
- Kiểm soát chặt chẽ công tác an ninh, an toàn và PCCC tại nhà máy.

PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2020 kinh tế toàn cầu liên tục suy giảm nghiêm trọng trước tình hình bất định của đại dịch Covid-19. Bên cạnh đó, Việt Nam còn phải đối mặt với thách thức về biến đổi khí hậu, những tác động của hạn hán và xâm nhập mặn ở Tây Nam Bộ, mưa bão lũ lụt ở Miền Trung và Tây Nguyên khiến cho nhu cầu sử dụng phân bón của nông dân suy giảm mạnh. Trong nửa đầu năm, giá nông sản giảm mạnh và giá dầu giảm kéo theo giá bán urê giảm. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị và Ban điều hành PVCFC với tâm thế chủ động, nỗ lực và quyết tâm cao đã đề ra các giải pháp kịp thời, đúng đắn, đặc biệt nỗ lực trong công tác sản xuất, bán hàng, thực hiện nhiều giải pháp tiết kiệm tiết giảm chi phí: đẩy mạnh triển khai chương trình cải tiến, tối ưu hóa, tiết kiệm năng lượng để giảm tiêu hao nguyên liệu... giúp công ty hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch chính, đạt được những con số ấn tượng và đảm bảo an toàn cho công tác sản xuất, kinh doanh trước đại dịch.

1. Về kết quả hoạt động của công ty năm 2020:

- Lần đầu tiên trên hành trình 9 năm, Nhà máy đã đạt được mức sản lượng sản xuất 934,77 nghìn tấn urê quy đổi, đạt 104% kế hoạch, đạt 107% so với cùng kỳ năm 2019.
- Sản lượng tiêu thụ urê quy đổi đạt 1.008,44 nghìn tấn, đạt 112% so với kế hoạch, đạt 119% so cùng kỳ năm 2019. PVCFC đã nỗ lực tìm kiếm thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu đi các nước như Myanmar, Thái Lan, Campuchia, Ấn Độ, Brazil. Tổng sản lượng xuất khẩu năm 2020 đạt gần 300 nghìn tấn.
- Tổng doanh thu đạt 7.700 tỷ đồng, đạt 111% so với kế hoạch, đạt 107% so cùng kỳ năm 2019.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 716,53 tỷ đồng, đạt 140% so với kế hoạch, đạt 155% so cùng kỳ năm 2019.

2. Về sản xuất, tiêu thụ:

- Nhà máy vận hành liên tục an toàn, ổn định và hiệu quả ở 110% công suất thiết kế. Sản lượng urê quy đổi năm 2020 là 934,77 nghìn tấn, cao kỷ lục kể từ khi nhà máy đưa vào vận hành, đạt 104% so với kế hoạch. Ngày 13/09/2020, Công ty ghi nhận dấu mốc đạt sản lượng sản xuất 7 triệu tấn sản phẩm urê. Nhà máy được nhà bán quyền Haldor Topsoe đánh giá xếp hạng trong Top 10 nhà máy có hiệu quả hoạt động tốt nhất thế giới.
- Mặc dù nhu cầu tiêu thụ trong nước sụt giảm tại hầu hết các khu vực do hạn mặn, thiếu nước... nhưng PVCFC vẫn giữ vững được thị phần tiêu thụ tại các thị trường mục tiêu. Đẩy mạnh xuất khẩu để xâm nhập và từng bước chiếm lĩnh thị phần tại các khu vực Châu Á khác như Thái Lan, Myanmar, Ấn Độ và Brazil...
- Công ty không ngừng đầu tư, hoàn thiện tổ chức mạng lưới tiêu thụ và kênh phân phối thông qua việc rà soát, bổ sung thêm khách hàng tại các khu vực. Từng bước áp dụng hình thức đại lý thương mại hưởng hoa hồng vào công tác kinh doanh sản phẩm mới, NPK.

- Công tác chuẩn bị thị trường cho sản phẩm NPK Cà Mau tiếp tục được thực hiện. PVCFC đã chuẩn bị sẵn sàng các phương án để ra mắt ngay khi có sản phẩm NPK Cà Mau thương mại.

3. Công tác đầu tư:

- Đối với công tác đầu tư xây dựng, PVCFC luôn chủ động rà soát đánh giá kỹ tất cả dự án đầu tư, hạng mục mua sắm trước khi thực hiện đảm bảo thực sự cần thiết, tính hợp lý và theo thứ tự ưu tiên, tối ưu trong việc sử dụng nguồn vốn. Đối với các dự án đầu tư đang ghi đầu mục PVCFC vẫn tiếp tục nghiên cứu và lựa chọn thời điểm đầu tư phù hợp đem lại hiệu quả.
- Dự án đầu tư sản xuất phân bón phức hợp từ urê nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm: Tổng tiến độ dự án chậm 1,11% so với kế hoạch do ảnh hưởng bởi dịch bệnh nên nhà bản quyền không thể trực tiếp tham gia tại dự án mà chỉ phối hợp hướng dẫn từ xa. Hiện tại dự án đã tiến hành chạy thử tạo hạt ở chế độ tải thấp 50% và tiếp tục rà soát theo ý kiến của Nhà bản quyền, đánh giá các điểm sửa đổi sau quá trình chạy thử để điều chỉnh trước khi chạy lại. Tiếp đó cùng với Liên danh nhà thầu tạm nghiệm thu có điều kiện nêu như kết quả kiểm thử đạt yêu cầu, chờ khi dịch Covid-19 đi qua Nhà thầu và Nhà cung cấp được phép qua Việt Nam sẽ tiến hành nghiệm thu chính thức để đưa vào sử dụng.

4. Công tác quản trị công ty:

Tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, TVHĐQT Trần Mỹ, KSV Phan Thị Cẩm Hương tiếp tục được cổ đông tín nhiệm bầu tham gia nhiệm kỳ tiếp theo. Các cổ đông cũng đã bầu TVHĐQT Nguyễn Đức Hạnh thay thế ông Trần Chí Nguyễn hết nhiệm kỳ, bầu bổ sung ông Lê Đức Quang tham gia thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025.

Năm 2020, PVCFC đã đặt trọng tâm về công tác quản trị doanh nghiệp để đủ sức cạnh tranh và phát triển bền vững ổn định, trong đó tập trung:

- Công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy của Công ty tinh gọn, giảm đầu mối, tăng hiệu quả hoạt động, phù hợp với thực hiện mục tiêu chiến lược Công ty. Thành lập mới Ban kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ và Luật Doanh nghiệp mới.
- Tập trung thực hiện các giải pháp để tiết giảm, tiết kiệm, triển khai các hoạt động thực sự cần thiết nhằm tiết giảm chi phí.
- Tăng cường ứng dụng mạnh mẽ hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho công tác quản trị, bán hàng, các hoạt động tiếp thị truyền thông như ERP, BI, SAP, phần mềm QTRR, e-Office, ký điện tử, app 2 Nông, DMS, nâng cao công tác báo cáo quản trị bằng việc bổ sung phân hệ Báo cáo quản trị và dòng tiền trên hệ thống ERP...
- Chủ động chuẩn bị các công việc cần thiết nâng cao giá trị sử dụng vốn, tài sản như xây dựng cơ sở dữ liệu Data Room; thông qua các nhà tư vấn nước ngoài để tìm kiếm các nhà đầu tư tiềm năng; đánh giá hệ thống quản trị; đánh giá về độ tin cậy và an toàn hệ thống công nghệ; đóng gói tài sản vô hình, sở hữu trí tuệ theo các chuẩn mực quốc tế.
- Tiếp cận và định hướng chuyển đổi báo tài chính hiện tại sang chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS).

5. Công tác nghiên cứu phát triển (R&D):

Trong năm 2020, HĐQT đã tiếp tục chỉ đạo về định hướng hoạt động nghiên cứu tập trung 3 mảng chính là: nghiên cứu các sản phẩm mới phù hợp với chiến lược trong đó có các sản phẩm phân bón hữu cơ, vi sinh; hoạt động thí nghiệm, khảo nghiệm các dòng phân bón và tiến tới phát triển mảng dịch vụ khảo nghiệm, thí nghiệm; đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu với các trường Đại học, Viện nghiên cứu để phát triển chuỗi giải pháp về dinh dưỡng cũng như giải pháp phòng trị bệnh cho cây trồng.

6. Công tác quản lý chi phí, tiết kiệm/ tiết giảm

- PVCFC triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tiết kiệm tiết giảm chi phí như: triển khai nhiều dự án tối ưu hóa trong sản xuất, vận hành nhà máy ở công suất tối ưu, tự thực hiện một số việc cơ khí trong BDTT, rà soát kỹ các hạng mục đầu tư, mua sắm, giãn/hoãn các chi phí tiếp khách hội nghị, hội thảo, công tác trong và ngoài nước... qua đó giúp Công ty tiết kiệm/tiết giảm được 243,95 tỷ đồng đạt 200,47% so với kế hoạch. Trong đó: từ tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng là 152,92 tỷ đồng, tiết giảm trong công tác đầu tư, mua sắm TTB là 0,22 tỷ đồng, từ tiết giảm chi phí quản lý là 90,81 tỷ đồng.

7. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Trong năm 2020 đã thực hiện 4.542 lượt đào tạo, tập trung vào đào tạo nội bộ; Đào tạo nâng cao năng lực cho quản lý cấp cao, quản lý cấp trung trong công tác quản trị rủi ro, kiểm soát điều hành và tài chính; Đào tạo trực tuyến về các giải pháp công nghệ thông tin; Đào tạo thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn/nghiệp vụ; Đào tạo kỹ năng công tác và một số khóa đào tạo chuyên sâu.

Tồn tại, hạn chế cần khắc phục:

Dự án sản xuất phân bón phức hợp công suất 300.000 tấn/năm vẫn tiếp tục bị chậm so với kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân: nguyên nhân chính của việc dự án bị kéo dài trong năm 2020 do đại dịch covid-19 toàn cầu đã làm gián đoạn công tác huy động chuyên gia của nhà bản quyền Espindesa, các nhà cung cấp thiết bị tham gia chạy thử dự án NPK dẫn đến quá trình chạy thử tốn rất nhiều thời gian và kéo dài.

HĐQT cùng với ban Điều hành liên tục chỉ đạo tìm các giải pháp khắc phục, tổ chức triển khai chạy thử với sự hỗ trợ từ xa của nhà bản quyền, quyết liệt đốc thúc nhà thầu khắc phục các điểm nghẽn kỹ thuật để có thể sớm đưa dự án vào hoạt động.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỪNG THÀNH VIÊN

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hoạt động của HĐQT được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với Quy định của pháp luật, Điều lệ và có phân công cụ thể cho các thành viên chuyên trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT trước khi HĐQT ra quyết định.
- Thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020, HĐQT đã hoàn thiện hoạt động quản trị phù hợp với Quy chế quản trị Công ty đại chúng, ngày càng nâng cao hơn nữa hiệu quả trong công tác quản trị.

- Thường xuyên xem xét, rà soát đảm bảo các hoạt động của công ty phù hợp với chiến lược phát triển công ty.

2. Hoạt động của từng thành viên:

HĐQT đã phân công cho từng thành viên HĐQT phụ trách chuyên môn cho từng lĩnh vực, cụ thể như sau:

a. Ông Trần Ngọc Nguyên - Chủ tịch HĐQT

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật hiện hành. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về các hoạt động của HĐQT Công ty theo Điều lệ Công ty quy định. Giám sát và chỉ đạo thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT sau:

- Chỉ đạo công tác xây dựng và thực hiện chiến lược tổng thể;
- Các kế hoạch SXKD dài hạn;
- Các dự án đầu tư quy mô lớn thuộc chiến lược phát triển Công ty;

b. Ông Văn Tiến Thanh - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty

Là đại diện theo pháp luật của Công ty. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ TV HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và pháp luật về công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức triển khai các công việc sau:

- Chỉ đạo BDH triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định, văn bản của HĐQT;
- Công tác xúc tiến đầu tư, phát triển các dự án hợp tác, dự án/doanh nghiệp liên doanh, liên kết vốn của Công ty với các đơn vị khác trong và ngoài nước;
- Theo dõi hoạt động, chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty con trực thuộc - Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC);

c. Ông Trần Mỹ - Thành viên HĐQT

Giám sát và chỉ đạo thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT thuộc các lĩnh vực sau:

- Công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD hàng năm;
- Công tác tài chính, kế toán, thống kê; quản lý và sử dụng vốn;
- Công tác đánh giá hiệu quả, triển khai, quyết toán các dự án đầu tư;
- Công tác xây dựng, sửa đổi, cập nhật hệ thống văn bản quy phạm nội bộ thuộc thẩm quyền HĐQT;
- Công tác nội chính, văn phòng, các sự kiện liên quan đến việc hợp tác, ký kết biên bản ghi nhớ thuộc thẩm quyền HĐQT;
- Đảm nhận vai trò Người công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công tác quản lý các loại cổ phần phát hành, chào bán, huy động vốn thông qua việc phát hành cổ phần;
- Công tác chuẩn bị tổ chức các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường của Công ty. Phụ trách công tác quan hệ nhà đầu tư. Trực tiếp phụ trách hoạt động của tổ IR. Phụ trách nội dung Website liên quan đến công tác quan hệ cổ đông;

- Chỉ đạo công việc tiếp nhận, kiểm tra xử lý và đề xuất xử lý các văn bản đến, văn bản đi của HĐQT;

d. Ông Nguyễn Đức Hạnh - Thành viên HĐQT

Giám sát và chỉ đạo thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT thuộc các lĩnh vực sau:

- Thường trực Ban chỉ đạo công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp, thoái vốn, mua bán sáp nhập (M&A) của Công ty;
- Giúp Chủ tịch HĐQT theo dõi chung công tác xây dựng chiến lược, cập nhật chiến lược và thực hiện chiến lược;
- Công tác kinh doanh sản phẩm, thị trường, truyền thông, BigData, công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Công tác phát triển, quảng bá hình ảnh, thương hiệu Công ty;
- Công tác vận hành và sản xuất an toàn, hiệu quả của Nhà máy Đạm Cà Mau và các Nhà máy của Công ty con trực thuộc - Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC). Công tác tối ưu hóa, hợp lý hóa sản xuất. Công tác nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp;
- Công tác mua sắm hàng hóa và dịch vụ cho PVCFC (bao gồm công tác mua sắm của các dự án);
- Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Công tác tạo động lực và thu hút nhân tài. Công tác quản trị tri thức.
- Chính sách cán bộ, đánh giá cán bộ, thi đua khen thưởng/kỷ luật, công tác lương thưởng. Giám sát các vấn đề liên quan đến phúc lợi đối với người lao động;
- Công tác an sinh xã hội. Hỗ trợ, giúp ban lãnh đạo công ty thực hiện công tác đối ngoại, quan hệ với địa phương, các đối tác trong và ngoài nước;
- Công tác Văn hóa Doanh nghiệp, văn hóa, thể thao. Phụ trách các công việc liên quan đến công tác đoàn thể của HĐQT: công đoàn, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh, BLL hưu trí. Đầu mối liên hệ về công tác Đảng. Phụ trách việc thực hiện quy chế dân chủ của Công ty. Công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ Công ty;
- Giám sát, quản lý phần vốn của PVCFC tại Công ty PPC;

e. Bà Nguyễn Minh Phượng - Thành viên độc lập HĐQT

Giám sát và chỉ đạo thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT thuộc các lĩnh vực sau:

- Công tác kiểm soát chi phí chung toàn Công ty;
- Các giải pháp về quản trị biến động, quản lý thay đổi và giải quyết khủng hoảng;

f. Ông Lê Đức Quang - Thành viên độc lập HĐQT

Giám sát và chỉ đạo thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT thuộc các lĩnh vực sau:

- Công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy của Nhà máy Đạm Cà Mau và các Nhà máy của Công ty con trực thuộc - Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC);
- Công tác quản lý định mức kinh tế - kỹ thuật;

- Công tác nghiên cứu phát triển. Giám sát công tác trích lập, sử dụng hiệu quả và đúng quy định quỹ nghiên cứu khoa học;
- Công tác Kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, thanh tra, pháp chế, tuân thủ, ISO và quản trị rủi ro. Công tác thanh, kiểm tra với các cơ quan, đơn vị bên trong (nội bộ) và bên ngoài Công ty;

Tất cả các thành viên HĐQT trên cơ sở nhiệm vụ được phân công đã thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình, góp phần giúp công ty hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu được ĐHCĐ giao.

3. Kết quả tham dự các cuộc họp của các thành viên HĐQT

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp đầy đủ
1	Ông Trần Ngọc Nguyên	Chủ tịch HĐQT	14/14	100%	
2	Ông Văn Tiến Thanh	TV HĐQT	14/14	100%	
3	Ông Trần Mỹ	TV HĐQT	14/14	100%	
4	Ông Nguyễn Đức Hạnh	TV HĐQT	9/9	100%	Tham gia HĐQT từ 25/6/2020
5	Bà Nguyễn Minh Phương	TV độc lập HĐQT	14/14	100%	
6	Ông Lê Đức Quang	TV độc lập HĐQT	9/9	100%	Tham gia HĐQT từ 25/6/2020
7	Ông Trần Chí Nguyên	TV HĐQT	5/5	100%	Hết nhiệm kỳ từ ngày 25/6/2020

- Ngoài ra trong năm, HĐQT đã thực hiện việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản 67 lần để thông qua Nghị quyết và các nội dung giám sát, chỉ đạo khác trong năm về SXKD.
- Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành đúng theo Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, quyết định đã tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng trong việc xây dựng và thực thi kế hoạch SXKD, rà soát việc thực hiện chiến lược, các dự án đầu tư trọng điểm.

4. Hoạt động và kết quả đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của HĐQT năm 2020

- Thành viên HĐQT độc lập của PVCFC đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và tham gia cho ý kiến, biểu quyết các vấn đề quyết định của HĐQT. Các ý kiến đóng góp của thành viên HĐQT độc lập trong lĩnh vực được phân công trong năm 2020 đã thể hiện được vai trò, trách nhiệm cao, đảm bảo sự khách quan và độc lập.
- Thành viên HĐQT độc lập đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2020 tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định khác của Pháp luật.
- HĐQT đã hoạt động tuân thủ các quy định về quản trị công ty niêm yết, đảm bảo các điều kiện thuận lợi để thành viên độc lập HĐQT thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Theo đánh giá của thành viên HĐQT độc lập, HĐQT đã liên tục cập nhật, đánh giá tình hình quản trị của Công ty, qua đó ngày càng hoàn thiện hệ thống quản trị, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện bài bản theo những thông lệ quản trị tốt trên thế giới và trong khu vực.

5. Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- Tháng 12/2020, HĐQT đã thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT và giao thành viên độc lập HĐQT phụ trách để thực hiện việc kiểm toán các hoạt động của công ty. HĐQT đã phê duyệt kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban KTNB để triển khai thực hiện.
- Hiện tại căn cứ nhu cầu hoạt động thực tế, HĐQT chưa thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được thực hiện theo nguyên tắc tập thể và có phân công cụ thể cho các thành viên chuyên trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Công ty triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

6. Đào tạo về quản trị công ty:

- Tất cả các thành viên HĐQT đều đã được đào tạo về quản trị công ty. Bên cạnh đó, các thành viên HĐQT đã chủ động tham gia các lớp tập huấn, hội thảo ... về công tác quản trị công ty, các thông lệ tốt về quản trị công ty trong khu vực và thế giới do Sở giao dịch chứng khoán TP HCM (HOSE), viện thành viên HĐQT (VIOD) tổ chức để kịp thời nắm bắt và cập nhật các quy định, chính sách mới, đáp ứng nhu cầu công việc.

7. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT

- Chi tiết thù lao HĐQT được tổng hợp và thể hiện tại Báo cáo tiền lương, tiền thưởng, thù lao, lợi ích khác của Ban quản lý điều hành.
- Các chi phí hành chính và chi phí liên quan phục vụ hoạt động HĐQT tuân thủ theo các Quy chế, quy định liên quan của Công ty và được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.

8. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty tuân thủ đầy đủ các quy tắc quản trị theo quy chế và các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết.

9. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; giao dịch với công ty con.

- Trong năm 2020 không có giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch phát sinh tại PVCFC.

- Tháng 6/2020, công ty đã ký hợp đồng mua bao bì của công ty con - Công ty CP bao bì Dầu khí Việt Nam với tổng giá trị tạm tính là: 177 tỷ (hiệu lực hợp đồng từ ngày 17/6/2020 đến ngày 16/6/2021).

III. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT VỚI BAN TGD

Ban TGD thực hiện chức năng trực tiếp điều hành hoạt động SXKD trên cơ sở các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ. Theo đó, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động điều hành của Ban TGD như sau:

1. Phương thức giám sát:

- Giám sát quá trình lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Tham dự các cuộc họp thường kỳ của BĐH về hoạt động SXKD và giao ban định kỳ hàng tháng/quý nhằm kịp thời hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban TGD, bộ máy giúp việc cho Ban TGD và Người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.
- Ngoài các cuộc họp chuyên đề riêng với Ban điều hành, giám sát một số đơn vị, HĐQT kết hợp với Ban Kiểm soát trong việc kiểm tra, giám sát thực tế nhằm nắm bắt tình hình hoạt động SXKD thực tế của Công ty. Giám sát, trao đổi với các đơn vị kiểm toán độc lập trong quá trình kiểm toán và thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính theo đúng quy định hiện hành.

2. Kết quả giám sát:

HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc (TGD) đã hoàn thành tốt vai trò điều hành SXKD, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch được giao, cụ thể như sau:

- Đã quản lý, điều hành hoạt động SXKD với tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ các quy trình, quy định trong hoạt động điều hành Công ty theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị doanh nghiệp cũng như các quy định của Pháp luật có liên quan.
- Không ngừng cải tiến nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại, từng bước hoàn thiện các công cụ quản trị từ sản xuất, quản trị tài chính cho đến quản trị rủi ro, quản trị chiến lược.
- Việc triển khai thực hiện các mục tiêu chiến lược tiếp tục được thực hiện bài bản theo lộ trình với các giải pháp cụ thể, sẵn sàng chuẩn bị cho những tình huống bất lợi hay các rủi ro có thể xảy ra trong tương lai.
- Thường xuyên rà soát, đánh giá chi tiết các dự án đầu tư, kịp thời đưa ra giải pháp nhằm đảm bảo các dự án được triển khai an toàn, đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

IV. ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA PVCFC NĂM 2021

Năm 2021, PVCFC đối diện với hàng loạt những khó khăn thách thức như: đại dịch Covid-19 vẫn còn đang diễn biến phức tạp, biến chứng mới đang lây lan rộng ra nhiều nước dẫn đến các ngành kinh tế chưa thể hồi phục, giá khí có xu hướng tăng trở lại; tình hình hạn hán, xâm nhập mặn vào mùa khô ở Tây Nam Bộ vẫn tiếp tục diễn biến khó lường; cạnh tranh khốc liệt giữa các nhà sản xuất phân bón trong nước và các nhà nhập khẩu,... Năm 2021 cũng là cột mốc quan trọng đánh dấu sự kiện 10 năm hình thành và phát triển

của Công ty, chính vì vậy, HĐQT PVCFC đã xác định những nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm như sau:

- Vận hành Nhà máy Đạm Cà Mau hiệu quả, an toàn, ổn định tối ưu công suất. Triển khai nhanh đưa vào sử dụng các chương trình/đề án tối ưu hóa và tiết kiệm năng lượng nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Nghiên cứu đa dạng hóa nguồn nguyên, nhiên liệu cho sản xuất urê tăng tính linh hoạt, chủ động và bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Vận hành và khai thác hiệu quả phân xưởng NPK, đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường. Tập trung công tác phát triển thị trường, hệ thống phân phối và tăng độ nhận biết về NPK Cà Mau tại các thị trường mục tiêu, đặc biệt phát triển hiệu quả ở thị trường Tây Nam Bộ.
- Xây dựng mô hình kinh doanh mới để gia tăng giá trị, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh nghiên cứu và sớm đưa ra thị trường các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao, phù hợp với định hướng chiến lược và lợi thế cạnh tranh của công ty.
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị Công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ tốt nhất để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững cho Công ty.
- Tiếp tục xây dựng văn hóa công ty tạo môi trường và động lực phát triển bền vững./.

PHẦN 4: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN NĂM 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua báo cáo hoạt động năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ điều lệ Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua,

Ban Kiểm soát Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo hoạt động năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau năm 2021 như nội dung đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Phan Thị Cẩm Hương

PHẦN A: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

I. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và các kiểm soát viên năm 2020

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Nhằm giúp công tác kiểm tra, giám sát đạt hiệu quả cao, Ban Kiểm soát đã xây dựng kế hoạch hoạt động rất sớm làm cơ sở triển khai thực hiện và đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên thông qua.

Hoạt động kiểm tra, giám sát công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc, việc tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế, Quy định của Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của công ty đã được Ban kiểm soát thực hiện một cách thường xuyên, liên tục và chặt chẽ. Định kỳ hàng quý Ban kiểm soát đều xem xét, phân tích đánh giá các báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh và thẩm định các báo cáo tài chính công ty; xem xét các văn bản, Quy chế trình HĐQT phê duyệt, chấp thuận; giám sát công tác xây dựng và triển khai định hướng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh thông qua việc tham dự các cuộc họp xây dựng và triển khai; thực hiện kiểm tra hoạt động tại một số Ban chức năng, đơn vị trực thuộc và đơn vị thành viên của Công ty; giám sát việc thực hiện kiến nghị các đoàn thanh tra, kiểm tra, của đơn vị cấp trên; tham gia các đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC). Qua đó, Ban Kiểm soát đã có những đánh giá cụ thể về kết quả đạt được của đơn vị, chỉ ra những thiếu sót, hạn chế và cảnh báo những rủi ro đồng thời có những góp ý, kiến nghị những giải pháp đến Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (TGD) công ty trong công tác quản lý, điều hành của Công ty.

Với công tác kiểm tra, giám sát như trên, trong năm 2020 Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt kế hoạch hoạt động đã được ĐHĐCĐ thông qua.

2. Hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên, các Kiểm soát viên thực hiện chức trách, nhiệm vụ dựa trên sự phân công công việc cụ thể như sau:

- **Bà Phan Thị Cẩm Hương - Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách**
 - Phụ trách chung trong việc điều hành hoạt động của Ban Kiểm soát.
 - Chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát trong năm và tổ chức triển khai thực hiện.
 - Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định Nhà nước, Điều lệ Công ty, việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.
 - Xem xét đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC); chủ trì thẩm định các báo cáo tài chính quý, năm. Lập và trình báo cáo của Ban kiểm soát lên ĐHĐCĐ hoặc cổ đông lớn.
- **Ông Đỗ Minh Dương - Kiểm soát viên chuyên trách**
 - Kiểm tra, giám sát công tác đầu tư, mua sắm; định mức kinh tế - kỹ thuật; công

tác nhân sự, đào tạo.

- Tham gia xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát trong năm, tham gia thẩm định các BCTC.

➤ **Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm soát viên không chuyên trách**

- Giám sát việc sử dụng, quản lý và bảo toàn vốn tại Công ty; tham gia thẩm định các BCTC.
- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm.

Nhận xét: Các thành viên trong Ban kiểm soát đã nỗ lực, chủ động giải quyết công việc, đề xuất xử lý các vấn đề trong phạm vi công việc được phân công và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tuân thủ các quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, quy chế hoạt động Ban kiểm soát.

II. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm 2020, Ban kiểm soát (BKS) đã tổ chức tám (08) cuộc họp thông qua các vấn đề sau: Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên BKS, xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động Ban kiểm soát; thông qua các báo cáo trình ĐHĐCĐ; thẩm định các báo cáo tài chính, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty; đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát. Cụ thể như sau:

Stt	Ngày/ tháng	Nội dung	Kết luận/ đánh giá	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết
1	27/3/2020	Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD và thẩm định BCTC năm 2019	Trong năm 2019 đơn vị đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD được đại ĐHĐCĐ thông qua; tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, bảo toàn và phát triển vốn	3/3	3/3
		Thông qua nội dung báo cáo của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ năm 2020. Đề xuất ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020.	Thống nhất và thông qua các nội dung trong báo cáo. Thống nhất đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán.	3/3 3/3	3/3 3/3
2	29/4/2020	Thẩm định tình hình SXKD và BCTC quý I năm 2020	Trong quý I năm 2020, các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất, sản lượng tiêu thụ Ure quy đổi và tự doanh, lợi nhuận, nộp NSNN của Công ty đều vượt mức kế hoạch; tình hình tài chính công ty lành mạnh, bảo toàn và phát triển vốn.	3/3	3/3
3	25/6/2020	Bầu Trưởng ban kiểm soát PVCFC	Thống nhất bầu Bà Phan Thị Cẩm Hương tiếp tục giữ chức Trưởng Ban kiểm soát PVCFC	3/3	3/3
4	29/6/2020	Phân công nhiệm vụ trong Ban kiểm soát; đánh giá kết quả hoạt	Ban kiểm soát đã thống nhất phân công nhiệm vụ từng thành viên Ban kiểm soát; Các kiểm soát viên đã rà	3/3	3/3

		động 06 tháng đầu năm và triển khai kế hoạch, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2020	soát, đánh giá công tác kiểm tra giám sát của 6 tháng đầu năm và thống kê hoạch kiểm tra giám sát 6 tháng cuối năm.		
5	28/8/2020	Đánh giá tình hình SXKD quý II, 6 tháng đầu năm và thẩm định BCTC giữa niên độ năm 2020	Trong 6 tháng đầu năm Công ty nỗ lực tiêu thụ sản phẩm, vận hành nhà máy an toàn, ổn định, tiết giảm chi phí và đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất, tiêu thụ, lợi nhuận, nộp NSNN; tình hình tài chính công ty lành mạnh, bảo toàn và phát triển vốn	3/3	3/3
6	09/10/2020	Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động 9 tháng đầu năm và triển khai hoạt động 03 tháng cuối năm 2020	Các thành viên Ban kiểm soát đã thống nhất các nội dung theo biên bản cuộc họp để triển khai thực hiện	3/3	3/3
7	04/11/2020	Thẩm định tình hình SXKD và BCTC quý III, 9 tháng đầu năm 2020	Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất, sản lượng tiêu thụ Ure; doanh thu và đặc biệt là lợi nhuận đã vượt xa kế hoạch gấp nhiều lần; tình hình tài chính công ty lành mạnh, bảo toàn và phát triển vốn	3/3	3/3
8	24/12/2020	Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2021	Ban kiểm soát đã rà soát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm 2020 và thống nhất kế hoạch hoạt động năm 2021 để sớm có cơ sở triển khai thực hiện và trình ĐHĐCĐ thông qua.	3/3	3/3

III. Tiền lương, thù lao chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và các kiểm soát viên:

Lương, thù lao và chi phí hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát được chi trả tuân thủ theo quy định của Công ty và đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tổng thu nhập của Ban Kiểm soát năm 2020 là 2,6 tỷ đồng.

IV. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính năm 2020

1. Tình hình sản xuất kinh doanh

➤ Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2020 trước những khó khăn, thách thức về biến đổi khí hậu, tồn kho trong nước ở mức cao, và dịch bệnh Covid-19, ... PVCFC đã nỗ lực đẩy mạnh công tác bán hàng, thực hiện các giải pháp tối ưu hóa năng lượng/nguyên liệu, tiết kiệm/tiết giảm chi

phí, vận hành nhà máy an toàn ổn định và đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Cụ thể như sau:

- Tổng sản lượng sản xuất (Ure quy đổi): 934,77 nghìn tấn, đạt 104,4% kế hoạch.
- Sản lượng tiêu thụ (Ure quy đổi): 1.008,44 nghìn tấn đạt 111,7% kế hoạch.
- Phân bón tự doanh: 171,48 nghìn tấn, đạt 122,5% kế hoạch.
- Tổng doanh thu: 7.700,34 tỷ đồng, đạt 110,7% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: 716,53 tỷ đồng, đạt 140,2% kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế: 662,45 tỷ đồng, đạt 138,2% kế hoạch.
- Các khoản nộp ngân sách nhà nước: 87,1 tỷ đồng, đạt 161,6% kế hoạch.
- Chi trả cổ tức: Công ty đã thanh toán cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 6% (tương ứng 600 đ/cổ phiếu).

➤ **Công tác triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản:**

Dự án đầu tư sản xuất phân bón phức hợp từ urê nóng chảy công suất 300.000 tấn/năm chậm tiến độ so với kế hoạch do ảnh hưởng của dịch bệnh nên nhà bản quyền không thể tham gia trực tiếp tại dự án mà chỉ phối hợp thực hiện từ xa. Hiện tại, đã tiến hành chạy thử tạo hạt ở chế độ tải thấp 50% và tiếp tục rà soát, đánh giá các điểm sửa đổi sau quá trình chạy thử.

Ngoài ra, PVCFC cũng triển khai một số dự án khác: Bổ sung nguồn điện từ lưới điện quốc gia cho Nhà máy Đạm Cà Mau, cho thuê mái kho để phát triển dự án điện mặt trời, hạng mục cải hoán và cung cấp CO2 thô, dự án nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh, ...

Tổng giá trị thực hiện đầu tư và mua sắm trang thiết bị trong năm 2020 là 112,89 tỷ đồng đạt 73,6% kế hoạch.

➤ **Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp:**

PVCFC đã xây dựng và ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các ban/phòng chức năng; tiếp tục cập nhật, hoàn thiện các quy chế, quy định và quy trình hoạt động theo mô hình mới phù hợp với mục tiêu chiến lược công ty.

Thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT theo Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ.

➤ **Công tác quản trị:**

Ban lãnh đạo tại đơn vị luôn chú trọng công tác quản trị lên hàng đầu, tiên phong đưa vào ứng dụng các công cụ hệ thống quản trị tiên tiến, thực hiện chuyển đổi công nghệ số, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, ... Cụ thể:

- Thuê đơn vị tư vấn đánh giá và tư vấn hệ thống quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất.
- Với mục tiêu ứng dụng hơn 80% công việc dựa trên hệ thống công nghệ thông tin công ty đã và đang triển khai các công cụ quản trị như: TPM, APC trong quản trị sản xuất; DMS, CSS, Data analyst trong kinh doanh và quản trị hệ thống BI, ERP, SAP, COSO, e-Office, ký điện tử, ...
- Bổ sung thêm báo cáo dòng tiền, báo cáo quản trị trên hệ thống ERP; xây dựng các

modul về quản lý hoạt động sáng kiến cải tiến, nghiên cứu khoa học, theo dõi sự cố, công tác mua sắm, ... trên eoffice; đưa vào ứng dụng công cụ Qrcode trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm và đưa vào vận hành hệ thống đào tạo trực tuyến - Elearning; tiếp tục triển khai Bảo trì năng suất toàn diện của hệ thống TPM.

- Tiếp tục thực hiện đề án “Tái tạo Văn hoá PVCFC” trọng tâm năm 2020 là rà soát và tích hợp 4 giá trị cốt lõi vào các chính sách, khen thưởng, đánh giá xếp loại, vinh danh theo tiêu chí các giá trị cốt lõi, ...

➤ Công tác đầu tư tài chính:

Tính đến ngày 31/12/2020, PVCFC chỉ đầu tư vào một (01) Công ty con – Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC), với số vốn góp là 24,49 tỷ đồng, chiếm 51,03% vốn điều lệ. Trong năm 2020, PPC đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 5,57 tỷ đồng đạt 100,34% kế hoạch, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 11,61%.

2. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro:

Hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty được thiết lập ngay từ những năm đầu thành lập công ty và được quan tâm, chú trọng trong việc kiểm tra, kiểm soát tuân thủ, hoạt động, tài chính, rủi ro của Công ty.

Công ty đã xây dựng các quy trình nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro theo chuẩn COSO. Hệ thống quy trình thường xuyên được rà soát, cập nhật, sửa đổi nhằm đảm bảo tính hiệu quả, hiệu suất cao trong quá trình vận hành. Công tác quản trị rủi ro cũng được các Phòng/Ban theo dõi, nhận diện thường xuyên, đưa ra giải pháp ứng phó kịp thời và định kỳ hàng tháng, hàng quý đều có báo cáo công tác quản lý, kiểm soát, cập nhật rủi ro cho Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.

Trong năm 2020, HĐQT công ty đã thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT, đây là tuyến phòng vệ thứ 3 công ty lập ra nhằm giúp cho hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty vận hành một cách phù hợp, các quy trình nội bộ của công ty được áp dụng hiệu quả, hiệu suất cao hơn, tạo thêm giá trị gia tăng cho công ty và đạt được các mục tiêu hoạt động, định hướng chiến lược công ty đề ra.

Đến nay công ty đã hoàn thiện đầy đủ mô hình 03 tuyến phòng vệ theo chuẩn COSO và đang vận hành hiệu quả, tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ công ty và các quy chế, quy trình nội bộ, các rủi ro cũng được theo dõi, phát hiện và có giải pháp ứng phó kịp thời.

3. Thẩm định báo cáo tài chính:

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên, năm 2020 đảm bảo tính đúng đắn, minh bạch trong các báo cáo. Kết quả thẩm định như sau:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020.
- Báo cáo tài chính năm 2020 của PVCFC đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam soát xét và kiểm toán.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.
- Các chỉ số tài chính cơ bản cho thấy tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán, bảo toàn và phát triển vốn, cụ thể: Tỷ số thanh toán

hiện hành (1,94 lần); Tỷ số thanh toán nhanh (1,53 lần); Hệ số nợ/Tổng tài sản (0,27 lần); Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (0,38 lần); Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu - ROE (10,66%); Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản - ROA (7,01%).

V. Giám sát, đánh giá hoạt động và báo cáo của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị PVCFC đã tổ chức 14 cuộc họp và 67 lần lấy ý kiến bằng văn bản để đưa ra những quyết định, chỉ đạo kịp thời trong việc thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thông qua.

HDQT đã ban hành 52 văn bản bao gồm các Nghị quyết, Quyết định và các Chỉ thị liên quan đến hoạt động của PVCFC theo đúng trình tự, thẩm quyền quy định của luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

HDQT đã thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HDQT và giao thành viên độc lập HDQT phụ trách để thực hiện việc kiểm toán hoạt động của Công ty.

Các thành viên HDQT tham gia đầy đủ các cuộc họp và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, các thành viên độc lập HDQT đã thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập và khách quan. Trong năm 2020 HDQT đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo, cũng như định hướng chiến lược và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc thực hiện công tác điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo các Phòng/ban chức năng nghiêm túc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của HDQT và ĐHĐCĐ.

Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD của PVCFC một cách chủ động, linh hoạt, hiệu quả, chú trọng công tác kiểm soát rủi ro, thực hiện các giải pháp tối ưu hóa năng lượng/nguyên liệu, tiết kiệm/tiết giảm chi phí, đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm và đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD năm 2020.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc trình ĐHĐCĐ phản ánh đầy đủ, trung thực công tác quản lý, điều hành và kết quả hoạt động của Công ty.

VI. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định pháp luật, quy định công ty nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát. Cung cấp đầy đủ thông tin, mời tham gia đầy đủ các cuộc họp và thực hiện các khuyến nghị của Ban kiểm soát.

Trong năm 2020 không có thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu kiểm tra của cổ đông phù hợp quy định của Luật doanh nghiệp gửi Ban kiểm soát. Ban kiểm soát đã thực hiện hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo với cổ đông theo quy định của luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

VII. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời

gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Trong năm 2020 không có giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch phát sinh tại PVCFC.

VIII. Nhận xét, kiến nghị.

Nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 tại PVCFC tiếp tục đạt hiệu quả, Ban kiểm soát kiến nghị một số nội dung như sau:

- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị, sử dụng hiệu quả dòng tiền.
- Đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro, đặc biệt là rủi ro về máy móc thiết bị tại nhà máy.
- Sớm đưa phân xưởng NPK vào hoạt động hiệu quả và hoàn thành công tác quyết toán dự án NPK.
- Tiếp tục phát triển hệ thống phân phối, tăng cường độ nhận biết sản phẩm NPK.

IX. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2021.

Trong năm 2021 Ban kiểm soát tập trung kiểm tra giám sát các nội dung chính sau:

- Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ công ty, pháp luật hiện hành; tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ; tình hình thực hiện và tuân thủ Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị nội bộ Công ty.
- Kiểm tra/giám sát trong việc quản lý vốn của chủ sở hữu và phần vốn của PVCFC đầu tư vào doanh nghiệp khác.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021; các dự án đầu tư, việc xây dựng và thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm.
- Thẩm định báo cáo tài chính và tình hình sản xuất kinh doanh quý, năm của PVCFC.
- Thực hiện các báo cáo và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các quy định hiện hành.

PHẦN B: ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Trên cơ sở xem xét, đánh giá năng lực các công ty Kiểm toán độc lập, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau: Công ty TNHH KPMG (Việt Nam), Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH PwC (Việt Nam) thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021./.

PHẦN 5: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán như nội dung đính kèm.

Cổ đông có thể theo dõi BCTC kiểm toán năm 2020 của công ty theo đường dẫn: <https://www.pvcfc.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/bao-cao-tai-chinh/bao-cao-tai-chinh-1> được đăng tải trên website của công ty.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Nguyên

PHẦN 6: TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2021

TỜ TRÌNH

V/v phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2020 và đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông - CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Nghị quyết Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 1161/NQ-PVCFC ngày 25/06/2020;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh lũy kế năm 2020 và nhu cầu thực tế của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận lũy kế năm 2020, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 Công ty, như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận lũy kế năm 2020 của Công ty:

STT	Khoản mục	Giá trị (tỷ đồng)
I	LNST lũy kế năm 2020	772,30
1	LNST chưa phân phối năm 2019 chuyển sang năm 2020	110,74
2	LNST năm 2020	661,56
II	Phân phối LNST lũy kế năm 2020	611,88
1	Quỹ Đầu tư phát triển (10% Lợi nhuận sau thuế)	66,16
2	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	85,44
	<i>Trong đó: -Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi người lao động (*)</i>	83,36
	<i>-Quỹ Thưởng người quản lý</i>	2,08
3	Bổ sung quỹ Khen thưởng, phúc lợi người lao động (*)	36,76
4	Chia cổ tức (08% V&L tương đương 800 đồng/cổ phiếu)(**)	423,52
III	LNST chưa phân phối năm 2020 chuyển sang năm 2021	160,43

(*) 20% LNST phân vượt Kế hoạch đã được thông qua;

(**) Vốn điều lệ năm 2020: 5.294 tỷ đồng

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty:

STT	Khoản mục	Giá trị
		(tỷ đồng)
I	LNST lũy kế năm 2021 theo kế hoạch	356,93
1	LNST chưa phân phối năm 2020 chuyển sang năm 2021	160,43
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo kế hoạch	196,5
II	Kế hoạch phân phối LNST lũy kế năm 2021	
1	Quỹ Đầu tư phát triển (30% Lợi nhuận sau thuế) (i)	
2	Quỹ phát triển khoa học công nghệ (10% Lợi nhuận trước thuế) (ii)	
3	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (u)	
4	Bổ sung quỹ Khen thưởng, phúc lợi (v)	20% phần LNST năm 2021 vượt KH
5	Dự kiến chia cổ tức (5% V&L tương đương 500 đồng/cổ phiếu)	

(i): Quỹ đầu tư phát triển : 30 % Lợi nhuận sau thuế

(ii): Quỹ phát triển khoa học công nghệ : 10% Lợi nhuận trước thuế

(u): Quỹ Khen thưởng, phúc lợi

Trong đó:

+ Quỹ Khen thưởng, phúc lợi người lao động : 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động.

+ Quỹ Thương của người quản lý Công ty : 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý Công ty chuyên trách

(v): Bổ sung quỹ Khen thưởng, phúc lợi người lao động : 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch.

(w): Vốn điều lệ năm 2021: 5.294 tỷ đồng.

Việc thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 tùy vào tình hình sản xuất kinh doanh Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 quyết định.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông PVCFC xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Nguyên

PHẦN 7: BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG, THÙ LAO CỦA BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

BÁO CÁO

Tiền lương, tiền thưởng, thù lao năm 2020 của Ban quản lý, điều hành và Kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua,

Hội đồng quản trị Công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình thực hiện tiền lương, tiền thưởng, thù lao và lợi ích khác năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban quản lý, điều hành (Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng) như sau:

I. Tình hình thực hiện năm 2020:

DVT: Triệu đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương, thù lao	Tiền thưởng	Tổng cộng	Ghi chú
I.	Hội đồng quản trị:		6.472,72	861,47	7.334,19	
1.	Trần Ngọc Nguyên	Chủ tịch HĐQT	1.465,19	223,31	1.688,51	
2.	Văn Tiến Thanh	Thành viên viên HĐQT, Tổng Giám đốc	1.484,40	226,24	1.710,65	
3.	Trần Mỹ	Thành viên HĐQT	1.300,16	165,14	1.465,30	
4.	Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên HĐQT	1.300,16	165,14	1.465,30	
5.	Lê Đức Quang	Thành viên HĐQT	642,80	81,64	724,45	<i>Từ 25/06/2020</i>
6.	Nguyễn Minh Phương	Thành viên HĐQT không chuyên trách	280,00	-	280,00	
II.	Ban Kiểm soát:		2.320,80	190,14	2.510,94	
1.	Phan Thị Cẩm Hương	Trưởng ban Kiểm soát	1.235,55	125,54	1.361,09	
2.	Đỗ Minh Dương	Kiểm soát viên chuyên trách	1.017,25	64,60	1.081,85	

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương, thù lao	Tiền thưởng	Tổng cộng	Ghi chú
3.	Nguyễn Quốc Huy	Kiểm SV không chuyên trách	68,00	-	68,00	
III.	Ban Tổng Giám đốc:		6.645,97	844,11	7.490,08	
1.	Trần Chí Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc	1.300,16	165,14	1.465,30	
2.	Lê Ngọc Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	1.300,16	165,14	1.465,30	
3.	Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	1.259,12	159,92	1.419,04	
4.	Phạm Văn Bắc	Phó Tổng Giám đốc	1.002,70	127,35	1.130,05	<i>Nghỉ hưu từ 11/2020</i>
5.	Nguyễn Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	1.218,96	154,82	1.373,78	
6.	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	564,87	71,75	636,62	<i>Từ 15/07/2020</i>
IV.	Kế toán trưởng:		1.230,31	125,01	1.355,31	
1.	Đình Như Cường	Kế toán trưởng	1.230,31	125,01	1.355,31	
Tổng cộng:			16.669,80	2.020,73	18.690,53	

II. Kế hoạch năm 2021 Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

1. Căn cứ:

- Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;

- Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;

- Tình hình thực hiện năm 2020, nhiệm vụ kế hoạch và số lượng thành viên Ban quản lý, điều hành năm 2021,

Công ty xây dựng Quỹ tiền lương, thù lao, Quỹ thưởng kế hoạch 2021 và cơ chế xác định Quỹ tiền lương, thù lao, Quỹ thưởng thực hiện năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

2. Quỹ tiền lương, thù lao và Quỹ tiền thưởng kế hoạch của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

- Số lượng nhân sự của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: 09 người. Trong đó: 07 người chuyên trách và 02 người kiêm nhiệm;

- Tiền lương bình quân kế hoạch của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: 72 triệu

đồng/người/tháng.

- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát kiêm nhiệm: 14,40 triệu đồng/người/tháng.

- Quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: 6.597,739 triệu đồng.

- Quỹ tiền thưởng của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: 775,455 triệu đồng.

3. Phân phối tiền lương, tiền thưởng Ban quản lý điều hành:

Việc phân phối quỹ tiền lương, thù lao và quỹ tiền thưởng của Ban quản lý điều hành thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng và thù lao của Ban quản lý, điều hành do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.

4. Cơ chế xác định Quỹ tiền lương, thù lao và Quỹ tiền thưởng thực hiện:

a. Quỹ tiền lương thực hiện:

- Quỹ tiền lương thực hiện được xác định trên cơ sở số người Ban quản lý, điều hành chuyên trách thực tế (tính bình quân theo tháng) và mức tiền lương bình quân thực hiện.

- Mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định trên cơ sở mức tiền lương bình quân kế hoạch gắn với mức độ thực hiện các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh cụ thể như sau:

+ Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định bằng mức tiền lương bình quân kế hoạch.

+ Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 01% lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm 02%, nhưng không quá 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch.

b. Quỹ tiền thưởng thực hiện:

- Khi lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch thì quỹ tiền thưởng của Ban quản lý, điều hành tương đương 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Ban quản lý, điều hành chuyên trách.

- Khi lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì quỹ tiền thưởng của Ban quản lý, điều hành tương đương 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Ban quản lý, điều hành chuyên trách.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Nguyên

PHẦN 8: TỜ TRÌNH BỔ SUNG, SỬA ĐỔI CHI TIẾT NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CTCP PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

TỜ TRÌNH

Về việc Bổ sung, sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Cà Mau

I. Căn cứ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

II. Nội dung

Nhằm đáp ứng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty như sau:

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
A	Bổ sung ngành nghề	
1	Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:	- Mã ngành 6311: Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. -Mã ngành 6312: Cổng thông tin.
2	Ngành nghề quảng cáo	Mã ngành 7310: Quảng cáo.
3	Kinh doanh mua bán các sản phẩm vật tư nông nghiệp (máy móc hỗ trợ/công cụ dụng cụ/giống/thuốc/nông sản):	- Mã ngành 4653: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp. - Mã ngành 4620: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống.
4	Kinh doanh mua bán thiết bị điện tử.	- Mã ngành 4652: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
5	Sàn giao dịch điện tử (chợ online).	- Mã ngành 4791: Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet
6	Dịch vụ khảo nghiệm phân bón.	- Mã ngành 0161: Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
7	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.	- Mã ngành: 1104: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
8	Cho thuê tài sản thuộc sở hữu của doanh nghiệp	Mã ngành: 6810 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
9	Cung cấp dịch vụ kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa.	- Mã ngành: 7830 Cung ứng và quản lý nguồn lao động.
B	Sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh.	<p>Điều chỉnh mã ngành 7110 Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất.</p> <p>- Mã ngành: 7211 Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên.</p> <p>- Mã ngành: 7212 Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ.</p>

Chi tiết như phụ lục đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Nguyên

PHỤ LỤC

(Đính kèm tờ trình Đại hội đồng cổ đông về bổ sung ngành nghề kinh doanh)

A. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh

1. Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:

- Mã ngành 6311: Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.
- Mã ngành 6312: Công thông tin.

Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử.

Lý do: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp 2 Nông nhằm mục đích cung cấp thông tin tổng hợp cho khách hàng, thông qua trang thông tin điện tử để quảng bá hình ảnh/sản phẩm kinh doanh, tạo sự kết nối với khách hàng.

2. Ngành nghề quảng cáo:

- Mã ngành 7310: Quảng cáo.

Lý do: Tận dụng tối đa tiềm năng của web, app 2 Nông, Công ty sẽ cung cấp dịch vụ quảng cáo trên nền tảng web, App 2 Nông cho các đối tác khác để thu phí.

3. Kinh doanh mua bán các sản phẩm vật tư nông nghiệp (máy móc hỗ trợ/công cụ dụng cụ/giống/thuốc/nông sản):

- Mã ngành 4653: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp. *Chi tiết: Kinh doanh mua bán các sản phẩm vật tư nông nghiệp máy móc hỗ trợ, công cụ, dụng cụ và các phụ tùng máy nông nghiệp.*

- Mã ngành 4620: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống.

Chi tiết: Kinh doanh mua bán giống cây trồng, nông sản và thuốc dùng trong nông nghiệp.

Lý do: Công ty sẽ liên kết từ khâu cung cấp vật tư, giống, thuốc nông nghiệp đến khâu tiêu thụ sản phẩm, giúp bà con nông dân chủ động hơn trong khâu tạo ra sản phẩm nông nghiệp chất lượng, đồng thời đưa các sản phẩm này ra thị trường như ở siêu thị, điểm bán hay trên web, app 2 Nông của Công ty, điều này tạo thành một liên minh cung cấp và bán hàng tạo thành một sự gắn kết lâu dài.

4. Kinh doanh mua bán thiết bị điện tử.

- Mã ngành 4652: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

Chi tiết: Kinh doanh mua bán thiết bị điện tử, viễn thông và các linh kiện điện tử.

Lý do: Công ty sẽ liên kết để cung cấp các sản phẩm điện tử, viễn thông (Điện thoại thông minh thông, các thiết bị điện tử viễn thông khác qua các chương trình khuyến mãi, tặng khách hàng...) có cài đặt sẵn các ứng dụng web, app 2 Nông, các thông tin về Phân bón, các kiến thức về chăm sóc cây trồng, tình hình giá cả thị trường.... giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận thông tin sản phẩm dịch vụ của Công ty, đồng thời tạo sự kết nối, chủ động hơn trong khâu tiếp thị sản phẩm, mang lại nguồn thu khác cho Công ty.

5. Sàn giao dịch điện tử (chợ online).

- Mã ngành 4791: Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet.

Chi tiết: Kinh doanh mua bán trên giao dịch điện tử.

Lý do: Tận dụng các lợi thế mà web, app 2 Nông mang lại, Công ty sẽ đăng bán các sản phẩm Phân bón Cà Mau trên web, app 2 Nông hay các sản phẩm khác. Thông qua hình thức kinh doanh này, khách hàng có thể dễ dàng theo dõi, đánh giá sản phẩm qua những phản hồi của các khách hàng trước, nhận được những khuyến mãi, giảm giá, quà tặng vào dịp đặc biệt, đăng ký thành viên...

6. Dịch vụ khảo nghiệm phân bón.

- Mã ngành 0161: Hoạt động dịch vụ trồng trọt.

Chi tiết: Khảo nghiệm phân bón.

Lý do: Trung tâm Nghiên cứu phát triển là chi nhánh của Công ty đã được công nhận là cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm phân bón. Theo đó, Trung tâm có đủ điều kiện để thực hiện dịch vụ khảo nghiệm phân bón cho những đơn vị khác khi họ có nhu cầu.

7. Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

- Mã ngành: 1104: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai.

Lý do: Việc sản xuất nước uống đóng chai tự cung cấp cho nhu cầu của Công ty sẽ tiết kiệm được nhiều chi phí, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Đây là sản phẩm có chi phí đầu tư thấp, lợi nhuận cao, đồng thời có thể tận dụng hệ thống các đại lý phân phối, khách hàng của Công ty phân phối sản phẩm nước uống của Công ty.

8. Cho thuê tài sản thuộc sở hữu của doanh nghiệp.

- Mã ngành: 6810 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Chi tiết: Cho thuê tài sản thuộc chủ sở hữu.

Lý do: Hiện nay, một số nhà xưởng, mái che thuộc sở hữu của Công ty chưa có nhu cầu sử dụng, Công ty sẽ tận dụng để cho các đơn vị khác thuê lại trong khoảng thời gian nhất định mang lại nguồn thu nhập khác cho Công ty.

9. Cung cấp dịch vụ kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa.

- Mã ngành: 7830 Cung ứng và quản lý nguồn lao động.

Lý do: Cùng với đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm trong ngành được đào tạo chính quy qua các trường đại học danh tiếng và thường xuyên được nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cả trong và ngoài nước. Nhà máy Đạm Cà Mau liên tiếp có những cải tiến quan trọng giúp tối ưu hóa công nghệ, nâng cao công suất và tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng. Luôn hoàn thành tốt công tác Bảo dưỡng, sửa chữa cho Nhà máy trong nhiều năm qua, đảm bảo Nhà máy sản xuất, vận hành ổn định và hiệu quả. Do đó, việc thực hiện chiến lược cung cấp dịch vụ kỹ thuật ra bên ngoài Công ty là việc làm cần thiết. Điều đó không chỉ mở rộng dịch vụ mà còn là cơ hội để các kỹ sư được thể hiện bản thân, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, góp phần đưa hình ảnh Phân bón Cà Mau ngày càng phổ biến.

B. Sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh.

Điều chỉnh mã ngành 7110 Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chi tiết: Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất.

- Mã ngành: 7211 Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên.

- Mã ngành: 7212 Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ./.

**PHẦN 9: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Trên cơ sở điều Điều lệ mẫu áp dụng cho công ty đại chúng và Điều lệ hiện hành, HĐQT đã soạn thảo Điều lệ, sửa đổi, bổ sung tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp phù hợp với quy định và các yêu cầu quản trị, điều hành của Công ty.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Điều lệ công ty với các điều khoản như nội dung đính kèm.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Nguyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày tháng năm 2021

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	48
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	48
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	49
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	49
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	50
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY. 50	50
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	50
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	51
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	51
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	51
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	52
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	52
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	52
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	53
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	53
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	53
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	53
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	55
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	56
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	57
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	59
Điều 16. Thay đổi các quyền	59
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông... 60	60
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	61
Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông... 61	61
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua	63
Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	64
Điều 22. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	65
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	66
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	67
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	67
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	67
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	68
Điều 27. Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	70
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	70
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	71
Điều 30. Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị	73
Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty	73
Điều 32. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp độc lập	74
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.. 74	74
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	74
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	74
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	74

IX. BAN KIỂM SOÁT	75
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	75
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát	76
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	76
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	77
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	78
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát ..	78
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	79
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	79
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	80
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	81
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	81
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	81
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	81
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	81
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	81
Điều 47. Trích lập quỹ	82
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .	82
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	82
Điều 49. Năm tài chính	82
Điều 50. Chế độ kế toán.....	82
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN.....	83
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	83
Điều 52. Báo cáo thường niên	83
Điều 53. Công khai thông tin.....	83
Điều 54. Công bố thông tin sở hữu	83
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	83
Điều 55. Kiểm toán	83
XVII. DẤU CỦA CÔNG TY	84
Điều 56. Dấu của Công ty.....	84
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	84
Điều 57. Giải thể Công ty	84
Điều 58. Thanh lý	84
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	85
Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ	85
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	85
Điều 60. Điều lệ Công ty	85
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	85
Điều 61. Ngày hiệu lực	85

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau tại đại hội tổ chức vào ngày ... tháng ... năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;

d. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;

e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

f. "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng;

g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;

h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;

i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;

j. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

k. "Công ty" là Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau;

l. "Đại hội đồng cổ đông" là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau, cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết;

m. "Hội đồng quản trị" là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau;

n. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

o. "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;

p. "Họp truyền thống" là hình thức người tham gia họp có mặt, trực tiếp tham gia theo dõi, thảo luận và biểu quyết/xác nhận các nội dung của cuộc họp tại một địa điểm cụ thể;

q. "Họp trực tuyến" là hình thức họp thông qua thiết bị công nghệ có kết nối mạng internet/PSTN, sử dụng các phần mềm, giải pháp công nghệ truyền tải âm thanh

và/hoặc hình ảnh để kết nối nhiều người ở các vị trí địa lý khác nhau tham gia theo dõi, thảo luận và biểu quyết/xác nhận các nội dung của cuộc họp;

r. “Biểu quyết” là việc cổ đông hoặc các cá nhân, tổ chức được cổ đông ủy quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp truyền thông, biểu quyết tại cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh:

PETROVIETNAM CAMAU FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: **PVCFC**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính:

Lô D Khu công nghiệp phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

- Điện thoại: 0290.3819.000

- Fax: 0290.3590501

- E-mail: pvcfc@pvcfc.com.vn

- Website: www.pvcfc.com.vn

4. Mã chứng khoán: DCM

5. Sàn giao dịch niêm yết: Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

6. Logo của Công ty:



7. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

8. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 57 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp ủy quyền, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012 (Chính)
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, hóa chất sử dụng trong công - nông nghiệp.	4669
3	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ phân bón, hóa chất sử dụng trong công - nông nghiệp.	4773
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất.	7110
5	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
6	Bốc xếp hàng hóa	5224
7	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
8	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
9	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
10	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị.	3312
11	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
12	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
13	Công thông tin. Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử.	6312

Stt	Tên ngành	Mã ngành
14	Quảng cáo	7310
15	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp. Chi tiết: Kinh doanh mua bán các sản phẩm vật tư nông nghiệp máy móc hỗ trợ, công cụ, dụng cụ và các phụ tùng máy nông nghiệp.	4653
16	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống. Chi tiết: Kinh doanh mua bán giống cây trồng, nông sản và thuốc dùng trong nông nghiệp.	4620
17	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Kinh doanh mua bán thiết bị điện tử, viễn thông và các linh kiện điện tử.	4652
18	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Chi tiết: Kinh doanh mua bán qua giao dịch điện tử.	4791
19	Hoạt động dịch vụ trồng trọt. Chi tiết: Khảo nghiệm phân bón	0161
20	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.	1104
21	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê tài sản thuộc chủ sở hữu	6810
22	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
23	Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.	

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông;
- Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty;
- Phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp hàng đầu ở Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phân bón và hóa chất phục vụ nông nghiệp và công nghiệp dầu khí. Áp dụng công nghệ sinh học, tiết kiệm năng lượng cho đầu tư phát triển các sản phẩm phục vụ nông nghiệp và các lĩnh vực khác.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là **5.294.000.000.000** đồng (bằng chữ: *Năm nghìn hai trăm chín mươi bốn tỷ đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **529.400.000** cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát khi Công ty bổ sung, thay thế nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử (nếu có).

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm từ 10% đến dưới 25% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

a. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Cổ đông có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa bốn (04) người đại diện theo ủy quyền.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Có trách nhiệm thông báo chính xác, kịp thời thông tin cá nhân, bao gồm cả địa chỉ liên hệ và khi có sự thay đổi.

9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty (theo hợp đồng kiểm toán được ký kết hàng năm giữa hai bên) dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập (thành viên độc lập Hội đồng quản trị), Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba và để đảm bảo công việc sản xuất kinh doanh thông suốt trong lúc này, Hội đồng quản trị có thể thực hiện các bước như quy định tại khoản 3 và 4, Điều 25 của Điều lệ này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức theo hình thức họp truyền thống, họp trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trên. Hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do người triệu tập cuộc họp quyết định và thông báo cho cổ đông tại quyết định triệu tập cuộc họp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên mười (10)% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo kết quả đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị;
 - đ. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - h. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
- m. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - q. Quyết định mua lại trên mười (10)% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
 - t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm (75)% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm (75)% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định hình thức, thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (có thể gửi cho cổ đông bằng thư điện tử hoặc số fax theo thỏa thuận/cam kết/đăng ký của cổ đông với Công ty), đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Thông tin chi tiết ứng viên cần nêu rõ lý lịch trích ngang, kinh nghiệm, trình độ học vấn, quá trình công tác, thời gian bắt đầu nắm giữ vị trí thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát trước đó tại công ty nếu có, thông tin về vị trí đang nắm giữ hiện tại tại các công ty niêm yết và chưa niêm yết khác;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Các dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có đầy đủ thông tin và chi tiết cung cấp cơ sở cho các dự thảo giúp cổ đông thực hiện biểu quyết.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông đối với cổ đông tham dự theo hình thức họp truyền thống: Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đối với cổ đông tham dự theo hình thức họp trực tuyến: Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản và mật khẩu để đăng nhập

tham gia họp và biểu quyết trực tuyến, cổ đông thực hiện biểu quyết theo quy định và/hoặc hướng dẫn của hình thức họp trực tuyến;

b. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Công ty phải công bố thủ tục biểu quyết được áp dụng trước khi đại hội thực hiện biểu quyết các vấn đề. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

c. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông tham dự muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Có ít nhất một thành viên ban kiểm phiếu là thành viên độc lập với ban điều hành và cổ đông lớn.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp truyền thống Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp truyền thống;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, họp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Trường hợp Công ty áp dụng hình thức họp trực tuyến để tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi (50)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm (100)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của tòa án, trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp sau:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Định hướng phát triển Công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu theo quy định về bảo mật của Công ty;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện cho tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận với tỷ lệ như quy định tại Điều 20 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ. Danh sách có liệt kê đầy đủ các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, đại diện công ty kiểm toán độc lập có tham dự Đại hội.

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và chi tiết nội dung các ý kiến phát biểu của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, chi tiết trả lời của chủ tọa và các đại diện Công ty đối với các ý kiến của cổ đông tại đại hội về từng vấn đề trong chương trình họp;

g. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

h. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

k. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a đến điểm i khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trong trường hợp nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của tòa án hoặc trọng tài, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có

thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi biểu quyết. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- đ. Ngày đầu tiên đã từng giữ chức vụ tại Công ty;
- e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- g. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- h. Các thông tin khác (nếu có);
- i. Công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có). Thông tin các ứng viên cần nêu rõ như quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ năm (05) đến bảy (07) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty, không mang quốc tịch Việt Nam và (hoặc) không cư trú tại Việt Nam.

3. Trường hợp một (01) hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị kết thúc nhiệm kỳ trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên trong năm đó, đề đại hội biểu quyết bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm để bầu nhân sự khác thay thế thì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc các thành viên Hội đồng quản trị đó vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi có kết quả biểu quyết tại Đại hội cổ đông.

4. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ chức trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) nhưng số thành viên Hội đồng quản trị vẫn đảm bảo theo quy định thì Hội đồng quản trị có thể phân công lại công việc trong số các thành viên Hội đồng quản trị còn lại và tiến hành lấy ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất cho trường hợp từ chức đó và công bố thông tin theo quy định.

5. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo tối thiểu 02 người;

6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp;

7. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, ngoại trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp;

i. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

s. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty;

t. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

u. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Điều 27. Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng lương, thù lao công việc và thưởng. Lương, thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức lương, thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức lương, thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các Ủy ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Tổ chức đánh giá hiệu quả của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị ít nhất mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.

g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Trong thời gian không có Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng

quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể mời và (hoặc) triệu tập các thành phần khác tham gia cuộc họp, các thành viên này được thảo luận, phát biểu nhưng không được quyền biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức theo hình thức họp truyền thống, họp trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trên. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban trực thuộc để phụ trách về các lĩnh vực chuyên môn như chiến lược, quản trị, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán, quản lý rủi ro, Số lượng thành viên của Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định, có từ 03 thành viên trở lên, thành viên của các Ủy ban phải là thành viên HĐQT Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán phải bao gồm nghĩa vụ giám sát, đánh giá chất lượng của quy trình lập báo cáo tài chính; giám sát và đánh giá chất lượng của Công ty kiểm toán độc lập.

Hoạt động của các Ủy ban phải tuân thủ theo quy chế hoạt động do Hội đồng quản trị phê duyệt. Các Ủy ban thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác qui định trong quy chế hoạt động của mỗi Ủy ban. Mỗi thành viên Ủy ban có một phiếu biểu quyết, quyết định của Ủy ban được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban đó.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 32. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp độc lập

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có quyền sử dụng các dịch vụ tư vấn, kế toán chuyên nghiệp, độc lập bên ngoài để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật (nếu cần thiết) để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của họ bằng chi phí của Công ty.

Các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từ kết quả của việc sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp vẫn hoàn toàn thuộc về trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trước Đại hội đồng cổ đông.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc quyết định của Tổng giám đốc.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành doanh nghiệp của Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành doanh nghiệp với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Hợp đồng với những người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

4. Tiền lương của người điều hành doanh nghiệp được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; các quy trình thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành sản xuất kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.

k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Tổng giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty.

b. Có đơn xin từ chức (nêu rõ lý do) gửi Hội đồng quản trị.

c. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.

d. Hết hạn hợp đồng lao động và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng.

đ. Nghi hưu.

Tổng giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế Công ty.

b. Vi phạm pháp luật đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (3) đến (5) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức (nêu rõ lý do) gửi đến trụ sở Công ty và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trong trường hợp bị giảm quá một phần ba (1/3) số thành viên Ban kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo ngay cho Hội đồng quản trị để triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

6. Trường hợp một (01) hoặc một số thành viên Ban kiểm soát trị kết thúc nhiệm kỳ trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên trong năm đó, để đại hội biểu quyết bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm để bầu nhân sự khác thay thế thì thành viên Ban kiểm soát đó hoặc các thành viên Ban kiểm soát đó vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi có kết quả biểu quyết tại Đại hội cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

2. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

3. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.

5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

8. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

9. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

10. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức

kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

11. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

12. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

13. Phối hợp, giám sát, đánh giá công tác của kiểm toán độc lập.

14. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

15. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

16. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

17. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

18. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

19. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

20. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá

tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Ủy ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Hội đồng quản trị giao cho thành viên Hội đồng quản trị độc lập không có liên quan đến các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông hay không.

5. Hội đồng quản trị phải cam kết đảm bảo các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan được thực hiện hợp lý theo cơ chế thị trường.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

8. Tối thiểu 03 ngày trước ngày bắt đầu và tối đa 03 ngày sau ngày hoàn tất giao dịch cổ phiếu của công ty, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch.

9. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây (ngoại trừ trường hợp có phán quyết của tòa án là giao dịch không công bằng cho cổ đông thiểu số và tạo ra mâu thuẫn lợi ích cho Công ty):

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm (35)% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm (35)% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép.

4. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm theo đúng quy định pháp luật cho những người được quy định tại khoản 2 điều này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên, theo quy định như sau:

a. Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc mua bảo hiểm trách nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

b. Hội đồng quản trị phê chuẩn việc mua bảo hiểm trách nhiệm đối với Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác.

c. Tổng giám đốc phê chuẩn việc mua bảo hiểm trách nhiệm đối với những trường hợp không quy định tại Điểm a và b Khoản này.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, Hội đồng quản trị có thể xem xét chi trả trước cổ tức cho cổ đông.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, cổ tức (nếu có) phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Trích lập quỹ

Hàng năm, Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và nghị quyết của của Đại hội đồng cổ đông.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một và kết thúc vào ngày thứ Ba mươi mốt (31) của tháng Mười hai hàng năm.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật, được HĐQT phê duyệt và được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 53. Công khai thông tin

Công ty công bố thông tin bằng tiếng Việt và có thể dịch qua tiếng Anh đối với các tài liệu tối thiểu gồm: Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các Ủy ban, Ban kiểm soát, Quy chế nội bộ về công bố thông tin, tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu thông tin cập nhật về tình hình hoạt động của công ty trên trang điện tử quan hệ cổ đông của công ty.

Điều 54. Công bố thông tin sở hữu

Thông tin sở hữu của các đối tượng bao gồm: cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý chủ chốt, cần được công bố tỉ lệ cổ phần sở hữu trực tiếp và tỉ lệ cổ phần sở hữu gián tiếp của các đối tượng này.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 55. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

Kiểm toán viên của công ty kiểm toán độc lập không người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được khuyến khích tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 56. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 57. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;

b. Giải thể theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 58. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

đ. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 60. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 61. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 61 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 tại Cà Mau và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản Điều lệ này và các quy chế, quy định, quyết định của Công ty cũng như thảo luận, giao tiếp tại cuộc họp và trong các biên bản cuộc họp là tiếng Việt. Người tham dự cuộc họp có trách nhiệm tự thuê phiên, biên dịch nếu cần. Trường hợp Công ty có thêm phiên bản bằng tiếng nước ngoài, nếu có sự sai lệch giữa phiên bản tiếng Việt và phiên bản tiếng nước ngoài thì phiên bản tiếng Việt được áp dụng.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty:

Họ và tên: Văn Tiến Thanh Chức vụ: Tổng giám đốc

Chữ ký:

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Trần Ngọc Nguyên

**PHẦN 10: DỰ THẢO QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**

TỜ TRÌNH

V/v thông qua việc sửa đổi Quy chế quản trị công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
 Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi Quy chế quản trị công ty để phù hợp với Điều lệ công ty như đính kèm.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Nguyên

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU



QUY CHẾ
QUẢN TRỊ NỘI BỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHĐCD ngày .../04/2021
của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	92
Điều 1. Mục đích.....	92
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	92
Điều 3. Định nghĩa thuật ngữ.....	92
Điều 4. Hệ thống Quản trị Công ty.....	93
1. Nguyên tắc chính của quản trị Công ty.	93
2. Xây dựng hệ thống Quản trị Công ty tốt.....	93
CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	94
Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	94
Điều 6. Triệu tập ĐHĐCĐ.....	94
Điều 7. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.....	94
1. Lập danh sách cổ đông tham dự.....	94
2. Thông báo họp và gửi thư mời	95
3. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông.....	95
4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	95
Điều 8. Họp ĐHĐCĐ và cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ	95
Điều 9. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ	97
Điều 10. Trình tự và cách thức biểu quyết, bỏ phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ.....	97
1. Hình thức biểu quyết, bỏ phiếu.	97
2. Cách thức biểu quyết.....	98
3. Cách thức bỏ phiếu bầu cử HĐQT, BKS	98
4. Cách thức kiểm phiếu	99
5. Thông báo kết quả kiểm phiếu	99
6. Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết cuộc họp	99
Điều 11. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ.....	99
Điều 12. Biên bản ĐHĐCĐ	100
Điều 13. Khiếu nại và phản hồi khiếu nại về Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ	100
CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	101
Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	101
Điều 15. Thủ tục, trình tự đề cử, ứng cử và tổ chức bầu cử thành viên HĐQT	101
1. Nhiệm kỳ, thành phần và số lượng thành viên HĐQT.....	101
2. Điều kiện đề cử, tự ứng cử thành viên HĐQT, số lượng và việc tổng hợp danh sách ứng cử viên HĐQT.....	101
3. Hồ sơ và thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử để bầu vào HĐQT.....	102
4. Phương thức bầu cử.....	102
5. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT	103
Điều 16. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	103
Điều 17. Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	103
Điều 18. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	103
Điều 19. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT	104

Điều 20. Điều kiện cần thiết để tiến hành các cuộc họp của HĐQT	104
Điều 21. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT	104
Điều 22. Trình tự thủ tục tiến hành các cuộc họp của HĐQT	105
Điều 23. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác	106
Điều 24. Thông qua nghị quyết của HĐQT	106
Điều 25. Thông qua các nghị quyết của HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	107
Điều 26. Biên bản cuộc họp của HĐQT	108
CHƯƠNG IV	108
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	108
Điều 27. Tiêu chuẩn người phụ trách quản trị công ty	108
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ người phụ trách quản trị công ty	108
Điều 29. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty	109
Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty	109
Điều 31. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty	109
CHƯƠNG V	110
BAN KIỂM SOÁT	110
Điều 32. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	110
Điều 33. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên và Tiền lương, thù lao, thưởng lợi ích khác của Ban kiểm soát	110
Điều 34. Thủ tục, trình tự đề cử, ứng cử và tổ chức bầu cử Kiểm soát viên	111
Điều 35. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát (BKS)	112
Điều 36. Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS	112
CHƯƠNG VI TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	113
VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG	113
Điều 37. Thẩm quyền bổ nhiệm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng	113
Điều 38. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	113
Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc	113
Điều 40. Thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc	113
Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng giám đốc	113
Điều 42. Thủ tục bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc	114
Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng	114
Điều 44. Thủ tục bổ nhiệm Kế toán trưởng	114
Điều 45. Miễn nhiệm Tổng giám đốc	115
Điều 46. Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc	115
Điều 47. Miễn nhiệm Kế toán trưởng	116
Điều 48. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng	116
Điều 49. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng	116
CHƯƠNG VII	116
CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT	116
Điều 50. Các ủy ban thuộc HĐQT	116
Điều 51. Nguyên tắc hoạt động của các ủy ban	117
CHƯƠNG VIII CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	117
Điều 52. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc	117

Điều 53. Quan hệ công việc giữa HĐQT với BKS.....	117
Điều 54. Quan hệ công việc giữa HĐQT với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành.	118
Điều 55. Quan hệ công việc giữa BKS với bộ máy điều hành và các đơn vị khác ...	120
Điều 56. Quản lý và sử dụng dấu.....	121
Điều 57. Trách nhiệm môi trường và xã hội.....	121
Điều 58. Các báo cáo ấn danh.....	121
CHƯƠNG IX.....	122
MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT.....	122
Điều 59. Quản lý rủi ro	122
Điều 60. Kiểm soát nội bộ	122
Điều 61. Kiểm toán nội bộ (KTNB)	123
Điều 62. Tuân thủ	123
Điều 63. Kiểm toán độc lập	123
CHƯƠNG X.....	123
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ TÍNH MINH BẠCH.....	123
Điều 64. Nghĩa vụ công bố thông tin.....	123
Điều 65. Chính sách và thông lệ của việc công bố thông tin.....	124
Điều 66. Báo cáo thường niên và Website	124
Điều 67. Công bố thông tin theo Quy định pháp lý và Bộ Nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất của Việt Nam	124
Điều 68. Tổ chức công bố thông tin	125
Điều 69. Bảo mật thông tin.....	125
CHƯƠNG XI.....	125
CƠ CHẾ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY,	125
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT.....	125
Điều 70. Cơ chế đánh giá hoạt động quản trị Công ty, khen thưởng và kỷ luật	125
CHƯƠNG XII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	125
Điều 71. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế.....	125
Điều 72. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	126
Điều 73. Điều khoản thi hành	126

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, minh bạch thông tin, minh bạch hoạt động, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HDQT), Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (BKS), Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 3. Định nghĩa thuật ngữ

1. Công ty: là Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau;
2. Đại hội đồng cổ đông: là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau;
3. Hội đồng quản trị: là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau;
4. Ban kiểm soát: là Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau;
5. Họp truyền thống: là hình thức người tham gia họp có mặt, trực tiếp tham gia theo dõi, thảo luận và biểu quyết/xác nhận các nội dung của cuộc họp tại một địa điểm cụ thể;
6. Họp trực tuyến: là hình thức họp thông qua thiết bị công nghệ có kết nối mạng internet/Mạng điện thoại chuyên mạch công cộng (PSTN), sử dụng các phần mềm, giải pháp công nghệ truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh để kết nối nhiều người ở các vị trí địa lý khác nhau tham gia theo dõi, thảo luận và biểu quyết/xác nhận các nội dung của cuộc họp;.
7. Hệ thống trực tuyến: Là ứng dụng/hệ thống phần mềm/website mà Công ty sử dụng để phục vụ việc tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và/hoặc bỏ phiếu điện tử.
8. Bỏ phiếu truyền thống: là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời bằng văn bản về Công ty hoặc theo hình thức khác được quy định tại Điều lệ, quy chế quản trị Công ty và quy định của pháp luật mà không phải là hình thức bỏ phiếu điện tử.

9. Bỏ phiếu điện tử: là việc cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc tại đợt lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu trên hệ thống trực tuyến.

Điều 4. Hệ thống Quản trị Công ty

1. Nguyên tắc chính của quản trị Công ty.

Công ty Cổ phần phân bón đầu khí Cà Mau định nghĩa Quản trị Công ty là một hệ thống cơ cấu tổ chức và quy trình để định hướng và kiểm soát công ty, bao gồm một tập hợp các mối quan hệ giữa cổ đông, HĐQT, Ban kiểm soát, ban điều hành với mục đích đem lại những giá trị dài hạn cho cổ đông. Quản trị Công ty được coi như một công cụ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động, thu hút vốn với chi phí thấp hơn, và xây dựng thương hiệu tốt hơn. Một hệ thống quản trị tốt cũng góp phần quan trọng giúp công ty phát triển bền vững vì lợi ích tốt nhất của cổ đông, đem lại sự phát triển về mặt dài hạn của nền kinh tế.

Khung Quản trị công ty của Công ty được xây dựng dựa trên những nguyên tắc sau:

- **Công bằng:** Công ty cam kết bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và đảm bảo việc đối xử công bằng đối với mọi cổ đông. Tất cả các cổ đông đều được đảm bảo cơ hội bảo vệ quyền lợi của mình nếu quyền lợi của họ bị xâm phạm.
- **Trách nhiệm:** Công ty công nhận quyền lợi của các bên có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa công ty và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo dựng tài sản, việc làm và đảm bảo tính phát triển bền vững.
- **Trách nhiệm giải trình:** Quy chế này xác định trách nhiệm giải trình của HĐQT Công ty đối với mọi cổ đông, và hướng dẫn HĐQT trong công tác hoạch định chiến lược, và định hướng, dẫn dắt và giám sát Ban Điều hành một cách hiệu quả.
- **Minh bạch:** Công ty đảm bảo việc công bố thông tin kịp thời và chính xác về mọi vấn đề trọng yếu trong công ty, bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động, cơ cấu sở hữu và cơ cấu quản trị công ty.

2. Xây dựng hệ thống Quản trị Công ty tốt

Bằng việc thông qua, tuân thủ và cập nhật Quy chế này, Công ty và HĐQT định hướng xây dựng và thúc đẩy hệ thống Quản trị công ty tốt trong toàn tổ chức, và đưa các nguyên tắc quản trị ở cấp độ Công ty không chỉ dừng ở mức tuân thủ quy định pháp luật hiện hành mà cần áp dụng các thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong nước và quốc tế.

HĐQT chịu trách nhiệm giám sát việc xây dựng, tuân thủ, và rà soát cập nhật định kỳ các chính sách, quy định nội bộ về Quản trị công ty và việc triển khai thực hiện, nhằm duy trì sự cam kết của Công ty trong việc thực hiện các thông lệ QTCT tốt mọi lúc và trong toàn tổ chức.

CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của công ty cổ phần, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết (cổ đông phổ thông, cổ đông ưu đãi biểu quyết và cổ đông khác) theo quy định của Điều lệ Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của ĐHCĐ được quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Triệu tập ĐHCĐ

1. Thẩm quyền triệu tập

a) HĐQT triệu tập ĐHCĐ thường niên và bất thường;

b) BKS thay thế HĐQT để triệu tập ĐHCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT phải triệu tập cuộc họp bất thường nhưng quá thời hạn quy định của Điều lệ Công ty mà HĐQT không triệu tập;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền triệu tập ĐHCĐ bất thường trong trường hợp phải triệu tập cuộc họp bất thường nhưng quá thời hạn quy định của Điều lệ Công ty mà HĐQT và/hoặc BKS không triệu tập.

2. Quyết định triệu tập

Việc ra quyết định triệu tập ĐHCĐ tại khoản 6.1 Điều này phải được thực hiện đúng các quy định về tổ chức hoạt động và thẩm quyền của người triệu tập.

Căn cứ quyết định hợp pháp về triệu tập ĐHCĐ, bộ máy quản lý, điều hành của Công ty có trách nhiệm thực hiện các công tác chuẩn bị và tổ chức cuộc họp theo yêu cầu của người có thẩm quyền triệu tập thông qua việc thành lập Ban Tổ chức và các bộ phận giúp việc cần thiết trên cơ sở tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 7. Thông báo triệu tập ĐHCĐ

1. Lập danh sách cổ đông tham dự

Danh sách cổ đông của Công ty được quản lý tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Căn cứ quyết định triệu tập cuộc họp ĐHCĐ, Chủ tịch HĐQT/Tổng giám đốc Công ty lập thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp theo đúng quy định của VSD để gửi cho VSD và Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Ngay sau khi VSD/HOSE chấp thuận nội dung thông báo chốt danh sách cổ đông và HOSE đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của HOSE, thông báo chốt danh sách cổ đông được đăng tải trên website của Công ty tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Thông báo họp và gửi thư mời

Công ty đăng tải thông báo họp ĐHĐCĐ trên website Công ty trước ngày họp ít nhất hai mươi một (21) ngày và có thể đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng khác nếu thấy cần thiết, đồng thời gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch để công bố thông tin theo quy định.

Công ty căn cứ Danh sách cổ đông có quyền dự họp do VSD lập và gửi cho Công ty để gửi thư mời họp cho cổ đông. Thư mời họp được gửi theo phương thức bảo đảm đến từng cổ đông theo địa chỉ của cổ đông ghi trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp do VSD lập trước ngày họp ít nhất hai mươi một (21) ngày (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

3. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có trách nhiệm xây dựng dự thảo Chương trình, nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ và chuẩn bị tài liệu theo nội dung chương trình họp.

Cổ đông, nhóm cổ đông có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị, đề xuất về chương trình, nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 6 Điều 17 Điều lệ Công ty.

Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thư mời họp ĐHĐCĐ, thông báo họp và Thư mời họp phải chỉ dẫn nơi đăng tải tài liệu cuộc họp và các quy định hướng dẫn có liên quan trên website để cổ đông truy cập và nghiên cứu

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 15, Điều lệ công ty.

Điều 8. Họp ĐHĐCĐ và cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ

ĐHĐCĐ có thể được tổ chức theo hình thức Họp truyền thống hoặc Họp trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức tùy theo quyết định của người triệu tập Đại hội theo các quy định dưới đây.

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp.

Cổ đông có trách nhiệm thông báo trước việc tham dự họp thông qua các hình thức thông tin liên lạc phù hợp theo hướng dẫn trong thư mời họp và thông báo họp nhằm giúp cho Ban Tổ chức chuẩn bị tốt công tác tổ chức cuộc họp.

Cổ đông có quyền trực tiếp dự họp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền. Thủ tục ủy quyền dự họp được tiến hành theo hướng dẫn trong thông báo/thư mời họp.

2. Vào ngày tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ.

- a) Đối với tổ chức ĐHĐCĐ truyền thống và cổ đông đến dự họp trực tiếp.

- Cổ đông đến dự họp tại ngày họp sẽ được Ban Tổ chức hướng dẫn đăng ký dự họp, kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu họp và phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.

- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa phiên họp không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

b) Đối với Họp trực tuyến và cổ đông chỉ tham dự thông qua Hệ trực tuyến.

- Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản truy cập và mật khẩu để đăng nhập vào hệ thống trực tuyến. Tài khoản truy cập của cổ đông sẽ được mã hóa để đảm bảo xác thực cổ đông tham dự. Công ty thông báo cho cổ đông tài khoản truy cập và mật khẩu tại thư mời họp.

- Các cổ đông đăng ký dự họp theo hình thức trực tuyến sẽ được xác thực tư cách tham dự ĐHĐCĐ và được xem là có mặt tại Đại hội nếu đã tuân thủ đúng, đầy đủ trình tự, cách thức mà Hệ thống trực tuyến yêu cầu để xác thực tư cách cổ đông và đăng ký tham dự.

- Cổ đông muốn tham dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 10 Quy chế này và có nghĩa vụ:

+ Bảo mật thông tin liên quan đến tài khoản truy cập của mình đã được Công ty cung cấp như: tên, các yếu tố định danh khác (nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc truy cập để dự họp trên Hệ thống trực tuyến, trừ trường hợp cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm đảm bảo rằng người đại diện theo ủy quyền tuân thủ quy định tại khoản này như cổ đông.

+ Chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc dự họp thực hiện bằng tài khoản truy cập của cổ đông trên Hệ thống trực tuyến. Việc thực hiện dự họp và biểu quyết trên hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông.

+ Thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử (email) chính xác, đầy đủ, trung thực tại nơi lưu ký chứng khoán để đảm bảo nhận được thông báo tài khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

c) Đối với Đại hội được tổ chức kết hợp các hình thức quy định tại Điểm a và b khoản này.

- Các cổ đông đến dự họp trực tiếp tại Đại hội sẽ thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định tại Điểm a, Khoản này.

- Các cổ đông chỉ dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến sẽ thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định tại Điểm a, Khoản này.

- Trường hợp cổ đông đã đăng ký dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến nhưng vẫn đến dự họp/ủy quyền dự họp trực tiếp thì Công ty tổ chức đăng ký cổ đông dự họp như quy định với cổ đông họp trực tiếp.

3. Ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ.

Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 15, Điều lệ Công ty.

Điều 9. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ

ĐHĐCĐ được tiến hành khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 18 của Điều lệ Công ty và quy định tương ứng của pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 10. Trình tự và cách thức biểu quyết, bỏ phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Hình thức biểu quyết, bỏ phiếu.

Đối với mỗi hình thức tổ chức Họp truyền thống hoặc Họp trực tuyến hay kết hợp, cổ đông có thể biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo một trong các hình thức sau đối với mỗi nội dung biểu quyết.

a) Bỏ phiếu truyền thống: bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội hoặc ủy quyền cho một người khác thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử);

b) Bỏ phiếu điện tử: chỉ thực hiện trong trường hợp người triệu tập ĐHĐCĐ/lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản quyết định áp dụng và thông báo đến cổ đông hình thức bỏ phiếu này.

- Để thực hiện bỏ phiếu điện tử, cổ đông phải đáp ứng các điều kiện để truy nhập và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến: có thiết bị kết nối internet và thực hiện thủ tục xác thực cổ đông (máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác, ..)

- Mỗi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến thông qua tài khoản truy cập mà cổ đông đã được cung cấp tại thông báo mời họp và thực hiện bỏ phiếu trên hệ thống trực tuyến. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định tại quy chế tổ chức ĐHĐCĐ hoặc hướng dẫn sử dụng Hệ thống trực tuyến.

- Kết quả bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng của cổ đông tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu đối với từng nội dung xin ý kiến ĐHĐCĐ, Hệ thống trực tuyến sẽ được khóa lại và cổ đông không thể biểu quyết, bầu cử đối với nội dung đã bị khóa.

- Thời gian có thể bắt đầu truy cập Hệ thống trực tuyến để thực hiện việc bỏ phiếu điện tử sẽ do Người triệu tập ĐHĐCĐ quyết định và sẽ thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

- Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện trước khi ĐHĐCĐ bắt đầu diễn ra và/hoặc theo diễn tiến tại phiên họp theo quyết định của Người triệu tập ĐHĐCĐ hoặc Chủ tọa phiên họp.

c) Trường hợp Công ty tổ chức biểu quyết theo nhiều hình thức, cổ đông chỉ được lựa chọn 1 hình thức để biểu quyết. Trường hợp cổ đông biểu quyết bằng cả hai hình thức đối với cùng một nội dung biểu quyết thì hình thức bỏ phiếu điện tử sẽ được ưu tiên lựa chọn và phiếu biểu quyết truyền thống sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.

2. Cách thức biểu quyết

a) Thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức ĐHĐCĐ

Các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp bao gồm:

- Thông qua chương trình nghị sự của cuộc họp;
- Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu;
- Thông qua quy chế bầu cử/kiểm phiếu;
- Thông qua danh sách bầu cử;
- Thông qua Biên bản và nghị quyết cuộc họp.

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề thủ tục trong tổ chức cuộc họp được tiến hành theo phương thức cổ đông giơ thẻ biểu quyết (đối với cổ đông tham dự Họp truyền thống) và biểu quyết điện tử (đối với cổ đông tham dự Họp trực tuyến), và được thông qua khi có trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự họp tán thành.

b) Thông qua các quyết định theo thẩm quyền của ĐHĐCĐ

Việc biểu quyết thông qua các vấn đề trình ĐHĐCĐ quyết định, trừ việc bầu cử HĐQT và BKS, sẽ được cổ đông thực hiện bằng phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu được quyền biểu quyết của cổ đông, với các phương án biểu quyết là tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Tại phiên họp truyền thống, Công ty áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin để phục vụ công tác kiểm phiếu được chính xác, nhanh chóng và thuận tiện cho các cổ đông. Mỗi cổ đông dự họp sẽ được cấp một (01) phiếu biểu quyết với số cổ phần sở hữu và trên phiếu biểu quyết sẽ ghi tất cả các hạng mục trình ĐHĐCĐ thông qua. Cổ đông chọn phương án biểu quyết riêng cho từng hạng mục. Cổ đông hoàn tất việc biểu quyết bằng việc bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu vào thời điểm theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

Đối với bỏ phiếu điện tử, cổ đông thực hiện việc biểu quyết trên hệ thống trực tuyến. Hướng dẫn cụ thể việc bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ hoặc hướng dẫn sử dụng trên hệ thống trực tuyến.

3. Cách thức bỏ phiếu bầu cử HĐQT, BKS

Việc bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS được thực hiện bằng phương thức bầu dồn phiếu. Trong phiếu bầu HĐQT và phiếu bầu BKS có các thông tin về số phiếu bầu của cổ đông tương ứng với số cổ phần sở hữu, danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua, số thành viên được bầu tối đa và nội dung hướng dẫn tóm tắt cách thức bầu dồn

phiếu. Cách thức bầu cử được quy định cụ thể và chi tiết trong Quy chế bầu cử và kiểm phiếu.

Tại phiên họp truyền thống, cổ đông hoàn tất việc bầu cử bằng việc bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu vào thời điểm theo chương trình nghị sự và theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

Đối với bỏ phiếu điện tử cổ đông thực hiện việc bầu cử trên hệ thống trực tuyến. Hướng dẫn cụ thể việc bầu cử sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ hoặc hướng dẫn sử dụng trên hệ thống trực tuyến.

4. Cách thức kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu tại khu vực riêng biệt tại nơi tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ. Ban kiểm phiếu có quyền sử dụng thêm nhân sự giúp việc và áp dụng các phương pháp kiểm phiếu phù hợp, đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan của kết quả kiểm phiếu. Trong trường hợp có yêu cầu của cổ đông, Chủ tọa cuộc họp sẽ mời một số cổ đông đại diện tham gia giám sát quá trình thu và kiểm phiếu biểu quyết/bầu cử.

Việc tổng hợp kết quả kiểm phiếu được thực hiện như sau:

- i) Tại thời điểm kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ tổng hợp kết quả bỏ phiếu truyền thống và/hoặc kết quả bỏ phiếu điện tử để lập biên bản kiểm phiếu.
- ii) Kết quả kiểm phiếu sẽ được tính bằng tổng kết quả biểu quyết bỏ phiếu truyền thống và/hoặc kết quả bỏ phiếu điện tử.

Việc xác định kết quả biểu quyết/bầu cử của ĐHĐCĐ đối với các nội dung liên quan căn cứ theo quy định của Điều lệ Công ty và của pháp luật.

5. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu hoàn tất công tác kiểm phiếu, lập biên bản và báo cáo với Chủ tọa về việc đã có kết quả kiểm phiếu. Chủ tọa cuộc họp sẽ mời Ban kiểm phiếu lên công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn thể ĐHĐCĐ.

Kết quả kiểm phiếu được công bố công khai trước ĐHĐCĐ là căn cứ để Thư ký cuộc họp đưa vào dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết cuộc họp.

6. Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết cuộc họp

Thư ký cuộc họp trình bày tóm tắt dự thảo Biên bản cuộc họp và Nghị quyết cuộc họp. Chủ tọa cuộc họp xin ý kiến ĐHĐCĐ thông qua Biên bản, Nghị quyết cuộc họp theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 11. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị thành lập ban kiểm phiếu và giám sát kiểm phiếu tối thiểu bao gồm: Thành viên độc lập HĐQT, đại diện ban kiểm soát, thành viên ban thư ký, trong đó

thành viên độc lập HĐQT làm trưởng ban kiểm phiếu. Trong trường hợp không có thành viên độc lập HĐQT tại thời điểm kiểm phiếu thì Chủ tịch HĐQT làm trưởng ban.

Khi thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT phải phân công đầu mỗi tiếp nhận ý kiến biểu quyết của cổ đông gửi đến Công ty, và bộ phận tiếp nhận phải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp đảm bảo thông tin được giữ bí mật cho đến khi tiến hành kiểm phiếu.

Điều 12. Biên bản ĐHĐCĐ

ĐHĐCĐ phải được ghi vào biên bản theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và tại Quy chế này. Thư ký cuộc họp sử dụng các phương tiện, hình thức phù hợp để ghi lại toàn bộ diễn biến cuộc họp, các ý kiến phát biểu, thảo luận và kết quả thông qua các nội dung quyết định của ĐHĐCĐ. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp. Ngay sau khi bế mạc cuộc họp, Thư ký và Chủ tọa phải hoàn tất thể thức văn bản của biên bản và nghị quyết cuộc họp theo đúng quy định của Điều lệ Công ty để công bố trên website của Công ty trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp.

Đối với trường hợp thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, việc lập Biên bản tổng hợp ý kiến ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

Người chủ trì ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định tại Điều 13 Quy chế này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 13. Khiếu nại và phản hồi khiếu nại về Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ

Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố, cổ đông có quyền gửi ý kiến bằng văn bản cho Chủ tọa ĐHĐCĐ để phản đối những nội dung biên bản mà cổ đông cho rằng không phản ánh trung thực những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ. Ý kiến phản đối phải nêu rõ lý do phản đối và bằng chứng xác thực để chứng minh.

Chủ tọa ĐHĐCĐ sẽ triệu tập cuộc họp xem xét những ý kiến phản đối với thành phần gồm có: Chủ tọa ĐHĐCĐ, Thư ký cuộc họp, đại diện Ban kiểm tra tư cách cổ đông, đại diện Ban kiểm phiếu và một cổ đông khác không nắm chức vụ quản lý trong Công ty.

Biên bản họp xem xét ý kiến phản đối phải được ghi chép tóm tắt nội dung phản đối, lý do cùng những bằng chứng chứng minh. Phần kết luận của biên bản phải nêu rõ những ý kiến phản đối có hợp lý và có căn cứ hay không, đồng thời có kết luận cuối cùng về tính xác thực của các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được ghi trong biên bản họp ĐHĐCĐ.

Căn cứ kết luận của cuộc họp xem xét khiếu nại, Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ gửi văn bản phản hồi/thông báo đến cổ đông có khiếu nại.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT chịu trách nhiệm bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, tuân thủ điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 26, Điều lệ Công ty.

Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 42, Điều 43, Điều lệ Công ty.

Điều 15. Thủ tục, trình tự đề cử, ứng cử và tổ chức bầu cử thành viên HĐQT

1. Nhiệm kỳ, thành phần và số lượng thành viên HĐQT

Nhiệm kỳ, thành phần và số lượng thành viên HĐQT được quy định tại Điều 25, Điều lệ Công ty.

Cơ cấu thành phần HĐQT luôn hướng tới đảm bảo đa dạng về: Giới tính, tuổi tác, lĩnh vực ngành nghề, chuyên môn đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

2. Điều kiện đề cử, tự ứng cử thành viên HĐQT, số lượng và việc tổng hợp danh sách ứng cử viên HĐQT

a) Điều kiện tự ứng cử hoặc được đề cử thành viên HĐQT

Người tự ứng cử hoặc được đề cử để bầu vào HĐQT phải đáp ứng tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo Luật Doanh nghiệp và các điều kiện ứng cử/đề cử sau đây:

- Người ứng cử là cổ đông cá nhân tự ứng cử phải nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại thời điểm ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Người được đề cử khác phải được cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ đề cử.

- Người tự ứng cử và được đề cử (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ và đúng hạn theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

- Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

b) Số lượng ứng cử viên HĐQT

Số lượng ứng cử viên để bầu vào HĐQT do các cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử và đảm bảo bằng hoặc lớn hơn số thành viên HĐQT cần bầu. Các cổ đông/nhóm cổ đông ứng cử/đề cử theo quy định tại Khoản 2, Điều 24 Điều lệ Công ty.

c) Tổng hợp danh sách ứng cử viên HĐQT

Sau khi hết thời hạn nhận hồ sơ ứng cử, HĐQT đương nhiệm tổng hợp danh sách các ứng cử viên có đủ điều kiện để công bố đến các cổ đông theo quy định. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên với các điều kiện như sau:

- Ứng cử viên đảm bảo đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT.

- Ứng cử viên phải có đầy đủ hồ sơ ứng cử.

Danh sách ứng cử viên hợp lệ phải được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu cử. Việc biểu quyết thông qua danh sách ứng cử viên tiến hành bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết theo nguyên tắc trên 50% tổng số quyền biểu quyết tán thành.

3. Hồ sơ và thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử để bầu vào HĐQT

a) Hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT bao gồm:

- Đơn ứng cử tham gia HĐQT có cam kết của ứng cử viên thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT một cách trung thực nếu được bầu vào HĐQT;

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai;

- Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc cổ đông, nhóm cổ đông (nếu đề cử) hoặc giấy tờ tương đương của công ty chứng khoán nơi (nhóm) cổ đông đó mở tài khoản hoặc của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (tính đến ngày chốt Danh sách cổ đông cho mục đích của cuộc họp ĐHĐCĐ);

- Biên bản họp nhóm + Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử);

- Bản sao có công chứng: Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/căn cước công dân, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp thể hiện trình độ chuyên môn;

- Các nội dung khác theo qui định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

b) Thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT

Hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử có thể được nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm về trụ sở chính của Công ty trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất hai mươi một (21) ngày.

Chỉ những hồ sơ đề cử /ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện là thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Phương thức bầu cử

Việc bầu cử thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu:

- Mỗi cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên dự kiến được bầu vào HĐQT;

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho một ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho một số ứng cử viên được lựa chọn.

5. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT

- Số người trúng cử thành viên HĐQT lấy từ người có số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định và phải đạt tỷ lệ trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp.

- Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau mà phải chọn số người trúng cử ít hơn thì việc chọn ứng cử viên trúng cử theo quy định trong Quy chế bầu cử tại Đại hội.

Điều 16. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT được xem xét miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức thành viên HĐQT và được chấp thuận;

b) Thành viên đó bị mất năng lực hành vi;

c) Thành viên đó rơi vào tình trạng không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên HĐQT;

2. Thành viên HĐQT được xem xét bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

Thành viên HĐQT được xem xét bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của HĐQT.

b) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thành viên HĐQT, có hành vi gây thiệt hại.

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 17. Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Trường hợp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định hoặc do thành viên HĐQT bị mất tư cách thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty phải được thông báo cho cổ đông và công chúng theo quy định về công bố thông tin của pháp luật và của Điều lệ Công ty.

Điều 18. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT được quy định tại điều 27, Điều lệ Công ty.

Thành viên HĐQT làm việc chuyên trách thì hưởng lương và phụ cấp đặc thù theo quy chế/chính sách của Công ty, thành viên làm việc không chuyên trách/kiêm nhiệm thì hưởng thù lao.

Điều 19. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. Hội đồng quản trị họp thường kỳ, bất thường theo quy định tại điều 29, Điều lệ Công ty. Cuộc họp thường kỳ của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì. Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận và tài liệu sử dụng tại cuộc họp được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải được gửi đến cho các thành viên HĐQT và những thành viên được mời tham dự ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức cuộc họp. Nội dung trao đổi tại cuộc họp bằng tiếng Việt là ngôn ngữ chính. Trường hợp có thành viên HĐQT là nước ngoài tham dự cuộc họp thì công ty sẽ hỗ trợ tối đa cho người tham gia cuộc họp trong việc thuê phiên dịch để tham gia cuộc họp một cách hiệu quả.

2. HĐQT phải được triệu tập họp bất thường khi nhận được các đề nghị bằng văn bản của một trong các trường hợp sau:

- a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
- b) Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
- c) Ban kiểm soát hoặc thành viên HĐQT độc lập.
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

3. Cuộc họp bất thường của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị họp quy định tại Khoản 17.2 nêu trên. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hoặc người được các thành viên khác của HĐQT lựa chọn sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận phải được thông báo đến các thành viên HĐQT và các đối tượng dự họp khác ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp.

4. Nội dung cuộc họp bất thường do Chủ tịch HĐQT hoặc do người đề nghị triệu tập cuộc họp bất thường chuẩn bị, tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng và cấp bách của Công ty. Trong khả năng cho phép, người triệu tập cuộc họp có thể yêu cầu Tổng giám đốc Công ty chuẩn bị các tài liệu, nội dung để xem xét thảo luận tại cuộc họp.

Điều 20. Điều kiện cần thiết để tiến hành các cuộc họp của HĐQT

1. Cuộc họp HĐQT triệu tập lần thứ nhất chỉ có thể được coi là hợp lệ để tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có từ 3/4 số thành viên HĐQT dự họp hoặc thông qua người được ủy quyền

2. Trường hợp triệu tập lần thứ nhất nhưng không có đủ số lượng thành viên cần thiết thì cuộc họp sẽ được triệu tập lại lần thứ hai trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc thông qua người được ủy quyền.

Điều 21. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT

1. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT bao gồm Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (nếu TGD không là thành viên HĐQT), BKS, đại diện các ban/đơn vị trực thuộc HĐQT, Thư ký Công ty.

2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể mời và (hoặc) triệu tập các thành phần khác tham gia cuộc họp, các thành viên này được thảo luận, phát biểu nhưng không được quyền biểu quyết.

3. Khi thảo luận về các vấn đề có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Công ty thì HĐQT có thể mời đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở Công ty dự họp.

4. Những người được mời họp không phải là thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

Điều 22. Trình tự thủ tục tiến hành các cuộc họp của HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT thực hiện theo Điều 29 Điều lệ Công ty.

1. Chuẩn bị cuộc họp

- Trừ khi có quy định/yêu cầu khác của HĐQT, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức chuẩn bị trước các nội dung để trình bày tại cuộc họp của HĐQT.

- Các thành viên HĐQT theo sự phân công thường xuyên của HĐQT và theo phân công cụ thể của Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tài liệu cuộc họp, làm việc với các bộ phận liên quan của Công ty, chuẩn bị ý kiến về các vấn đề dự kiến đưa ra thảo luận tại cuộc họp.

- Thư ký Công ty và bộ phận giúp việc HĐQT chịu trách nhiệm tổ chức họp, tập họp và gửi tài liệu.

- Trường hợp không thể tham gia cuộc họp, thành viên HĐQT và người được mời họp cần thông báo cho HĐQT và nêu rõ lý do vắng mặt, đồng thời gửi HĐQT ý kiến tham gia bằng văn bản về các vấn đề dự kiến đưa ra thảo luận tại cuộc họp.

2. Trình tự tiến hành cuộc họp

- Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp thông báo thành phần, nội dung, chương trình nghị sự cuộc họp.

- Người được phân công báo cáo tại cuộc họp thuyết trình về các nội dung và kiến nghị để HĐQT xem xét, quyết định.

- Các thành viên thảo luận, xem xét các vấn đề theo tài liệu, báo cáo và thuyết trình tại cuộc họp.

- Người chủ trì cuộc họp kết luận và lấy biểu quyết thông qua từng vấn đề thảo luận và nội dung nghị quyết của cuộc họp.

- Thông qua Nghị quyết, Biên bản cuộc họp.

- Các thành viên HĐQT, Thư ký Công ty ký tên vào Biên bản cuộc họp.

3. Gửi ý kiến biểu quyết và ủy quyền tham dự cuộc họp.

Thành viên HĐQT vắng mặt có quyền biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức gửi ý kiến bằng văn bản. Văn bản ý kiến phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp và được công khai tới tất cả những thành viên HĐQT dự họp.

Trường hợp thành viên HĐQT vắng mặt tại cuộc họp, không gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản mà ủy quyền cho người khác dự họp thì phải có văn bản ủy quyền nêu rõ nội dung ủy quyền cho người được ủy quyền tham dự và biểu quyết và cam kết thành viên HĐQT chịu trách nhiệm về ý kiến biểu quyết của người được ủy quyền.

Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp của HĐQT và biểu quyết các vấn đề tối đa 2 lần/năm trong trường hợp ốm đau, bệnh tật không thể tham dự hoặc trường hợp bất khả kháng.

Điều 23. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác

1. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức qua điện thoại hoặc theo phương thức khác (đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Quy chế này hay sau này mới được sử dụng) hoặc kết hợp giữa nhiều phương thức khi tất cả hoặc một số thành viên dự họp đang có mặt tại những địa điểm khác nhau và với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Trình bày, trao đổi trực tiếp được với tất cả các thành viên tham dự về ý kiến của mình.

2. Mỗi thành viên HĐQT tham gia cuộc họp theo phương thức nêu trên được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà chủ tọa cuộc họp có mặt sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

3. Các nghị quyết được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại hoặc phương thức họp lệ khác sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng sau đó phải được khẳng định bằng các chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này trong biên bản.

Điều 24. Thông qua nghị quyết của HĐQT

1. Nghị quyết của HĐQT được thông qua theo nguyên tắc đa số trên tổng số thành viên HĐQT dự họp họp lệ (trên 50%). Mỗi thành viên HĐQT có mặt với tư cách cá nhân, thông qua người được ủy quyền họp lệ hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản có một phiếu biểu quyết với giá trị ngang nhau, nếu số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch HĐQT, trừ trường hợp Điều lệ Công ty hoặc pháp luật có quy định khác. Việc biểu quyết sẽ được tiến hành công khai bằng cách giơ tay và kết quả biểu quyết phải được Thư ký Công ty ghi cụ thể và rõ ràng trong Biên bản cuộc họp HĐQT.

2. Ý kiến phát biểu trực tiếp trong cuộc họp HĐQT của từng thành viên sẽ được ghi vào biên bản và được người chủ trì kết luận cuối buổi họp.

3. Biểu quyết:

a) Việc biểu quyết sẽ được tiến hành công khai bằng cách giơ tay và kết quả biểu quyết phải được Thư ký Công ty ghi cụ thể rõ ràng trong Biên bản cuộc họp HĐQT.

b) Đối với những vấn đề quan trọng bắt buộc phải lấy ý kiến của tất cả các thành viên HĐQT: thành viên vắng mặt phải biểu quyết bằng phương thức cho ý kiến bằng văn bản và gửi đến Thư ký Công ty chậm nhất hai (02) ngày làm việc sau khi kết thúc cuộc họp.

4. Một thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó có lợi ích (cùng với lợi ích của bất kỳ những người có liên quan nào) mà đối với thành viên đó lợi ích này là đáng kể so với lợi ích có được từ việc sở hữu cổ phiếu, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công ty; hoặc là lợi ích này liên quan đến những trách nhiệm của thành viên đó mà lại mâu thuẫn hay có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

5. Những quyết định đã được thảo luận và quyết nghị tại các cuộc họp của HĐQT sẽ được HĐQT ban hành theo các thể thức trình bày văn bản phù hợp (Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị...) và chuyển đến các cá nhân, đơn vị có liên quan để thi hành. Căn cứ vào nội dung đã được quyết nghị của HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT phụ trách mảng công việc đó theo phân công ký ban hành các văn bản chính thức này.

6. Các văn bản Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hướng dẫn khác sau khi đã được Chủ tịch HĐQT ký ban hành phải được sao gửi cho từng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát để theo dõi và giám sát thực hiện; đồng thời được chuyển cho Người công bố thông tin để thực hiện việc công bố thông tin những nội dung cần phải công bố thông tin theo quy định cho các cơ quan quản lý nhà nước, cổ đông và công chúng.

Điều 25. Thông qua các nghị quyết của HĐQT bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Trong trường hợp lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản, các nghị quyết của HĐQT được thông qua theo nguyên tắc đa số (trên 50%) trên tổng số thành viên HĐQT. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT, trừ trường hợp Điều lệ Công ty hoặc pháp luật có quy định khác. Chủ tịch HĐQT và Thư ký Công ty tổng hợp kết quả kiểm phiếu ý kiến và ghi vào biên bản tổng hợp ý kiến thông qua nghị quyết của HĐQT.

2. Nghị quyết thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Việc ban hành các nghị quyết bằng hình thức này tuân theo quy định tại khoản 5 và 6 Điều 24 Quy chế này.

Điều 26. Biên bản cuộc họp của HĐQT

1. Nội dung các cuộc họp của HĐQT phải được Thư ký Công ty ghi chép trung thực và đầy đủ trong Biên bản cuộc họp của HĐQT. Biên bản cuộc họp của HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có đủ chữ ký của Thư ký Công ty, các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp và Chủ tịch HĐQT hay người được ủy quyền chủ trì cuộc họp. Biên bản cuộc họp HĐQT là bằng chứng xác thực về những công việc đã tiến hành trong cuộc họp, những nội dung mà HĐQT đã quyết nghị, hoặc những ý kiến bảo lưu của thành viên HĐQT.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều lệ thì biên bản này vẫn có hiệu lực. Trong trường hợp chủ tịch và/hoặc người được chủ tịch ủy quyền chủ trì (chủ tọa) phiên họp đó không ký nghị quyết thì HĐQT họp và bầu ra người đại diện để ký ban hành, trên cơ sở theo nguyên tắc đa số các thành viên HĐQT tham dự họp.

Chủ trì cuộc họp, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Các tài liệu liên quan đến cuộc họp gồm: Biên bản cuộc họp, Nghị quyết, các Quyết định và các tài liệu liên quan khác được lưu giữ tại Công ty theo chế độ bảo mật của Công ty.

3. Thư ký Công ty có trách nhiệm sao hoặc trích sao Biên bản cuộc họp của HĐQT gửi cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc để thực hiện, theo dõi, giám sát.

CHƯƠNG IV NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 27. Tiêu chuẩn người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ người phụ trách quản trị công ty, thư ký công ty

1. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và ĐHCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 29. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty

HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là 05 năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm thư ký Công ty.

Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

HĐQT có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 31. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có vai trò giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty; phối hợp với HĐQT, Tổng giám đốc để giám sát hoạt động của công ty kiểm toán độc lập nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty được minh bạch, hợp pháp vì lợi ích của các cổ đông và Công ty.

Quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 39, Điều lệ Công ty.

Trách nhiệm của kiểm soát viên được quy định tại Điều 42, Điều 43, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật. Hàng năm Ban kiểm soát báo cáo đánh giá hiệu quả của HĐQT, Ban điều hành, và đơn vị Kiểm toán độc lập tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 33. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên và Tiền lương, thù lao, thưởng lợi ích khác của Ban kiểm soát.

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên của Ban kiểm soát

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát và nhiệm kỳ của Kiểm soát viên Công ty được quy định tại Khoản 1, Điều 37 Điều lệ Công ty. Các Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

- Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện tại khoản 2, Điều 37 Điều lệ Công ty.

- Ban kiểm soát phải bầu một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được quy định tại điều 41, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ Công ty.

Điều 34. Thủ tục, trình tự đề cử, ứng cử và tổ chức bầu cử Kiểm soát viên

1. Điều kiện đề cử, tự ứng cử kiểm soát viên, số lượng và việc tổng hợp danh sách ứng cử viên BKS.

a) Điều kiện tự ứng cử hoặc được đề cử vào BKS

Người tự ứng cử hoặc được đề cử để bầu vào BKS phải đáp ứng tiêu chuẩn Kiểm soát viên theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp và các điều kiện ứng cử/đề cử sau đây:

- Người ứng cử là cổ đông cá nhân tự ứng cử phải nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Người được đề cử khác phải được cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần của Công ty.

- Người tự ứng cử và được đề cử (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ và đúng hạn theo quy định.

b) Số lượng ứng cử viên BKS

Số lượng ứng cử viên để bầu vào BKS do các cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử và đảm bảo bằng hoặc lớn hơn số Kiểm soát viên dự kiến được bầu vào BKS.

2. Cách thức và hồ sơ, thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử để bầu vào BKS.

Công ty thông báo nội dung bầu cử BKS dự kiến tiến hành trong cuộc họp ĐHĐCĐ, về số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và kèm theo các biểu mẫu hồ sơ cần thiết để các cổ đông xem xét thực hiện việc ứng cử, đề cử ứng viên theo quy định tại Điều lệ công ty. Cổ đông/nhóm cổ đông có đủ điều kiện ứng cử, đề cử thực hiện việc ứng cử, đề cử theo cách thức và hồ sơ như sau:

a) Hồ sơ đề cử/ứng cử BKS bao gồm:

- Đơn ứng cử tham gia BKS có cam kết của ứng cử viên thực hiện nhiệm vụ thành viên BKS một cách trung thực nếu được bầu vào BKS;

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai;

- Biên bản họp nhóm + Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử);

- Bản sao có chứng thực: Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp thể hiện trình độ chuyên môn của ứng cử viên.

- Các nội dung khác theo qui định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.

b) Thời hạn nhận hồ sơ đề cử/ứng cử BKS

- Hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử có thể được nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bảo đảm về trụ sở chính của Công ty trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ ít nhất hai mươi một (21) ngày làm việc.

- Chỉ những hồ sơ đề cử /ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện là Kiểm soát viên mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

c) Tổng hợp danh sách ứng cử viên BKS

Sau khi hết thời hạn nhận hồ sơ ứng cử, HĐQT đương nhiệm tổng hợp danh sách các ứng cử viên có đủ điều kiện để công bố đến các cổ đông theo quy định. Trường hợp số lượng các ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng ứng cử viên cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên với các điều kiện như sau:

- Ứng cử viên đảm bảo đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên.
- Ứng cử viên phải có đầy đủ hồ sơ ứng cử.

Danh sách ứng cử viên hợp lệ phải được thông báo tại cuộc họp ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu cử.

3. Phương thức bầu cử, trình tự bỏ phiếu, kiểm phiếu và nguyên tắc trúng cử

Phương thức bầu cử, trình tự bỏ phiếu, kiểm phiếu và nguyên tắc trúng cử vào BKS thực hiện tương tự như quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 14 Quy chế này.

Điều 35. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát (BKS)

1. Thành viên BKS được xem xét miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức thành viên BKS;
- Thành viên đó rơi vào tình trạng không đủ tư cách làm thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên BKS;
- Thành viên đó bị mất năng lực hành vi;

2. Kiểm soát viên được xem xét bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty;
- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS

Trường hợp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS do ĐHĐCĐ quyết định hoặc do thành viên BKS bị mất tư cách thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty phải được thông báo cho cổ đông và công chúng theo quy định về công bố thông tin của pháp luật và của Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VI
TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Điều 37. Thẩm quyền bổ nhiệm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng

Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng theo quy định tại Điều lệ Công ty do HĐQT bổ nhiệm.

Điều 38. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định tại Điều 33 và Điều 34 Điều lệ Công ty.

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

Người được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; thường trú tại Việt Nam;
2. Có trình độ chuyên môn từ bậc đại học trở lên về quản trị kinh doanh hoặc về các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
3. Có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty ít nhất năm (05) năm;
4. Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc tham gia chức vụ điều hành ở một doanh nghiệp khác.
5. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty đó.

Điều 40. Thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc

Người được đề nghị hoặc giới thiệu để bổ nhiệm vào chức vụ Tổng giám đốc phải hoàn tất hồ sơ đề nghị bổ nhiệm và gửi cho HĐQT xem xét. HĐQT thảo luận và quyết định việc bổ nhiệm Tổng giám đốc theo thể thức thông qua nghị quyết, quyết định thông thường của HĐQT.

Quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc phải nêu rõ các cơ sở xác định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, lợi ích và trách nhiệm của Tổng giám đốc, bao gồm pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị, các quy định, quy chế khác của Công ty. Ngoài ra HĐQT có thể ký hợp đồng lao động và hợp đồng trách nhiệm với Tổng giám đốc để quy định cụ thể.

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng giám đốc

Người được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật; thường trú tại Việt Nam;

2. Có trình độ chuyên môn từ bậc đại học trở lên về quản trị kinh doanh hoặc về các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

3. Có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty ít nhất năm (05) năm;

4. Không đồng thời tham gia chức vụ quản lý, điều hành ở một doanh nghiệp khác, trừ trường hợp được HĐQT cử tham gia quản lý, điều hành ở doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

Điều 42. Thủ tục bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc

1. Người được đề nghị hoặc giới thiệu để bổ nhiệm vào chức vụ Phó Tổng giám đốc phải hoàn tất hồ sơ đề nghị bổ nhiệm và gửi cho HĐQT xem xét. HĐQT thảo luận và quyết định việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc theo thể thức thông qua nghị quyết, quyết định thông thường của HĐQT.

2. Quyết định bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc phải nêu rõ các cơ sở xác định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, lợi ích và trách nhiệm của Phó Tổng giám đốc, bao gồm pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị, các quy định, quy chế khác của Công ty. Ngoài ra HĐQT có thể yêu cầu Công ty ký hợp đồng lao động và hợp đồng trách nhiệm với Phó Tổng giám đốc để quy định cụ thể.

Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng

Người được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không phải là người không được làm kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán;

b) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật; thường trú tại Việt Nam;

c) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán bậc đại học trở lên;

d) Thời gian công tác thực tế về kế toán doanh nghiệp ít nhất là năm (05) năm;

e) Có chứng chỉ đã qua lớp bồi dưỡng kế toán trưởng.

f) Không đồng thời tham gia chức vụ quản lý, điều hành ở một doanh nghiệp khác, trừ trường hợp được HĐQT cử tham gia quản lý, điều hành ở doanh nghiệp có vốn góp của Công ty

Điều 44. Thủ tục bổ nhiệm Kế toán trưởng

1. Người được đề nghị hoặc giới thiệu để bổ nhiệm vào chức vụ Kế toán trưởng phải hoàn tất hồ sơ đề nghị bổ nhiệm và gửi cho HĐQT xem xét. HĐQT thảo luận và

quyết định việc bổ nhiệm Kế toán trưởng theo thể thức thông qua nghị quyết, quyết định thông thường của HĐQT.

2. Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng phải nêu rõ các cơ sở xác định phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, lợi ích và trách nhiệm của Kế toán trưởng, bao gồm pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị, các quy định, quy chế khác của Công ty. Ngoài ra HĐQT có thể yêu cầu Công ty ký hợp đồng lao động và hợp đồng trách nhiệm với Kế toán trưởng để quy định cụ thể.

Điều 45. Miễn nhiệm Tổng giám đốc

1. HĐQT miễn nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

a) Tổng giám đốc ở trong tình trạng không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 38 Quy chế này;

b) Tổng giám đốc có đơn xin từ chức, hoặc có văn bản điều động của tổ chức giới thiệu bổ nhiệm Tổng giám đốc, hoặc Tổng giám đốc không đảm bảo sức khỏe để đảm nhận chức vụ trong thời gian sáu (06) tháng liên tục;

c) Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác điều hành Công ty, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty;

d) Năng lực điều hành kém khiến Công ty kinh doanh thua lỗ hai (02) năm liên mà không phải do nguyên nhân khách quan;

e) Tổng giám đốc bị khởi tố, tạm giam, truy tố về trách nhiệm hình sự;

f) Các trường hợp khác mà HĐQT có căn cứ xác định Tổng giám đốc không thể tiếp tục đảm nhận chức vụ.

2. Việc miễn nhiệm Tổng giám đốc phải được HĐQT thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. HĐQT có thể yêu cầu Tổng giám đốc được miễn nhiệm bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho Công ty (nếu có).

Điều 46. Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc

1. HĐQT miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

a) Phó Tổng giám đốc ở trong tình trạng không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 40 Quy chế này;

b) Phó Tổng giám đốc có đơn xin từ chức, hoặc có văn bản điều động của tổ chức giới thiệu bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc;

c) Phó Tổng giám đốc không đảm bảo sức khỏe để đảm nhận chức vụ trong thời gian sáu (06) tháng liên tục;

d) Phó Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác điều hành Công ty, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty;

e) Phó Tổng giám đốc bị khởi tố, tạm giam, truy tố về trách nhiệm hình sự;

f) Các trường hợp khác mà HĐQT có căn cứ xác định Phó Tổng giám đốc không thể tiếp tục đảm nhận chức vụ.

2. HĐQT có thể yêu cầu Phó Tổng giám đốc được miễn nhiệm bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho Công ty (nếu có).

Điều 47. Miễn nhiệm Kế toán trưởng

1. HĐQT miễn nhiệm Kế toán trưởng trong các trường hợp sau:

a) Kế toán trưởng ở trong tình trạng không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 42 Quy chế này;

b) Kế toán trưởng có đơn xin từ chức; hoặc có văn bản điều động của tổ chức giới thiệu bổ nhiệm Kế toán trưởng;

c) Kế toán trưởng không đảm bảo sức khoẻ để đảm nhận chức vụ trong thời gian sáu (06) tháng liên tục;

d) Kế toán trưởng vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác kế toán của Công ty, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty;

e) Kế toán trưởng bị khởi tố, tạm giam, truy tố về trách nhiệm hình sự;

f) Các trường hợp khác mà HĐQT có căn cứ xác định Kế toán trưởng không thể tiếp tục đảm nhận chức vụ.

2. HĐQT có thể yêu cầu Kế toán trưởng bị miễn nhiệm bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho Công ty (nếu có).

Điều 48. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 49. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng

Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng sẽ do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ theo Điều lệ và các quy định, chính sách liên quan của Công ty.

CHƯƠNG VII CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT

Điều 50. Các ủy ban thuộc HĐQT

1. Hội đồng quản trị Công ty có thể thành lập các ủy ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là ủy ban nhân sự, ủy ban lương thưởng, ủy ban kiểm toán và các ủy ban khác theo quy định tại Điều 30, Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp, không thành lập các ủy ban nhân sự, ủy ban lương thưởng, ủy ban kiểm toán và các ủy ban khác, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên độc lập Hội

đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động về nhân sự, lương thưởng, kiểm toán hay các hoạt động khác.

3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập ủy ban, trách nhiệm của từng ủy ban, trách nhiệm của thành viên của ủy ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về lĩnh vực được phân công theo khoản 2 điều này.

Điều 51. Nguyên tắc hoạt động của các ủy ban

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên ủy ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 52. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Khi Tổng giám đốc, hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác hoặc BKS có đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường hoặc cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc, những người đề nghị phải gửi văn bản đề nghị cho HĐQT, nêu rõ lý do cần thiết phải triệu tập cuộc họp, kèm theo thông tin, tài liệu liên quan. Trình tự thủ tục tiến hành cuộc họp HĐQT tuân thủ quy định theo các điều từ Điều 19 đến Điều 23 Quy chế này.

Điều 53. Quan hệ công việc giữa HĐQT với BKS

1. HĐQT tôn trọng quyền của BKS trong công tác kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý, điều hành Công ty, đồng thời tạo điều kiện để BKS tiến hành kiểm tra các hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

2. HĐQT có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc khiếm khuyết trong công tác quản lý, điều hành theo kết luận kiểm tra của BKS, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý các sai phạm (nếu có) và/hoặc khắc phục các thiếu sót trong công tác điều hành, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.

3. BKS thực hiện việc thẩm định các Báo cáo tài chính của Công ty, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT đồng thời định kỳ thông báo cho HĐQT về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Công ty.

4. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều được thông báo và gửi cho BKS.

Điều 54. Quan hệ công việc giữa HĐQT với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, thực hiện chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc và bộ máy điều hành trong công tác điều hành hoạt động của Công ty, trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty, các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. HĐQT thực hiện quyền quản lý, giám sát bằng các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo, thông qua hoạt động giám sát trực tiếp và hoạt động báo cáo của Tổng giám đốc.

2. Trách nhiệm của Tổng giám đốc:

a) Tổng giám đốc là người tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Trong khi thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty, Tổng giám đốc phải báo cáo với HĐQT để điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định trong thẩm quyền của mình thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên ĐHĐCĐ tại kỳ họp gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp Tổng giám đốc có đủ thẩm quyền để triệu tập họp ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Quy chế này và Điều lệ Công ty.

b) Trường hợp xảy ra sự cố bất khả kháng dẫn đến việc Công ty không thể thực hiện được và/hoặc gián đoạn việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Tổng giám đốc có trách nhiệm giải trình với HĐQT và đề xuất các giải pháp khắc phục. Các sự cố được coi là bất khả kháng khi là sự cố xảy ra một cách khách quan, ngoài ý muốn, không lường trước được và vượt quá tầm kiểm soát của Tổng giám đốc và bộ máy điều hành.

c) Tổng giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng... báo cáo cho HĐQT trong vòng 24 giờ (có thể báo cáo qua điện thoại nhưng sau đó phải báo cáo bằng văn bản) và chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ gần nhất và trước pháp luật.

d) Tổng giám đốc kiến nghị lên HĐQT về cơ cấu bộ máy tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ, các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động của Công ty, số lượng và các chức danh cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để đảm bảo thực hiện hợp lý và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, đạt được các mục tiêu chiến lược của Công ty.

e) Hàng năm, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f) Tổng giám đốc lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và các quy định pháp luật khác có liên quan. Báo cáo tài chính hàng năm phải kèm theo kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

g) Tổng giám đốc gửi/sao gửi HĐQT, BKS các tài liệu và báo cáo theo các quy chế, quy định liên quan và theo yêu cầu của HĐQT.

h) Tổng giám đốc chỉ đạo bộ máy điều hành chuẩn bị dự thảo tài liệu liên quan đến nội dung của các kỳ họp HĐQT theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.

i) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Quan hệ giữa HĐQT và Tổng giám đốc:

a) HĐQT không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Tổng giám đốc. Hàng năm, HĐQT có kế hoạch làm việc với các đơn vị thành viên của Công ty để kiểm tra giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT để kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT.

b) HĐQT chỉ đạo Tổng giám đốc tuyển dụng và duy trì các cán bộ quản lý có trình độ, năng lực và đạo đức tốt cho Công ty và Tổng giám đốc phải đảm bảo rằng các cán bộ quản lý có khả năng quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày để đạt được mục tiêu kế hoạch của Công ty đề ra. Các tiêu chí về đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn phải được ưu tiên khi Tổng giám đốc lựa chọn các cán bộ quản lý.

c) Ngoài những công việc phải trình HĐQT, Tổng giám đốc có quyền chủ động quyết định điều hành hoạt động của Công ty theo phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được HĐQT ban hành.

d) Tổng giám đốc phải thực hiện báo cáo HĐQT theo quy định tại khoản 2, Điều 54 của Quy chế này.

e) Các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình HĐQT do Tổng giám đốc chủ trì phải mời thành viên HĐQT tham gia. Thành viên HĐQT có trách nhiệm đóng góp ý kiến, và sau đó các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT thì TGD vẫn phải trình phê duyệt bằng văn bản chính thức.

f) Chủ tịch HĐQT, đại diện của HĐQT hoặc người được uỷ quyền tham dự các cuộc họp giao ban hàng quý của bộ máy điều hành Công ty.

g) Đối với các cuộc khảo sát trong và ngoài nước, việc đàm phán, ký kết hợp đồng có liên quan đến trách nhiệm của HĐQT hoặc phải trình HĐQT quyết định thì Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo để Chủ tịch HĐQT dự hoặc cử thành viên tham dự để HĐQT thực hiện việc quản lý, chỉ đạo hoặc tư vấn.

h) Các cuộc họp do các cơ quan có liên quan mời Công ty tham dự (trừ trường hợp mời đích danh) thì tùy theo tính chất từng cuộc họp để phân công cụ thể:

- Những cuộc họp đặc biệt quan trọng có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc cùng dự hoặc một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cho nhau.

- Những cuộc họp liên quan đến chủ trương chính sách có tính chất trước mắt hoặc điều hành thì Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc tham dự, sau đó thông báo lại cho Chủ tịch HĐQT.

4. Quan hệ giữa HĐQT và bộ máy điều hành:

a) Văn phòng Công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu và công văn giao dịch đi, đến của HĐQT theo quy định hiện hành về công tác văn thư, lưu trữ của Công ty.

b) Các công văn, tài liệu giao dịch gửi đến cho HĐQT, sau khi vào sổ theo dõi, phải được chuyển cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để xử lý. Những công văn, tài liệu giao dịch của cổ đông hoặc của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác gửi đến Công ty có nội dung liên quan đến công tác quản lý phải được sao gửi cho Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để phối hợp xử lý.

c) Các văn bản, tài liệu giao dịch do HĐQT ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số HĐQT và bản lưu tại văn thư phải được quản lý riêng, đồng thời phải có bản lưu tại Thư ký Công ty.

d) HĐQT sử dụng dấu của Công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Công ty và/hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/cá nhân ngoài Công ty.

e) HĐQT sử dụng các ban chức năng và/hoặc các chuyên viên khác trong Công ty để giúp HĐQT xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan.

f) Đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT hoặc phải được HĐQT phê chuẩn, HĐQT yêu cầu Tổng giám đốc chỉ đạo các ban chức năng đề xuất và chuẩn bị phương án, tài liệu.

Điều 55. Quan hệ công việc giữa BKS với bộ máy điều hành và các đơn vị khác

1. Với Ban Tổng giám đốc:

a) Ban Tổng giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát;

b) Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của BKS, trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác.

2. Với bộ máy điều hành:

a) Các đơn vị trực thuộc, các ban chức năng trong Công ty phải báo cáo tình hình hoạt động cho BKS thường xuyên hoặc đột xuất theo yêu cầu của BKS;

b) Các đơn vị trực thuộc, các phòng, ban trong Công ty phải trực tiếp hoặc phối hợp với BKS tiến hành kiểm tra công tác quản lý và điều hành theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty;

c) BKS sẽ trực tiếp hoặc phối hợp với đoàn thanh tra, đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán của Công ty;

d) Cán bộ, công nhân viên các đơn vị trực thuộc và tại các phòng, ban phải cung cấp tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác kiểm soát cho Ban kiểm soát.

e) Việc cung cấp thông tin, báo cáo, phối hợp kiểm tra của Bộ máy điều hành với BKS trên cơ sở chương trình thống nhất với Tổng giám đốc.

3. Với các đơn vị thành viên và Kiểm soát viên/BKS tại các đơn vị thành viên:

Quan hệ công việc về công tác kiểm tra, giám sát giữa BKS với các đơn vị thành viên và Kiểm soát viên/Ban kiểm soát tại các đơn vị thành viên thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý tài chính Công ty, Quy chế người đại diện của Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát và các quy chế, quy định liên quan khác.

4. Với Kiểm toán độc lập:

BKS phối hợp và giám sát hoạt động của Kiểm toán độc lập.

BKS rà soát hoạt động của công ty Kiểm toán độc lập trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và phi kiểm toán, đảm bảo tính độc lập trong công tác kiểm toán.

Định kỳ hàng năm báo cáo đánh giá hoạt động của kiểm toán độc lập tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 56. Quản lý và sử dụng dấu

HDQT quyết định hình thức số lượng, hình thức, nội dung và mẫu dấu của công ty.

Tổng giám đốc quyết định hình thức số lượng, hình thức, nội dung và mẫu dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

Tổng giám đốc có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy định về quản lý và sử dụng dấu của Công ty.

Điều 57. Trách nhiệm môi trường và xã hội

HDQT đảm bảo công ty có các chính sách và quy trình quản trị thích hợp liên quan tới các hoạt động xã hội và môi trường gắn với chiến lược công ty và sự thành công ổn định lâu dài; và đảm bảo quản lý chất lượng của các thông tin công bố về trách nhiệm xã hội và môi trường.

HDQT đảm bảo các yêu cầu về trách nhiệm xã hội và môi trường này đều được áp dụng đối với các nhà cung cấp.

Điều 58. Các báo cáo ẩn danh

HDQT xây dựng các quy chế nội bộ quy định về việc tiếp nhận, giải đáp và xử lý các câu hỏi hoặc thắc mắc của người lao động, hoặc tiếp nhận xử lý những ý kiến, khiếu nại của khách hàng hay các đối tượng khác. Các thông báo như vậy có thể bảo mật hoặc ẩn danh, hoặc bằng email, bằng thư hoặc báo cáo bằng điện thoại tới số điện thoại tổng đài hoặc địa chỉ/email được thông báo trên website công ty. Công ty nghiêm cấm bất kỳ thành viên HDQT nào hay nhân viên trả thù hoặc làm các hành động có hại tới người nêu ra vấn đề hoặc người giúp giải quyết vấn đề một cách triệt để.

CHƯƠNG IX

MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

Công ty duy trì khung kiểm soát hiệu quả đảm bảo tính ổn định trong các hoạt động và đưa đến sự đảm bảo cho cổ đông và các bên có lợi ích liên quan.

Điều 59. Quản lý rủi ro

Công ty hiểu rõ tầm quan trọng của Quản lý rủi ro và đảm bảo thiết lập hệ thống Quản lý Rủi ro hiệu quả. Theo đó, nhiệm vụ HĐQT bao gồm, nhưng không giới hạn các nội dung:

- Phê duyệt chính sách quản trị rủi ro, tuyên ngôn về khẩu vị rủi ro, mức độ chấp nhận rủi ro, thước đo rủi ro và chiến lược quản trị rủi ro;
- Phân tích, đánh giá và cải tiến chính sách quản trị rủi ro nội bộ;
- Phát triển các chương trình đào tạo liên tục, phát triển văn hóa quản trị rủi ro tới ban điều hành, các đơn vị và toàn thể nhân viên để nâng cao nhận thức;
- Thành lập Ủy ban Kiểm toán và Quản lý rủi ro thuộc HĐQT; và
- Đảm bảo rằng công ty tuân thủ pháp luật, các quy chế, chính sách và thủ tục nội bộ liên quan tới quản trị rủi ro.

Điều 60. Kiểm soát nội bộ

1. Công ty hiểu rõ tầm quan trọng của hệ thống kiểm soát nội bộ và đảm bảo thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả và có sự tích hợp thống nhất giữa chiến lược, rủi ro và kiểm soát. Hệ thống Kiểm soát nội bộ được áp dụng trong phạm vi toàn công ty, được thực hiện và duy trì để tạo ra sự đảm bảo hợp lý về khả năng đạt được mục tiêu của Công ty trong việc đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính, đảm bảo hiệu quả, hiệu suất hoạt động, tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan.

2. Các cấu phần của hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm:

- Môi trường kiểm soát;
- Quy trình đánh giá rủi ro;
- Hoạt động kiểm soát;
- Hệ thống báo cáo và công bố thông tin; và
- Cơ chế, hoạt động giám sát.

3. Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty phải được xây dựng dựa trên cơ sở các nguyên tắc sau:

a) Hoạt động kiểm soát nội bộ phải được thiết lập, duy trì đối với mọi hoạt động của Công ty, trong đó tăng cường kiểm soát đối với các hoạt động, chức năng có rủi ro cao.

b) Lãnh đạo các cấp của Công ty đều phải nhận dạng, đánh giá rủi ro trong hoạt động để có biện pháp kiểm soát rủi ro, quản lý rủi ro thích hợp.

c) Hoạt động kiểm soát nội bộ gắn liền với các hoạt động hàng ngày của Công ty; cơ chế kiểm soát nội bộ được quy định và tổ chức thực hiện ngay trong quy trình nghiệp vụ dưới nhiều hình thức như:

- Cơ chế phân cấp ủy quyền được thiết lập và thực hiện một cách hợp lý, phân công nhiệm vụ phải rõ ràng, minh bạch; đảm bảo tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá

nhân, các bộ phận; tránh các xung đột lợi ích, đảm bảo một cán bộ không đảm nhiệm cùng một lúc những cương vị, nhiệm vụ có mục đích, quyền lợi mâu thuẫn hoặc chông chéo với nhau; đảm bảo không có điều kiện để thao túng hoạt động, che giấu thông tin phục vụ các mục đích cá nhân hoặc che giấu các hành vi vi phạm quy định của pháp luật và các quy chế, cơ chế, quy trình và quy định nội bộ có liên quan.

- Cơ chế kiểm tra, giám sát giữa các cá nhân, các bộ phận trong quá trình thực hiện hoạt động, quy trình nghiệp vụ.

- Tuân thủ nguyên tắc kiểm soát kép: có ít nhất hai người thực hiện công việc và kiểm tra đối với mỗi công việc nhằm đảm bảo an toàn tài sản và hiệu quả công tác, trừ trường hợp có quy định pháp lý khác.

Điều 61. Kiểm toán nội bộ (KTNB)

Công ty thiết lập chức năng kiểm toán nội bộ để đảm bảo tính khách quan và tư vấn các công việc cần thực hiện cho HĐQT liên quan tới tính hiệu quả và hiệu suất của hệ thống quản trị công ty, khung quản lý rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ. Kiểm toán viên nội bộ phải là những người thích hợp và phù hợp theo yêu cầu của quy định về kiểm toán và các quy định khác, và báo cáo chuyên môn cho HĐQT/Ủy ban Kiểm toán và báo cáo các nội dung hành chính cho Ban điều hành cấp cao. Ngoài ra, KTNB phối hợp hoạt động với Ban kiểm soát để hỗ trợ việc bảo đảm một môi trường kiểm soát hiệu quả. Quyền hạn, cơ cấu, quy trình làm việc và các vấn đề liên quan của kiểm toán nội bộ được quy định trong Quy chế Kiểm toán nội bộ của Công ty.

Điều 62. Tuân thủ

Công ty thiết lập bộ phận kiểm soát tuân thủ chủ động đảm bảo việc tuân thủ pháp luật và các quy định bên ngoài cũng như các quy chế và quy trình nội bộ. Kiểm soát tuân thủ sẽ kiểm soát các hoạt động của Công ty và nhân viên đảm bảo rằng họ tuân thủ và báo cáo định kỳ cho HĐQT và Ban điều hành.

Điều 63. Kiểm toán độc lập

Công ty thuê công ty kiểm toán độc lập, được công nhận rộng rãi, hoàn toàn độc lập với Công ty, Ban Điều hành Công ty và các cổ đông lớn. Kiểm toán độc lập được lựa chọn trong cuộc họp Hội đồng cổ đông hàng năm theo đề xuất của Ban kiểm soát. HĐQT/Ban kiểm soát xây dựng tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, quy trình đánh giá tính độc lập và hiệu quả của Kiểm toán độc lập và quy trình theo dõi đánh giá việc thực hiện khuyến nghị của Kiểm toán độc lập

CHƯƠNG X CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ TÍNH MINH BẠCH

Điều 64. Nghĩa vụ công bố thông tin

Công ty công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, Điều lệ Công ty và Quy chế này. Ngoài ra, Công ty công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng.

Điều 65. Chính sách và thông lệ của việc công bố thông tin

HĐQT thiết lập chính sách và Quy trình công bố thông tin và công bố các tài liệu này trên website của Công ty. Chính sách của Công ty là công bố các thông tin trọng yếu, bao gồm báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, cơ cấu sở hữu và cơ cấu quản trị Công ty tới các cổ đông nói riêng và công chúng nói chung một cách chính xác, bao gồm:

- Thông tin tài chính: Công ty hạch toán và chuẩn bị báo cáo các kết quả tài chính và tình hình hoạt động, hoạt động mua lại doanh nghiệp hay việc chuyển nhượng tài sản có giá trị, thù lao của HĐQT và Ban điều hành, và các thông tin tài chính khác theo yêu cầu của Luật và các quy định.

- Các thông tin phi tài chính: Công ty công bố các thông tin phi tài chính quan trọng như: Chính sách Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ, công bố các thông tin định tính và định lượng về rủi ro; tóm tắt các hoạt động của Ban điều hành, bao gồm các chú thích, diễn giải hợp lý; tình hình thặng dư/thâm hụt vốn, chính sách quản trị và điều hành; Thành phần và cấu trúc của HĐQT và các thông tin chức năng liên quan; Các giao dịch với các bên liên quan; Trách nhiệm với môi trường và xã hội; Các thông tin phi tài chính khác và các quyết định của HĐQT.

- Cơ cấu chủ sở hữu: Công ty đảm bảo công bố thông tin về các cổ đông sở hữu từ 5% trở lên vốn có quyền biểu quyết. Các quan hệ của Công ty trong trường hợp các công ty cùng tập đoàn cũng được xác định rõ và công bố thông tin ra công chúng. Các thay đổi trọng yếu về cơ cấu chủ sở hữu, mua thôn tính (Nỗ lực nhằm mua đủ cổ phiếu để có quyền biểu quyết một công ty khác), các thu xếp cổ đông, mua bán - sáp nhập, chia tách, gộp cổ phiếu, hoặc các giao dịch sở hữu khác.

Công ty công bố thông tin đầy đủ, chính xác và đúng thời gian về mọi vấn đề hay sự kiện quan trọng xảy ra, có thể tác động bất lợi tới lợi ích của cổ đông. Hệ thống công bố thông tin cần đảm bảo việc truy cập công bằng giữa các cổ đông chính, các nhà đầu tư và các cổ đông khác và không cho phép việc lạm dụng thông tin hay giao dịch nội gián.

Điều 66. Báo cáo thường niên và Website

HQĐT đảm bảo việc truy cập dễ dàng và không phân biệt giữa các nhóm cổ đông đối với các thông tin được công bố thông qua các công cụ truyền thông khác nhau. Công ty phát hành báo cáo thường niên đầy đủ bao gồm một phần về Quản trị Công ty, tình hình thực hiện Quản trị Công ty, lịch sự kiện doanh nghiệp và các thông tin quan trọng khác trên website đúng thời gian quy định.

Điều 67. Công bố thông tin theo Quy định pháp lý và Bộ Nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất của Việt Nam

Báo cáo thường niên hoặc Báo cáo quản trị Công ty được công bố trên website, Công ty thường xuyên công bố thông tin theo các quy định pháp lý và hướng tới thông lệ tốt nhất theo nội dung Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của Việt Nam và quy trình thực hiện, trong đó có:

- Thông tin về mô hình tổ chức quản lý Công ty
- Thông tin về Quản trị Công ty

- Thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc và người điều hành
- Các thông tin khác theo quy định của pháp luật và của Điều lệ Công ty

Điều 68. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Công ty phân công cán bộ phụ trách công bố thông tin. Cán bộ phụ trách công bố thông tin có trách nhiệm:

- Công bố thông tin của Công ty với Công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

Điều 69. Bảo mật thông tin

Trừ khi quy định bởi pháp luật, không thành viên HĐQT hay nhân viên nào, trong thời gian làm việc tại công ty và sau đó, tiết lộ bất kỳ thông tin bảo mật nào liên quan tới kinh doanh của công ty hay bất kỳ công ty nào mà thành viên/nhân viên đó biết công ty mình đang nắm cổ phần. Thành viên HĐQT không được sử dụng các thông tin mật đó cho lợi ích cá nhân.

CHƯƠNG XI CƠ CHẾ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 70. Cơ chế đánh giá hoạt động quản trị Công ty, khen thưởng và kỷ luật

1. Đánh giá hoạt động:

HĐQT xây dựng và ban hành cơ chế đánh giá hoạt động quản trị Công ty áp dụng đối với thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc. Tổng giám đốc xây dựng và ban hành cơ chế đánh giá hoạt động quản trị Công ty áp dụng đối với các cán bộ quản lý khác.

2. Khen thưởng, kỷ luật:

Công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật áp dụng đối với thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác được thực hiện theo quy định của Công ty và các văn bản có liên quan của nhà nước.

CHƯƠNG XII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 71. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế

1. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các đơn vị, cá nhân có liên quan trong Công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Quy chế này.

2. Đơn vị hoặc cá nhân vi phạm các quy định trong Quy chế này, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm, sẽ bị thi hành kỷ luật với các hình thức tương xứng theo quy định hiện hành của Công ty.

Điều 72. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế

Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 73. Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm 12 chương và 73 điều, có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và các đơn vị thành viên Công ty có trách nhiệm triển khai và thực hiện Quy chế này./.

PHẦN 11: DỰ THẢO
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông - CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau như Dự thảo đính kèm.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Nguyên

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU



QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHĐCD ngày/04/2021
của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau)*

MỤC LỤC

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG	130
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	130
Điều 2. Giải thích từ ngữ	130
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT.....	131

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	131
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT	131
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên HĐQT	132
Điều 6. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT	132
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT	133
Điều 8. Chủ tịch HĐQT	134
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung Thành viên HĐQT	135
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT	136
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT.....	136

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	137
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT.....	137
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	138
Điều 14. Trách nhiệm HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường	139
Điều 15. Các Ủy ban và bộ phận trực thuộc HĐQT.....	139
Điều 16. Chế độ thông tin báo cáo.....	140
Điều 17. Đánh giá, đào tạo và quy hoạch đội ngũ kế cận.....	140

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	142
Điều 18. Cuộc họp HĐQT	142
Điều 19. Biên bản họp HĐQT	144

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	145
Điều 20. Trình báo cáo hằng năm.....	145
Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT	145
Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan.....	146

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	147
Điều 23. Mối quan hệ giữa các Thành viên HĐQT	147
Điều 24. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc/ ban điều hành	147
Điều 25. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát.....	147

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	148
Điều 26. Hiệu lực thi hành.....	148

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, nguyên tắc phối hợp, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị và các Thành viên Hội đồng Quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, các quy định khác của pháp luật có liên quan và các thông lệ quản trị quốc tế tốt.
- 1.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, các Ban/Văn phòng/Trung tâm, các Đơn vị trực thuộc, Người đại diện của Công ty tại doanh nghiệp khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- 2.1. “Ban điều hành” nghĩa là Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau, bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.
- 2.2. “Đa số” là trên 50%.
- 2.3. “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- 2.4. “Điều lệ” là Điều lệ Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- 2.5. “Đơn vị” là các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc/ chi nhánh của Công ty.
- 2.6. “Hội đồng Quản trị” hoặc “HĐQT” là Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- 2.7. “Ngày” là ngày tính theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (như thứ bảy, chủ nhật, ngày Lễ, ngày Tết).
- 2.8. “Ngày làm việc” là “Ngày” không bao gồm những ngày nghỉ.
- 2.9. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
- 2.10. “Người quản lý doanh nghiệp” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ.
- 2.11. “Công ty” là Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- 2.12. “Tổng Giám đốc” là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- 2.13. “Thư ký Công ty” là người được Hội đồng quản trị bổ nhiệm để thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các Luật liên quan.
- 2.14. “Người phụ trách quản trị Công ty” là người được Hội đồng quản trị bổ nhiệm để thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các Luật liên quan.
- 2.15. Trừ khi được định nghĩa khác, các thuật ngữ áp dụng trong Quy chế này được định nghĩa theo quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

- 3.1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về thực hiện nhiệm vụ được phân công, đồng thời tất cả cùng chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và trước pháp luật về các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.
- 3.2. HĐQT và các Thành viên HĐQT thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại pháp luật, Điều lệ và văn bản quy phạm quản lý nội bộ của Công ty; giải quyết công việc đúng phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm được phân công; đảm bảo tuân thủ trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật, Nhà nước, Điều lệ và văn bản quy phạm quản lý nội bộ của Công ty.
- 3.3. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.
- 3.4. Dấu của Công ty được sử dụng để đóng trên các văn bản do HĐQT ban hành.

CHƯƠNG II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT

- 4.1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- 4.2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty.
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.
 - d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của Thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó Thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
- 4.3. Thành viên Hội đồng Quản trị cần phải hiểu biết đầy đủ về nghĩa vụ và trách nhiệm ủy thác của mình, làm việc trên cơ sở có đầy đủ thông tin, một cách trung thành, cẩn trọng, và vì lợi ích cao nhất của công ty và cổ đông, đồng thời cũng quan tâm đến lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan của công ty.

- a. Thành viên HĐQT cần phải thực hiện trách nhiệm một cách có thiện ý và vì lợi ích cao nhất của công ty và tất cả cổ đông, tránh tất cả các xung đột lợi ích phát sinh thực tế và tiềm tàng.
 - b. Thành viên HĐQT cần phải áp dụng mức độ cẩn trọng tối đa trong khi thực hiện trách nhiệm theo chuẩn mực được kỳ vọng đối với một thành viên HĐQT tốt trong những tình huống và hoàn cảnh tương tự.
 - c. Thành viên HĐQT cần phải hiểu biết đầy đủ về vai trò và trách nhiệm của mình trong HĐQT theo quy định của luật pháp và chính sách công ty; và góp phần vào việc HĐQT thực hiện vai trò và trách nhiệm của mình một cách hiệu quả.
 - d. Thành viên HĐQT cần phải tự trang bị cho mình các kiến thức phù hợp về quản trị công ty và các yêu cầu về đạo đức, bảo đảm công ty liên tục hành động trên cơ sở tuân thủ các chính sách về quản trị tốt và đạo đức ứng xử.
 - e. Thành viên HĐQT cần phải chủ động tham gia giám sát hoạt động của công ty, tham gia thảo luận và có nỗ lực phù hợp để có được thông tin liên quan đến các vấn đề được thảo luận. Thành viên HĐQT nên xem trước tất cả các tài liệu được cung cấp trước cuộc họp HĐQT để sẵn sàng đóng góp cho cuộc họp HĐQT.
 - f. Mỗi thành viên HĐQT cần phải có trách nhiệm tham gia tất cả các cuộc họp HĐQT của công ty trong năm.
 - g. Trong quá trình làm việc trong HĐQT hoặc sau đó, ngoại trừ luật pháp có quy định, thành viên HĐQT không được tiết lộ bất kỳ thông tin mật nào mà thành viên đó biết được trong quá trình làm việc. Thành viên HĐQT không được phép sử dụng những thông tin mật đó vì lợi ích cá nhân.
 - h. Nếu thành viên HĐQT từ nhiệm hoặc không thể hoàn thành nhiệm vụ, HĐQT cần phải thực hiện ngay các bước cần thiết để bảo đảm có sự thay thế trong HĐQT theo các hướng dẫn về thông lệ tốt nhất, và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.
- 4.4. Thành viên HĐQT độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT. Các thành viên HĐQT độc lập có thể lập chung một báo cáo, nhưng phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên HĐQT

- 5.1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- 5.2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Thành viên HĐQT.

Điều 6. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT

Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT được quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

- 6.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ năm (05) đến bảy (07) người.
- 6.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối

đa 05 công ty khác. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty, không mang quốc tịch Việt Nam và (hoặc) không cư trú tại Việt Nam.

- 6.3. Trường hợp một (01) hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị kết thúc nhiệm kỳ trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên trong năm đó, để đại hội biểu quyết bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm để bầu nhân sự khác thay thế thì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc các thành viên Hội đồng quản trị đó vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi có kết quả biểu quyết tại Đại hội cổ đông.
- 6.4. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ chức trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) nhưng số thành viên Hội đồng quản trị vẫn đảm bảo theo quy định thì Hội đồng quản trị có thể phân công lại công việc trong số các thành viên Hội đồng quản trị còn lại và tiến hành lấy ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất cho trường hợp từ chức đó và công bố thông tin theo quy định.
- 6.5. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 - b. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo tối thiểu 02 người;
- 6.6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp;
- 6.7. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 6.8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

- 7.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
 - d. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

- 7.2. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
- 7.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

- 8.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 8.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
- 8.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Tổ chức đánh giá hiệu quả của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị ít nhất mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.

- g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 8.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Trong thời gian không có Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định của Hội đồng quản trị.
- 8.5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung Thành viên HĐQT

- 9.1. ĐHCĐ miễn nhiệm Thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- 9.2. ĐHCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
- Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của HĐQT.
 - Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thành viên HĐQT.
 - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
- 9.3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHCĐ quyết định thay thế Thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
- 9.4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHCĐ để bầu bổ sung Thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
- Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số Thành viên bị giảm quá một phần ba.
 - Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, ĐHCĐ bầu Thành viên mới thay thế Thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT

- 10.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười (10) % tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.
 - b. Căn cứ số lượng Thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.
- 10.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu Thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.
- 10.3. Việc biểu quyết bầu Thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
- 10.4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT

- 11.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
 - b. Trình độ chuyên môn.
 - c. Quá trình công tác.
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác).

- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ.
 - g. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).
- 11.2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

- 12.1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.
- 12.2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
 - h. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác thuộc thẩm quyền quản lý của HĐQT; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý của Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác (Công ty con, công ty liên kết), quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết.
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ.
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty.
 - q. Giám sát tính liên chính của các báo cáo tài chính, tính tuân thủ với các quy định của pháp luật liên quan, tình hình thực hiện, trình độ chuyên môn, tính độc lập của kiểm toán độc lập và tình hình thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ.
 - r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ.
- 12.3. HĐQT thông qua Nghị quyết/Quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
- 12.4. Trường hợp Nghị quyết/Quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ gây thiệt hại cho Công ty thì các Thành viên tán thành thông qua Nghị quyết/Quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết/Quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; Thành viên phản đối thông qua Nghị quyết/Quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết/Quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

- 13.1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
- a. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này.
 - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ.
 - c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- 13.2. Người quản lý doanh nghiệp ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười

lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; Thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

14.1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- b. Số lượng Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng Thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

14.2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng Thành viên HĐQT, Thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

14.3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

- Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.
- Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.
- Lập chương trình và nội dung cuộc họp.
- Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.
- Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát.
- Xác định thời gian và địa điểm họp.
- Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp.
- Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các Ủy ban và bộ phận trực thuộc HĐQT

15.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban trực thuộc để phụ trách về các lĩnh vực chuyên môn như chiến lược, quản trị, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán, quản lý rủi ro,... Số lượng thành viên của Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định, có từ 03 thành viên trở lên. Thành viên của các Ủy ban phải là thành viên HĐQT. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán phải bao gồm nghĩa vụ giám sát, đánh giá chất lượng của quy trình lập báo cáo tài chính; giám sát và đánh giá chất lượng của Công ty kiểm toán độc lập.

Hoạt động của các Ủy ban phải tuân thủ theo quy chế hoạt động do Hội đồng quản trị phê duyệt. Các Ủy ban thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác qui định trong quy chế hoạt động của mỗi Ủy ban. Mỗi thành viên Ủy ban có một phiếu biểu quyết, quyết định của Ủy ban được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban đó.

- 15.2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 16. Chế độ thông tin báo cáo

- 16.1. Các văn bản của Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc gửi đến các cơ quan quản lý Nhà nước, chứng khoán, thông tin đại chúng cũng cần sao gửi đồng thời cho HĐQT và Ban kiểm soát qua hệ thống công văn điện tử của Công ty.
- 16.2. Để thực hiện các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công, Thành viên HĐQT có thể đề nghị Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Lãnh đạo Ban/Đơn vị trực thuộc, Người đại diện của Công ty tại doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết.
- 16.3. Tất cả các báo cáo chính thức gửi HĐQT được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Công ty.

Điều 17. Đánh giá, đào tạo và quy hoạch đội ngũ kế cận

Hàng năm, HĐQT đánh giá hoạt động của HĐQT kết hợp với đánh giá từng thành viên HĐQT, ban điều hành và các Ủy ban/tiểu ban trực thuộc HĐQT.

- 17.1. Tiêu chí đánh giá dựa trên hiệu quả hoạt động được thể hiện qua các khía cạnh:
- Kết quả doanh thu, lợi nhuận và các chỉ số phi tài chính khác.
 - Tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập, điều hành, không điều hành trong cơ cấu thành viên HĐQT.
 - Số cuộc họp, chất lượng cuộc họp và khả năng giải quyết vấn đề của HĐQT, của các Ủy ban trực thuộc và các nội dung đề ra trong từng cuộc họp.
 - Số lượng các trường hợp về xung đột lợi ích có xảy ra.
 - Việc tuân thủ quy định về bảo mật thông tin, công bố thông tin.
 - HĐQT tham gia các chương trình đào tạo về quản lý.
 - Xây dựng chính sách thù lao, lương thưởng cho HĐQT.
 - Các chính sách mới được phát triển và ban hành.
 - Các tiêu chí khác (nếu có)
- 17.2. Hình thức đánh giá dựa trên các yếu tố:
- Khả năng tự lãnh đạo và kết quả hoạt động.
 - Sự kết hợp kiến thức, kinh nghiệm, đặc tính đa dạng của các thành viên trong HĐQT.
 - Sự năng động.

- Quy trình/ cách thức hoạt động.

17.3. Thời gian tiến hành đánh giá:

Việc đánh giá được thực hiện trong quý IV hằng năm tại phiên họp tổng kết của HĐQT. Hồ sơ đánh giá sẽ được lưu trữ tại công ty theo chế độ lưu trữ thông tin bảo mật.

17.4. Đào tạo và tập huấn:

- a. Công ty tổ chức thực hiện chương trình định hướng cho các thành viên HĐQT mới về công ty, về việc kinh doanh của công ty và các chủ đề khác mà có thể giúp các thành viên thực hiện trách nhiệm của mình. Công ty cũng xây dựng và cung cấp các chương trình đào tạo liên tục cho các thành viên HĐQT. HĐQT xác định các nhu cầu đào tạo cho thành viên HĐQT hàng năm và sau đó quyết định, dựa trên ngân sách HĐQT, chương trình đào tạo mỗi năm.
- b. Tất cả thành viên HĐQT tham gia ít nhất 1 chương trình đào tạo Quản trị Công ty được tổ chức bởi tổ chức chuyên nghiệp để đảm bảo các thành viên hiểu các nguyên tắc chính của Quản trị Công ty và cập nhật hàng năm với xu thế và yêu cầu về quản trị mới nhất.
- c. Công ty công bố tại mục Quản trị Công ty trong báo cáo thường niên về chính sách và thực tế triển khai chương trình phát triển và đào tạo chuyên môn cho thành viên HĐQT (định hướng và thường xuyên).
- d. Căn cứ vào kết quả đánh giá, chương trình tập huấn, đào tạo được xây dựng để phát triển kiến thức và kỹ năng, tập trung cho các lĩnh vực sau:
 - Phát triển kỹ năng mới, nâng cao tính chuyên nghiệp, đồng thời nhận thức rõ hơn các vấn đề liên quan.
 - Tiếp cận kiến thức cập nhật về quản trị công ty và các vấn đề khác. Có cơ hội thảo luận các vấn đề cùng đồng nghiệp và người hướng dẫn.
 - Nâng cao nhận thức về các vấn đề đạo đức và giá trị nền tảng của việc quản trị công ty hiệu quả.
 - Các khóa học hiệu quả giúp mỗi cá nhân hoàn nhiệm vụ và trách nhiệm của mình.

17.5. Quy hoạch kế cận:

- HĐQT có trách nhiệm bảo đảm và thông qua một chương trình quy hoạch kế cận hiệu quả cho các vị trí thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và thành viên Ban Điều hành chủ chốt để bảo đảm tăng trưởng và gia tăng liên tục giá trị của cổ đông.
- Quy hoạch kế cận gắn liền với việc những vai trò và trách nhiệm được quy định bằng văn bản đối với từng vị trí và bắt đầu bằng cách xác định kiến thức, kỹ năng, và năng lực chính cần phải có cho vị trí đó. Đối với mỗi ứng cử viên tiềm năng đã xác định, cần phải có kế hoạch phát triển chuyên môn để giúp cá nhân đó chuẩn bị tốt cho công việc (đào tạo, chia sẻ và tích lũy kinh nghiệm).
- Quy hoạch kế cận không chỉ dừng lại ở việc đưa ra tên của các nhà lãnh đạo tiềm năng, mà cần phải xác định kế hoạch để phát triển nguồn lực lãnh đạo của công ty. HĐQT cần định kỳ cập nhật quy hoạch này.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Cuộc họp HĐQT

Các cuộc họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty và từ Điều 19 đến Điều 23 Quy chế Quản trị nội bộ Công ty. Cụ thể như sau:

18.1. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT

- a. Hội đồng quản trị họp thường kỳ, bất thường theo quy định tại điều 29, Điều lệ Công ty. Cuộc họp thường kỳ của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì. Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận và tài liệu sử dụng tại cuộc họp được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải được gửi đến cho các thành viên HĐQT và những thành viên được mời tham dự ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức cuộc họp. Nội dung trao đổi tại cuộc họp bằng tiếng Việt. Các thành viên nước ngoài tham dự cuộc họp có thể thuê phiên dịch và có trách nhiệm dịch các tài liệu cần thiết ra tiếng nước ngoài.
- b. HĐQT phải được triệu tập họp bất thường khi nhận được các đề nghị bằng văn bản của một trong các trường hợp sau:
 - Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
 - Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
 - Ban kiểm soát hoặc thành viên HĐQT độc lập.
 - Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
- c. Cuộc họp bất thường của HĐQT do Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập và chủ trì trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị họp quy định tại Khoản 17.2 nêu trên. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hoặc người được các thành viên khác của HĐQT lựa chọn sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo mời họp, chương trình, nội dung thảo luận phải được thông báo đến các thành viên HĐQT và các đối tượng dự họp khác ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp.
- d. Nội dung cuộc họp bất thường do Chủ tịch HĐQT hoặc do người đề nghị triệu tập cuộc họp bất thường chuẩn bị, tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng và cấp bách của Công ty. Trong khả năng cho phép, người triệu tập cuộc họp có thể yêu cầu Tổng giám đốc Công ty chuẩn bị các tài liệu, nội dung để xem xét thảo luận tại cuộc họp.

18.2. Điều kiện cần thiết để tiến hành các cuộc họp của HĐQT

- a. Cuộc họp HĐQT triệu tập lần thứ nhất chỉ có thể được coi là họp lệ để tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có từ 3/4 số thành viên HĐQT dự họp hoặc thông qua người được ủy quyền
- b. Trường hợp triệu tập lần thứ nhất nhưng không có đủ số lượng thành viên cần thiết thì cuộc họp sẽ được triệu tập lại lần thứ hai trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc thông qua người được ủy quyền.

18.3. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT

- a. Thành phần tham dự các cuộc họp của HĐQT bao gồm Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (nếu TGD không là thành viên HĐQT), BKS, đại diện các ban/đơn vị trực thuộc HĐQT, Thư ký Công ty.
- b. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể mời và (hoặc) triệu tập các thành phần khác tham gia cuộc họp, các thành viên này được thảo luận, phát biểu nhưng không được quyền biểu quyết.
- c. Khi thảo luận về các vấn đề có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Công ty thì HĐQT có thể mời đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở Công ty dự họp.
- d. Những người được mời họp không phải là thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

18.4. Trình tự thủ tục tiến hành các cuộc họp của HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT thực hiện theo Điều 29 Điều lệ Công ty.

a. Chuẩn bị cuộc họp

- Trừ khi có quy định/yêu cầu khác của HĐQT, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức chuẩn bị trước các nội dung để trình bày tại cuộc họp của HĐQT.

- Các thành viên HĐQT theo sự phân công thường xuyên của HĐQT và theo phân công cụ thể của Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tài liệu cuộc họp, làm việc với các bộ phận liên quan của Công ty, chuẩn bị ý kiến về các vấn đề dự kiến đưa ra thảo luận tại cuộc họp.

- Thư ký Công ty và bộ phận giúp việc HĐQT chịu trách nhiệm tổ chức họp, tập họp và gửi tài liệu.

- Trường hợp không thể tham gia cuộc họp, thành viên HĐQT và người được mời họp cần thông báo cho HĐQT và nêu rõ lý do vắng mặt, đồng thời gửi HĐQT ý kiến tham gia bằng văn bản về các vấn đề dự kiến đưa ra thảo luận tại cuộc họp.

b. Trình tự tiến hành cuộc họp

- Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp thông báo thành phần, nội dung, chương trình nghị sự cuộc họp.

- Người được phân công báo cáo tại cuộc họp thuyết trình về các nội dung và kiến nghị để HĐQT xem xét, quyết định.

- Các thành viên thảo luận, xem xét các vấn đề theo tài liệu, báo cáo và thuyết trình tại cuộc họp.

- Người chủ trì cuộc họp kết luận và lấy biểu quyết thông qua từng vấn đề thảo luận và nội dung nghị quyết của cuộc họp.

- Thông qua Nghị quyết, Biên bản cuộc họp.

- Các thành viên HĐQT, Thư ký Công ty ký tên vào Biên bản cuộc họp.

c. Gửi ý kiến biểu quyết và ủy quyền tham dự cuộc họp

- Thành viên HĐQT vắng mặt có quyền biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức gửi ý kiến bằng văn bản. Văn bản ý kiến phải được chuyển

tới Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp và được công khai tới tất cả những thành viên HĐQT dự họp.

- Trường hợp thành viên HĐQT vắng mặt tại cuộc họp, không gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản mà ủy quyền cho người khác dự họp thì phải có văn bản ủy quyền nêu rõ nội dung ủy quyền cho người được ủy quyền tham dự và biểu quyết và cam kết thành viên HĐQT chịu trách nhiệm về ý kiến biểu quyết của người được ủy quyền.

- Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp của HĐQT và biểu quyết các vấn đề tối đa 2 lần/năm trong trường hợp ốm đau, bệnh tật không thể tham dự hoặc trường hợp bất khả kháng.

18.5. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác

a. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức qua điện thoại hoặc theo phương thức khác (đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Quy chế này hay sau này mới được sử dụng) hoặc kết hợp giữa nhiều phương thức khi tất cả hoặc một số thành viên dự họp đang có mặt tại những địa điểm khác nhau và với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.

- Trình bày, trao đổi trực tiếp được với tất cả các thành viên tham dự về ý kiến của mình.

b. Mỗi thành viên HĐQT tham gia cuộc họp theo phương thức nêu trên được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà chủ tọa cuộc họp có mặt sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

c. Các nghị quyết được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại hoặc phương thức họp lệ khác sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng sau đó phải được khẳng định bằng các chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này trong biên bản.

Điều 19. Biên bản họp HĐQT

19.1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b. Thời gian, địa điểm họp.

c. Mục đích, chương trình và nội dung họp.

d. Họ, tên từng Thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các Thành viên không dự họp và lý do.

e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng Thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.

- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những Thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
- 19.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
- 19.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
- 19.4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 19.5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 20. Trình báo cáo hằng năm

- 20.1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:
- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty.
 - b. Báo cáo tài chính.
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
- 20.2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
- 20.3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

- 21.1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho Thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 21.2. Thành viên hoạt động không chuyên trách hưởng thù lao công việc. Thành viên hoạt động chuyên trách hưởng lương hoặc phụ cấp đặc thù. Tổng mức thù lao, phụ cấp, tiền lương cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc

phân bổ thù lao và quy định mức lương, phụ cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định hoặc theo quy chế/chính sách do Hội đồng quản trị ban hành.

- 21.3. Hội đồng quản trị được hưởng tiền thưởng thành tích theo kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của Công ty nếu đạt và vượt mức kế hoạch. Tổng quỹ thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc phân bổ tiền thưởng cho từng thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định hoặc theo quy chế/chính sách do Hội đồng quản trị ban hành.
- 21.4. Tổng số tiền trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao, tiền lương, tiền thưởng cho từng thành viên được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
- 21.5. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các Ủy ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
- 21.6. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.
- 21.7. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của Thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ.

Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

- 22.1. Thành viên HĐQT phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 22.2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 22.3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số Thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quan hệ giữa các Thành viên HĐQT; và HĐQT với Tổng Giám đốc, cổ đông, Ban Kiểm soát, Người đại diện của Công ty tại doanh nghiệp khác dựa trên các quy định liên quan của pháp luật, Điều lệ, văn bản quản lý nội bộ của Công ty và các quy định của Chương này.

Điều 23. Mối quan hệ giữa các Thành viên HĐQT

- 23.1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các Thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- 23.2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do Thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các Thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các Thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này.
- 23.3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các Thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 24. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc/ ban điều hành

- 24.1. Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các Nghị quyết/Quyết định để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định.
- 24.2. HĐQT tạo điều kiện để Tổng Giám đốc/ban điều hành tổ chức thực thi các Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT và các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Công ty.
- 24.3. Tổng Giám đốc tiếp nhận, tổng hợp, phân tích các báo cáo, xin ý kiến, đề xuất của Người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác, trình HĐQT xem xét, quyết định theo phân cấp thẩm quyền.

Điều 25. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát

- 25.1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau và tuân thủ các quy định luật pháp trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- 25.2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

- 26.1. Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau gồm 7 Chương 26 Điều, có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành.
 - 26.2. Ngôn ngữ sử dụng trong quy chế này cũng như thảo luận, giao tiếp tại cuộc họp và trong các biên bản cuộc họp là tiếng Việt. Người tham dự cuộc họp có trách nhiệm tự thuê phiên/ biên dịch nếu cần. Trường hợp Công ty có thêm phiên bản bằng tiếng nước ngoài, nếu có sự sai lệch giữa phiên bản tiếng việt và phiên bản tiếng nước ngoài thì phiên bản tiếng Việt được áp dụng.
 - 26.3. Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị thì thứ tự ưu tiên áp dụng sẽ là: Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và sau cùng là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - 26.4. Quy chế hoạt động của HĐQT được sửa đổi định kỳ hàng năm (nếu cần). Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
-

**PHẦN 12: DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU



QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHĐCĐ ngày /04/2021
của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau)*

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	152
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	152
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	152
Điều 3. Giải thích các từ viết tắt	152
Điều 4. Tài liệu tham khảo.....	152
CHƯƠNG II: KIỂM SOÁT VIÊN	153
Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên	153
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên.....	153
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên.....	153
Điều 8. Trưởng Ban kiểm soát.....	154
Điều 9. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên.....	154
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	155
Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	155
Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	155
CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT	156
Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	156
Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	158
Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	158
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	159
Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	159
Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát	160
CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	160
Điều 18. Trình báo cáo hàng năm.....	160
Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác	160
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan.....	161
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	161
Điều 21. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên.....	161
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc	162
Điều 23. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	162
Điều 24. Mối quan hệ với Ban kiểm toán nội bộ.....	163
Điều 25. Mối quan hệ với các đơn vị, bộ phận điều hành, tác nghiệp	163
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	163
Điều 26. Hiệu lực thi hành.....	163

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động này được áp dụng cho Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên, các cá nhân, đơn vị liên có quan đến hoạt động kiểm soát tại công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau và các đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên của Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Giải thích các từ viết tắt

- Ban kiểm soát: là Ban kiểm soát Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- Kiểm soát viên (thành viên Ban kiểm soát): là Kiểm soát viên Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- Công ty: là Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- Đơn vị trực thuộc: Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty.
- Đơn vị thành viên: Các doanh nghiệp hạch toán độc lập có phần vốn chi phối của Công ty (các Công ty TNHH, cổ phần có trên 50% vốn góp của Công ty trở lên).
- Hội đồng quản trị (HĐQT): Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- Luật doanh nghiệp: Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc luật doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung, thay thế luật này.

Điều 4. Tài liệu tham khảo

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ.
- Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất của Ủy Ban chứng khoán nhà nước ban hành tháng 8/2019.

CHƯƠNG II

KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có tối thiểu ba (03) Kiểm soát viên trong đó có 01 Trưởng ban, nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng Kiểm soát viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được ghi vào điều lệ Công ty phù hợp với luật doanh nghiệp.
2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp một (01) hoặc một số Kiểm soát viên kết thúc nhiệm kỳ trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên trong năm đó, để Đại hội biểu quyết tái bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm để bầu nhân sự khác thay thế thì Kiểm soát viên đó hoặc các Kiểm soát viên đó vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi có kết quả biểu quyết tại Đại hội cổ đông.
5. Trong trường hợp bị giảm quá một phần ba (1/3) số Kiểm soát viên hoặc không đủ số Kiểm soát viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo ngay cho Hội đồng quản trị để triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung Kiểm soát viên.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và theo Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 8. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 9. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát khi Công ty bổ sung, thay thế nhân sự vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng Kiểm soát viên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử (nếu có).
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm từ 10% đến dưới 25% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối

đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức (nêu rõ lý do) gửi đến trụ sở Công ty và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên của Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi biểu quyết. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn, học vấn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Ngày đầu tiên đã từng giữ chức vụ tại công ty;
 - đ) Các chức danh quản lý khác;
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính quý, 06 tháng và năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty.
9. Sử dụng tư vấn độc lập, Ban Kiểm toán nội bộ để thực hiện nhiệm vụ được giao. Trong trường hợp cần thiết Ban kiểm soát được quyền huy động các chuyên viên, cán bộ quản lý trong Công ty thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát nhưng không sử dụng nhân sự của chính bộ phận đó thực hiện kiểm tra để đảm bảo tính độc lập trong việc kiểm tra, giám sát.
10. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
11. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
12. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
13. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
14. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
15. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
16. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
17. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
18. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
19. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
20. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

21. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
22. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
23. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
24. Được đảm bảo công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát.
25. Được tham gia các cuộc hội thảo, các lớp đào tạo nghiệp vụ, nâng cao kiến thức nghề nghiệp do công ty tổ chức hoặc các đơn vị khác tổ chức theo đề nghị của Ban kiểm soát. Tổng giám đốc công ty hoặc người được ủy quyền thông báo cho Ban kiểm soát biết kế hoạch tổ chức các nội dung nêu trên.
26. Ban kiểm soát có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.
27. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty.
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
3. Trưởng Ban kiểm soát triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát. Trường hợp vắng mặt, Trưởng ban kiểm soát ủy quyền cho một Kiểm soát viên thay mặt chủ trì, giải quyết các công việc của Ban kiểm soát.
 - a) Cuộc của Ban kiểm soát có thể được tổ chức họp truyền thống, họp trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trên.
 - b) Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
 - c) Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau 5 (năm) ngày kể từ ngày thông báo cho các kiểm soát viên.
 - d) Biểu quyết:
 - Mỗi Kiểm soát viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu Kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một Kiểm soát viên khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết này;
 - Kiểm soát viên có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của Kiểm soát viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;
 - Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng ban kiểm soát vắng mặt);

- Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các Kiểm soát viên tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường.

Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

CHƯƠNG V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo đánh giá về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các cổ đông và sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị với các cổ đông.
8. Kết quả đánh giá vai trò, trách nhiệm, tính độc lập của Kiểm toán độc lập.
9. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Kiểm soát viên của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với Kiểm soát viên hoặc với những người có liên quan của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Kiểm soát viên và những người có liên quan của các Kiểm soát viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên

8.1. Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát, phân công nhiệm vụ cho các Kiểm soát viên. Các Kiểm soát viên báo cáo tình hình, kết quả kiểm tra giám sát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban Tổng giám đốc Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc.

1. Tổng giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình.
2. Các báo cáo của Tổng giám đốc gửi tới Hội đồng quản trị thì đồng thời gửi cho Ban kiểm soát.
3. Tổng giám đốc chỉ đạo các đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và các phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của Ban kiểm soát hoặc báo cáo với Hội đồng quản trị những điểm không thống nhất với các kiến nghị của Ban kiểm soát và thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị đồng thời thông báo cho Ban kiểm soát những ý kiến chỉ đạo này.
5. Tổng giám đốc thông báo ngay cho Ban kiểm soát khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại đơn vị, hoặc là các thông tin, các quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh tác động ngay, nhạy cảm đến tâm lý các cổ đông.

Điều 23. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên trong Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên trong Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
2. Ban kiểm soát được đề xuất tham gia cùng một số chương trình kiểm tra, kiểm soát, đánh giá của Hội đồng quản trị khi thấy cần thiết.
3. Ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ định kỳ hàng quý hoặc đột xuất.
4. Khi nhận được kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát tại các Ban chức năng, đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên của công ty thì Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét và chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát giám sát việc thực hiện chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

5. Các báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị chuẩn bị trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên phải được gửi cho Ban kiểm soát trước ngày công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông là 05 ngày làm việc để thẩm định, đánh giá.

6. Ban kiểm soát gửi cho Hội đồng quản trị và có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông nhưng đảm bảo không làm ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan của báo cáo Ban kiểm soát.

Điều 24. Mối quan hệ với Ban kiểm toán nội bộ

1. Ban kiểm toán nội bộ tham khảo ý kiến của Ban kiểm soát trong việc lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm.

2. Ban Kiểm toán nội bộ phối hợp cùng Ban kiểm soát trong việc thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán tại các Ban chức năng và đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên của Công ty theo kế hoạch đã được phê duyệt. Đối với các cuộc kiểm tra mà Ban kiểm soát không phối hợp cùng Ban kiểm toán nội bộ thì Trưởng Ban kiểm toán nội bộ có trách nhiệm bố trí nhân sự hỗ trợ khi có yêu cầu của Ban kiểm soát.

3. Các báo cáo của Ban Kiểm toán nội bộ gửi Hội đồng quản trị, các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty phải gửi đồng thời cho Ban kiểm soát.

Điều 25. Mối quan hệ với các đơn vị, bộ phận điều hành, tác nghiệp

1. Thủ trưởng đơn vị được kiểm tra, kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị về tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát.

2. Các đơn vị của Công ty phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau bao gồm 07 chương, 26 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

PHẦN 13: BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
(tiếp tục bổ sung tài liệu, nếu có)

PHẦN 14. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Số: /NQ-PVCFC

Cà Mau, ngày 27 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Biên bản họp số: 02/BB-ĐHĐCĐ-2021 và kết quả biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau thông qua các nội dung tại cuộc họp thường niên ngày 27/04/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các báo cáo, tờ trình với các nội dung cụ thể như sau:

1.1. Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 với các chỉ tiêu chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2019	Năm 2020		Tỷ lệ so sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện		
A	B	C	I	2	3	4=3/2	5=3/1
I	Chỉ tiêu sản lượng						
1	Sản xuất các sản phẩm						
-	Urê quy đổi	Nghìn tấn	870,29	895,15	934,77	104%	107%
	<i>Trong đó: - Sản phẩm từ gốc urê</i>	<i>Nghìn tấn</i>	<i>29,85</i>	<i>35,00</i>	<i>35,51</i>	<i>101%</i>	<i>119%</i>
-	NPK	Nghìn tấn	-	15,00	-		
2	Tiêu thụ các sản phẩm						
-	Urê quy đổi	Nghìn tấn	844,43	902,57	1.008,44	112%	119%
-	NPK	Nghìn tấn	-	15,00	-		
-	Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	167,07	140,00	171,48	122%	103%
II	Chỉ tiêu tài chính hợp nhất						
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.218,47	6.952,91	7.700	111%	107%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	463,09	510,95	716,53	140%	155%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	427,72	479,25	662,45	138%	155%
4	Các khoản nộp NSNN	Tỷ đồng	93,30	53,91	87,09	162%	93%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2019	Năm 2020		Tỷ lệ so sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	4=3/2	5=3/1
A	B	C	I	2	3		
III	Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ						
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.209,16	6.819,52	7.664	112%	106%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	460,37	508,73	714,83	141%	155%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	425,83	477,76	661,56	138%	155%
4	Các khoản nộp NSNN	Tỷ đồng	87,15	47,70	80,24	168%	92%
5	Tỷ suất LNTT/vốn CSHBQ	%	7%	8,2%	11,6%	141%	154%
6	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	334,78	153,30	112,89	74%	34%

1.2. Thông qua các chỉ tiêu chính của kế hoạch SXKD năm 2021:

Chỉ tiêu sản lượng:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
1	Sản lượng sản xuất		
1.1	Đạm Cà Mau (Urê)	Nghìn tấn	860,0
1.2	<i>Trong đó: Các sản phẩm phân bón từ gốc Urê</i>	<i>Nghìn tấn</i>	<i>42,0</i>
1.3	NPK	Nghìn tấn	155,0
2	Sản lượng kinh doanh		
2.1	Đạm Cà Mau (Urê)	Nghìn tấn	791,0
2.2	Các sản phẩm phân bón từ gốc Urê	Nghìn tấn	42,0
2.3	NPK	Nghìn tấn	155,0
2.4	Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	150,0

Kế hoạch tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
I	Chỉ tiêu tài chính (Công ty hợp nhất)		
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.839,0
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	210,0
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	197,4
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	56,9
II	Chỉ tiêu tài chính (Công ty mẹ)		
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	5.561,6
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.745,1
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	208,4
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	196,5
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn CSHCK	%	3,7%
6	Nộp NSNN	Tỷ đồng	51,3
7	Đầu tư XDCB và MS TTB		
7.1	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	115,1
-	Đầu tư XDCB và Mua sắm tài sản, trang thiết bị	Tỷ đồng	115,1
-	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	
7.2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	115,1
-	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	31,3
-	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	83,8

- 1.3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị.
- 1.4. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát.
- 1.5. Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2021:
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau: Công ty TNHH KPMG (Việt Nam), Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH PwC (Việt Nam) thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.
- 1.6. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- 1.7. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận lũy kế năm 2020 như sau:

STT	Khoản mục	Giá trị
		(tỷ đồng)
I	LNST lũy kế năm 2020	772,30
1	LNST chưa phân phối năm 2019 chuyển sang năm 2020	110,74
2	LNST năm 2020	661,56
II	Phân phối LNST lũy kế năm 2020	611,88
1	Quỹ Đầu tư phát triển (10% Lợi nhuận sau thuế)	66,16
2	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	85,44
	<i>Trong đó: - Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi người lao động (*)</i>	83,36
	<i>- Quỹ Thưởng người quản lý</i>	2,08
3	Bổ sung quỹ Khen thưởng, phúc lợi người lao động (*)	36,76
4	Chia cổ tức (08% VDL tương đương 800 đồng/cổ phiếu)**)	423,52
III	LNST chưa phân phối năm 2020 chuyển sang năm 2021	160,43

(*) 20% LNST phần vượt Kế hoạch đã được thông qua;

(**) Vốn điều lệ năm 2020: 5.294 tỷ đồng

- 1.8. Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

STT	Khoản mục	Giá trị
		(tỷ đồng)
I	LNST lũy kế năm 2021 theo kế hoạch	356,93
1	LNST chưa phân phối năm 2020 chuyển sang năm 2021	160,43
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo kế hoạch	196,5
II	Kế hoạch phân phối LNST lũy kế năm 2021	
1	Quỹ Đầu tư phát triển (30% Lợi nhuận sau thuế)(i)	
2	Quỹ phát triển khoa học công nghệ (10% Lợi nhuận trước thuế) (ii)	
3	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (u)	
4	Bổ sung quỹ Khen thưởng, phúc lợi (v)	20% phần LNST năm 2021 vượt KH
5	Dự kiến chia cổ tức (5% VDL tương đương 500 đồng/cổ phiếu)	

- (i): Quỹ đầu tư phát triển : 30 % Lợi nhuận sau thuế
(ii): Quỹ phát triển khoa học công nghệ : 10% Lợi nhuận trước thuế
(u): Quỹ Khen thưởng, phúc lợi

Trong đó:

+ Quỹ Khen thưởng, phúc lợi người lao động : 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động.

+ Quỹ Thưởng của người quản lý Công ty : 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý Công ty chuyên trách

(v): Bổ sung quỹ Khen thưởng, phúc lợi người lao động : 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch.

(w): Vốn điều lệ năm 2021: 5.294 tỷ đồng.

Việc thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 tùy vào tình hình sản xuất kinh doanh Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh kế hoạch phù hợp và thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 quyết định.

1.9. Thông qua Báo cáo tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020:

- Thực hiện năm 2020: **9.845,13** triệu đồng.

1.10. Thông qua Kế hoạch tiền lương, tiền thưởng, thù lao năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

a. Quỹ tiền lương, tiền thưởng, thù lao kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tạm tính như sau:

- Quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS : **6.597,739** triệu đồng.
- Quỹ tiền thưởng của HĐQT và BKS : **775,455** triệu đồng.
- Tổng cộng : **7.373,194** triệu đồng.

b. Phân phối tiền lương, tiền thưởng và thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

Việc phân phối quỹ tiền lương, thù lao và quỹ tiền thưởng của Ban quản lý điều hành thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng và thù lao của Ban quản lý, điều hành do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.

c. Cơ chế xác định Quỹ tiền lương, tiền thưởng và thù lao thực hiện năm 2021:

Quỹ tiền lương thực hiện:

- Quỹ tiền lương thực hiện được xác định trên cơ sở số người Ban quản lý, điều hành chuyên trách thực tế (tính bình quân theo tháng) và mức tiền lương bình quân thực hiện.

- Mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định trên cơ sở mức tiền lương bình quân kế hoạch gắn với mức độ thực hiện các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh cụ thể như sau:

+ Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định bằng mức tiền lương bình quân kế hoạch.

+ Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 01% lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm 02%, nhưng không quá 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch.

Quyền thưởng thực hiện:

- Khi lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch thì quỹ tiền thưởng của Ban quản lý, điều hành tương đương 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Ban quản lý, điều hành chuyên trách.

- Khi lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì quỹ tiền thưởng của Ban quản lý, điều hành tương đương 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Ban quản lý, điều hành chuyên trách.

1.11. Thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty như sau:

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
A	Bổ sung ngành nghề	
1	Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp:	- Mã ngành 6311: Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. -Mã ngành 6312: Công nghệ thông tin.
2	Ngành nghề quảng cáo	Mã ngành 7310: Quảng cáo.
3	Kinh doanh mua bán các sản phẩm vật tư nông nghiệp (máy móc hỗ trợ/công cụ dụng cụ/giống/thuốc/nông sản):	- Mã ngành 4653: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp. - Mã ngành 4620: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống.
4	Kinh doanh mua bán thiết bị điện tử.	- Mã ngành 4652: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
5	Sàn giao dịch điện tử (chợ online).	- Mã ngành 4791: Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet
6	Dịch vụ khảo nghiệm phân bón.	- Mã ngành 0161: Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
7	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.	- Mã ngành: 1104: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
8	Cho thuê tài sản thuộc sở hữu của doanh nghiệp	Mã ngành: 6810 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
9	Cung cấp dịch vụ kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa.	- Mã ngành: 7830 Cung ứng và quản lý nguồn lao động.
B	Sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh.	Điều chỉnh mã ngành 7110 Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất. - Mã ngành: 7211 Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên. - Mã ngành: 7212 Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ.

- 1.12. Thông qua việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- 1.13. Thông qua bổ sung, sửa đổi Quy chế quản trị Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
- 1.14. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung Quy chế này phù hợp với điều lệ và quy định pháp luật.
- 1.15. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.
ĐHĐCĐ ủy quyền cho Ban Kiểm soát sửa đổi, bổ sung Quy chế này phù hợp với điều lệ và quy định pháp luật.
- 1.16. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị /BKS Công ty (*dự kiến, nếu có*)

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh một cách linh hoạt các nội dung tại mục 1.2, 1.8, 1.10 Điều 1 cho phù hợp tình hình thực tế sản xuất kinh doanh.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 27/4/2021.

Điều 4. Tất cả các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Trưởng các ban, đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Trần Ngọc Nguyên